

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.


BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 19/04/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 21.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 01 năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297

Website: <http://www.camimex.com.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688

Website: <https://www.shs.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Nghĩa

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Số điện thoại: (84) 919 109 000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 19/04/2018)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | |
|-----------------------|--|
| Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex Group |
| Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá | : 10.000 đồng/cổ phần |
| Đối tượng chào bán | : Cổ đông hiện hữu |
| Giá chào bán | : 10.000 đồng/cổ phần |
| Khối lượng chào bán | : 13.221.234 cổ phần |
| Tổng giá trị chào bán | : 132.212.340.000 đồng |

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Biên cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888

Fax: (024) 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM

Điện thoại: (028) 3915 1368

Fax: (028) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung Q.Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3525 777

Fax: (0236) 3525 779

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: 15-13, đường Võ Nguyên Giáp - Phường Phú Thứ - Quận Cái Răng – Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3764 995

Fax: (0292) 3764 996

Website: <https://a-c.com.vn/>



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 6 |
| 1. Rủi ro về kinh tế | 6 |
| 2. Rủi ro về pháp luật | 10 |
| 3. Rủi ro đặc thù | 10 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán..... | 13 |
| 5. Rủi ro pha loãng | 13 |
| 6. Rủi ro quản trị Công ty..... | 15 |
| 7. Rủi ro khác | 16 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH..... | 17 |
| 1. Tổ chức phát hành | 17 |
| 2. Tổ chức tư vấn..... | 17 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM..... | 18 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 19 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 19 |
| 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty..... | 21 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty..... | 22 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông ngày 22/02/2019 | 27 |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CMX, những công ty mà CMX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMX..... | 29 |
| 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty..... | 35 |
| 7. Hoạt động kinh doanh | 36 |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..... | 51 |

| | |
|---|------------|
| 9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 61 |
| 10. Chính sách đối với người lao động..... | 71 |
| 11. Chính sách cổ tức | 73 |
| 12. Tình hình hoạt động tài chính..... | 73 |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng..... | 81 |
| 14. Tài sản | 91 |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 93 |
| 16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 96 |
| 17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty..... | 96 |
| 18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức..... | 96 |
| 19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu..... | 96 |
| V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN | 97 |
| 1. Loại cổ phiếu | 97 |
| 2. Mệnh giá..... | 97 |
| 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán | 97 |
| 4. Giá chào bán dự kiến | 97 |
| 5. Phương pháp tính giá..... | 97 |
| 6. Phương thức phân phối..... | 98 |
| 7. Thời gian phân phối cổ phiếu | 98 |
| 8. Đăng ký mua cổ phiếu | 99 |
| 9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài..... | 101 |
| 10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng..... | 103 |
| 11. Các loại thuế có liên quan..... | 103 |
| 12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu | 105 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... | 106 |

| | |
|---|------------|
| 1. Mục đích chào bán..... | 106 |
| 2. Phương án khả thi..... | 106 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 110 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN..... | 114 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% tại ngày 22/02/2019 | 27 |
| Bảng 2: Danh sách người có liên quan | 27 |
| Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/02/2019 | 29 |
| Bảng 4: Quá trình tăng vốn điều lệ..... | 35 |
| Bảng 5: Cơ cấu thị trường xuất khẩu qua các năm..... | 38 |
| Bảng 6: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo sản phẩm/dịch vụ - Công ty mẹ | 41 |
| Bảng 7: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo sản phẩm/dịch vụ– Hợp nhất | 43 |
| Bảng 8: Kết quả kinh doanh các Công ty con năm 2018 | 46 |
| Bảng 9: Một số máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ chính của công ty | 47 |
| Bảng 10: Một số khách hàng lớn của công ty | 50 |
| Bảng 11: Danh mục một số hợp đồng Công ty đã ký kết và đang thực hiện | 51 |
| Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2017 – Quý III/2019 | 52 |
| Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất năm 2017 – Quý III/2019 | 56 |
| Bảng 14: So sánh với các doanh nghiệp chế biến tôm có thị phần lớn trên thị trường | 64 |
| Bảng 15: Thuế xuất khẩu tôm vào Mỹ | 69 |
| Bảng 16: Cam kết thuế đối với mặt hàng tôm trong EVFTA..... | 70 |
| Bảng 17: Cơ cấu lao động tại 30/06/2019 | 71 |
| Bảng 18: Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh - Công ty mẹ..... | 74 |
| Bảng 19: Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh - Hợp nhất | 74 |
| Bảng 20: Các khoản nợ quá hạn | 75 |
| Bảng 21: Số dư các quỹ - Công ty mẹ | 76 |
| Bảng 22: Số dư các quỹ - Hợp nhất..... | 76 |
| Bảng 23: Tổng dư nợ vay – Công ty mẹ | 77 |
| Bảng 24: Tổng dư nợ vay – Hợp nhất | 77 |
| Bảng 26: Các khoản phải thu – Công ty mẹ | 77 |
| Bảng 27: Các khoản phải thu – Hợp nhất..... | 78 |
| Bảng 28: Các khoản phải trả - Công ty mẹ..... | 78 |

| | |
|--|-----|
| Bảng 29: Các khoản phải trả -Hợp nhất | 79 |
| Bảng 30: Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ | 80 |
| Bảng 31: Chỉ tiêu tài chính hợp nhất..... | 81 |
| Bảng 32: Tài sản – Công ty mẹ tại 30/09/2019 | 91 |
| Bảng 33: Tài sản chính - Hợp nhất tại 30/09/2019..... | 92 |
| Bảng 34: Tình hình sử dụng đất đai | 92 |
| Bảng 35: Dự tính nhu cầu Vốn lưu động..... | 107 |
| Bảng 36: Chi tiết các khoản vay bổ sung Vốn lưu động tại 31/12/2018..... | 108 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|--|----|
| Hình 1: Tôm sinh thái Camimex | 46 |
| Hình 2: Một số giấy chứng nhận tiêu chuẩn đã đạt được của Công ty..... | 48 |
| Hình 3: Showroom CMX tại Brussel, Bỉ..... | 50 |
| Hình 4: Khu nuôi tôm sinh thái Camimex..... | 62 |
| Hình 5: Sản lượng tôm Việt Nam so với các nước cung ứng tôm hàng đầu thế giới..... | 67 |
| Hình 6: Sản lượng sản xuất thủy sản, 2009 – 9T/2018 e..... | 68 |
| Hình 7: Một số hình ảnh hoạt động của Công ty..... | 72 |

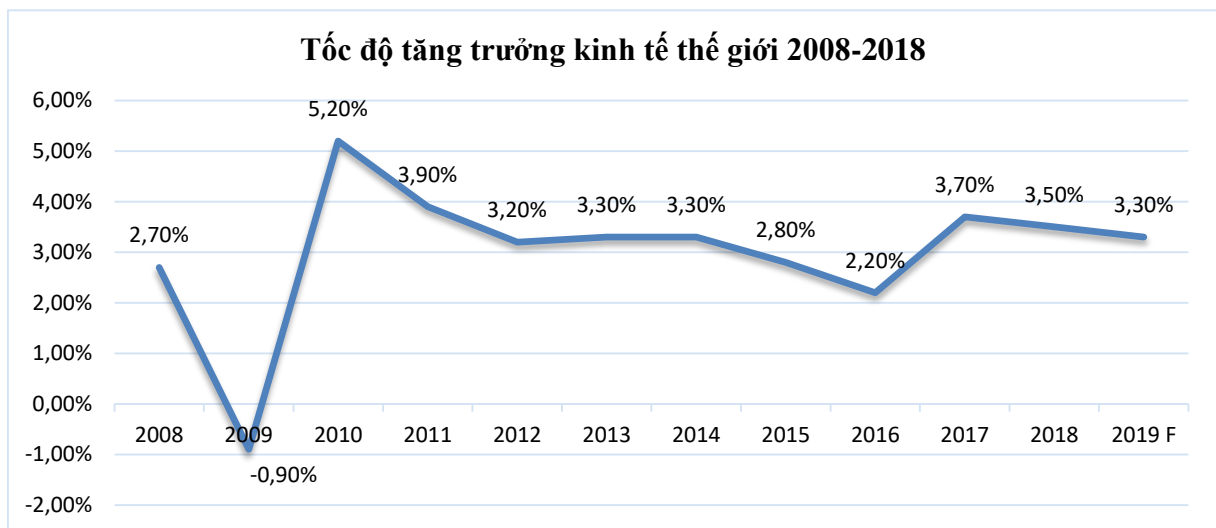
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Ngành thủy sản nói chung và Công ty Camimex nói riêng phục vụ chủ yếu cho mục tiêu xuất khẩu nên những biến động về nhu cầu trên thị trường thế giới đều tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2018, kinh tế toàn cầu có nhiều biến động. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung bùng phát ngay trong nửa đầu năm 2018 làm đảo lộn cục diện kinh tế toàn cầu. Không chỉ gây tổn hại cho Mỹ và Trung Quốc, những tranh cãi thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới cũng ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu khiến giá cả hàng hóa leo thang, đầu tư giảm, kiểm soát xuất nhập khẩu thắt chặt hơn, trong khi thị trường tài chính toàn cầu liên tục biến động. Tốc độ tăng trưởng toàn cầu giảm xuống còn 3,5% cho cả năm 2018.



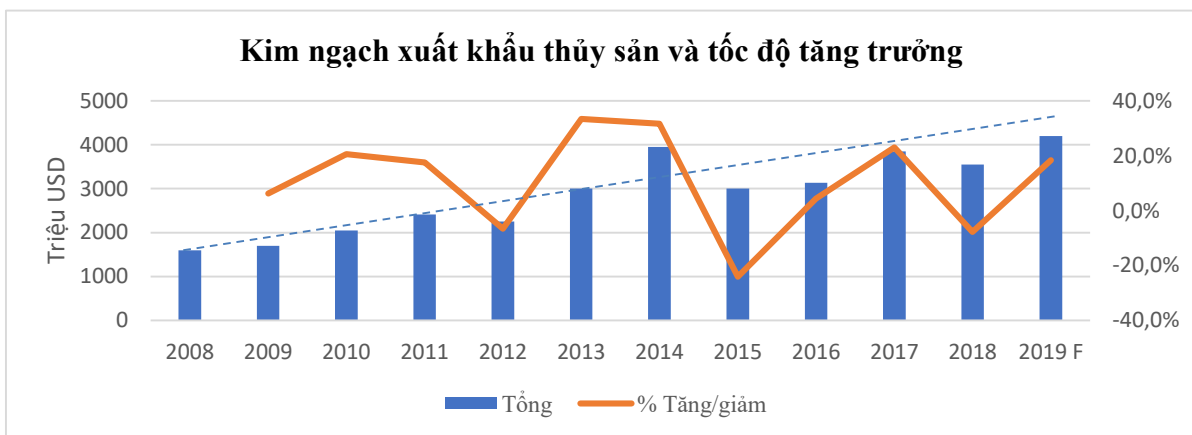
Nguồn: IMF

Năm 2019, do tác động từ sự phục hồi bấp bênh và khủng hoảng quay trở lại trên phạm vi toàn cầu, động lực phục hồi kinh tế của thị trường các nước phát triển có thể sẽ giảm. Trong khi đó, hầu hết các dữ liệu phân tích gần đây đều nhận định, kinh tế thế giới năm 2019 sẽ tiềm ẩn nhiều nguy cơ hơn năm 2018, do căng thẳng thương mại, bất ổn chính trị tiếp tục gia tăng. Những nhân tố tiêu cực của năm 2018 vẫn còn tồn tại và chưa tìm được lối thoát. Những nhân tố này dự báo sẽ tiếp tục gây bất ổn cho nền kinh tế toàn cầu. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn có nguy cơ bùng phát bất cứ lúc nào. Cuộc chiến thương mại này không chỉ là nguy cơ bên ngoài lớn nhất đối với chính nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc, mà còn là trở lực lớn nhất đối với kinh tế thế giới thời gian tới.

Mặc dù, nền kinh tế năm vừa qua cũng có những diễn biến phức tạp, trong đó cuộc chiến tranh Mỹ - Trung cũng ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xuất khẩu thế giới nói chung và Việt Nam

nói riêng. Đầu vậy, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 ước tính đạt 244,7 tỷ USD, tăng tới 13,8% so với năm 2017 (vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là tăng 7%-8% và Nghị quyết 01 của Chính phủ là tăng 8%-10%).

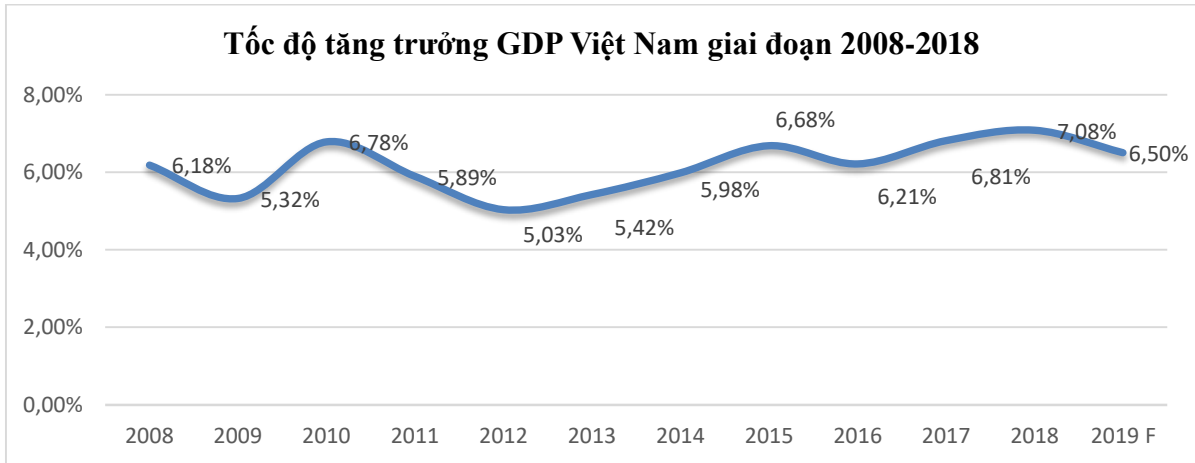
Trong năm 2018 xuất khẩu tôm của Việt Nam đạt 3,55 tỷ USD giảm 7,8% so với năm 2017 tuy nhiên theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu thủy sản có xu hướng phục hồi từ tháng 8/2018 và tăng trưởng khả quan. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2018 cũng thiết lập mốc kỷ lục 9 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm trước. Nhờ vào các hiệp định thương mại, đặc biệt là hiệp định CPTPP và EVFTA đi vào thực thi, mà ngành xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có nhiều lợi thế và cơ hội xuất khẩu. Vì thế trong năm 2019, ngành xuất khẩu thủy sản của Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh. Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu tôm năm 2019 mà Tổng cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đưa ra là 4,1 tỷ USD, tăng hơn năm 2018 gần 500 triệu USD.



1.2. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, bước sang năm 2018 nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp. Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục cắt giảm thực chất điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức nhiều Hội nghị chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất của các ngành, các địa phương; đẩy mạnh triển khai thực hiện các hiệp định thương mại nhằm tìm kiếm thị trường, thúc đẩy sản xuất trong nước, nỗ lực phấn đấu cao nhất hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật như sau:

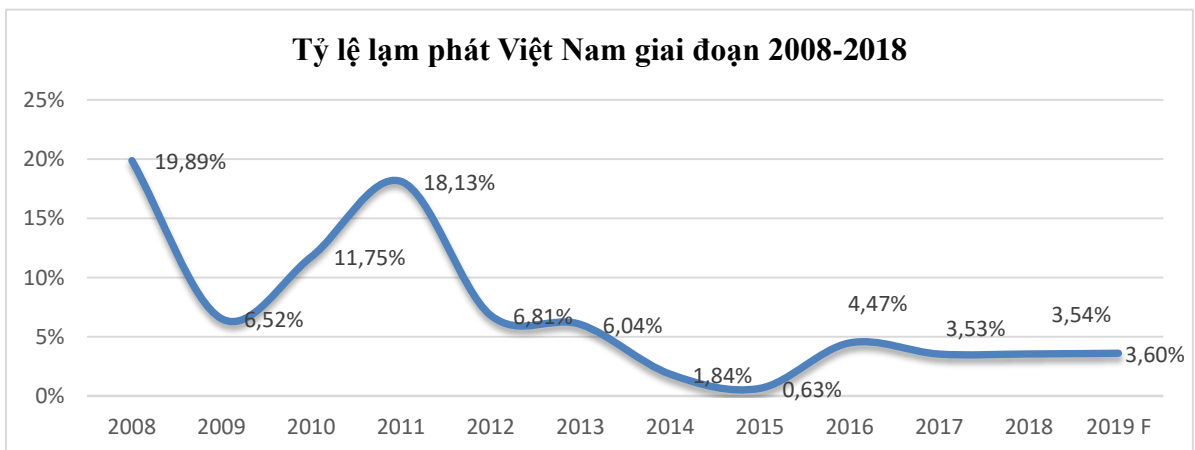
Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù vậy, kinh tế Việt Nam năm 2019 vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn khó lường. Mặt khác, cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt trong khi đó năng lực cạnh tranh của kinh tế còn thấp. Điều này sẽ tác động mạnh đến sản xuất, thu hút vốn FDI và tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam trong năm tới. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ giảm xuống còn 6,5% trong năm 2019 và trong trung hạn do các điều kiện bên ngoài kém thuận lợi. Trước đó, trong báo cáo Điều lại công bố ngày 1/7, WB cũng nhận định kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh bất định cao với tác động của những yếu tố bất lợi bên ngoài lên các ngành kinh tế quan trọng. WB dự báo tăng trưởng GDP trong năm 2019 theo giá so sánh của Việt Nam sẽ giảm còn 6,6%, do sức cầu bên ngoài yếu đi và chính sách tài khóa, tín dụng tiếp tục bị thắt chặt.

1.3. Lạm phát



Nguồn: Tổng cục thống kê

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát

và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Bước sang năm 2017, 2018 tỷ lệ lạm phát lại đã được kiểm soát thành công duy trì mức dưới 4%. Mức lạm phát này chỉ ở mức trung bình, ngưỡng lạm phát chấp nhận được và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

1.4. Lãi suất tín dụng

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Hiện nay, các ngân hàng đang đua tăng lãi suất huy động, cạnh tranh gay gắt để thu hút nguồn vốn. Không chỉ lãi suất kỳ hạn dài tăng cao với mức lãi suất trên 8%/năm, kỳ hạn ngắn cũng được điều chỉnh tăng, lãi suất kỳ hạn 7 tháng lên tới 7%/năm, kỳ hạn 5 tháng lên 5,5%/năm. Lãi suất huy động cao chót vót, khiến cho lãi suất cho vay của các ngân hàng cũng tăng cao. Hiện các doanh nghiệp đang phải vay vốn ngân hàng TMCP với lãi suất phổ biến ở mức 9-11%/năm đối với vay ngắn hạn và từ 12%-14% đối với vay trung/dài hạn từ.

Dự đoán về triển vọng thị trường tiền tệ năm 2019, theo các chuyên gia tài chính, lãi suất tiếp tục chịu áp lực tăng trong năm 2019 do nhiều nguyên nhân (1) FED nhiều khả năng sẽ tăng tiếp lãi suất trong năm 2019, đạt mức lãi suất điều hành dự kiến là 3,5% (2) Lạm phát trong năm 2019 có thể sẽ tăng cao hơn 2018, tạo ra áp lực tăng lãi suất tiền gửi với hệ thống ngân hàng. (3) Các yếu tố rủi ro bên ngoài như chính sách tiền tệ tại các quốc gia trên thế giới đang theo hướng thắt chặt hơn, trực tiếp góp phần tăng chi phí vay mượn trên quy mô toàn cầu.

Công ty Camimex Group luôn có nhu cầu vay vốn ngắn hạn từ ngân hàng để tài trợ vốn lưu động phục vụ xuyên suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như vận hành vùng nuôi hay mua tôm nguyên liệu nên những năm qua vay nợ ngân hàng luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Camimex, khiến cho Công ty thường xuyên phải đối mặt với rủi ro lãi suất. Trong thời gian tới, Công ty chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm hạn chế các khoản nợ vay tài chính ngắn hạn cũng như dài hạn. Từ đó giảm rủi ro lãi suất đối với hoạt động kinh doanh đầu tư.

1.5. Tỷ giá hối đoái

Về diễn biến tỷ giá trong năm 2018, theo Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia tỷ giá vẫn tiếp tục ổn định nhờ có nhiều yếu tố hỗ trợ như: cán cân thương mại có khả năng tiếp tục thặng dư do kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu tại các nước mới nổi và đang phát triển tiếp tục xu thế tăng, dòng vốn nước ngoài vẫn có xu hướng tích cực chảy vào các khu vực kinh tế mới nổi. Việc tăng lãi suất của FED trong năm 2018, đã tạo áp lực lên tỷ giá – lãi suất của thị trường Việt Nam. Số liệu do Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia công bố cho thấy, tỷ giá trung tâm VND/USD cuối năm 2018 đã tăng khoảng 1,5% so với đầu năm, tỷ giá NHTM tăng khoảng 2,8% và tỷ giá thị trường tự do tăng khoảng 3,5% so với đầu năm.

Đối với Camimex, tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến doanh thu, vì hoạt động kinh doanh chủ yếu của CMX là xuất khẩu thủy sản, nên ngoại tệ là nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn, trong khi nguồn nguyên liệu đến từ thị trường trong nước. Chính vì thế biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của CMX. Với hai thị trường xuất khẩu chính là Châu Âu và

Hàn Quốc chiếm gần 90% tỷ trọng các quốc gia mà Camimex xuất khẩu sang. Do vậy, CMX đặc biệt quan tâm theo dõi các tỷ giá như EUR/VND và KRW/VND để có các biện pháp giải quyết kịp thời. CMX đã dự tính rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua đợt phát hành tăng vốn và đã có cơ chế chủ động phòng ngừa, thông qua các chính sách điều chỉnh nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại ... Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

2. Rủi ro về pháp luật

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản nên Công ty Cổ phần Camimex Group chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại, các Luật về Thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu, chủ yếu vào các thị trường Châu Âu, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật,... Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành. Các quy định chống bán phá giá, yêu cầu về kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc tại các thị trường xuất khẩu chính ngày càng khắt khe khiến cho việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trở nên khó khăn hơn.

Thị trường EU là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam, với giá trị nhập khẩu thuộc top đầu. Tuy nhiên sau khi bị áp dụng “thẻ vàng” do vi phạm quy tắc truy xuất nguồn gốc IUU đối với các sản phẩm hải sản, giá trị xuất khẩu đã giảm mạnh. Theo đó, kể từ ngày 24/10/2017, 100% lô hàng hải sản Việt Nam vào thị trường EU bị giữ lại để kiểm tra nguồn gốc khai thác. Điều này ảnh hưởng không tốt trong hoạt động xuất khẩu bởi phát sinh thêm chi phí do thời gian kiểm tra kéo dài cùng nguy cơ rủi ro của doanh nghiệp khá lớn. Hiện nay, Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU tích cực tham mưu, tổng hợp, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp cấp bách trong việc nỗ lực gỡ “thẻ vàng” cho thủy sản Việt Nam.

Tại thị trường Mỹ, CMX hiện đang được hưởng thuế chống bán phá giá 0% tuy nhiên mỗi năm Bộ Thương mại Mỹ (DOC) sẽ đánh giá lại và áp mức thuế mới cho doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu tôm vào Mỹ. Ngoài ra, chính thức từ ngày 31/12/2018, tất cả tôm và bào ngư nhập khẩu vào Mỹ phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Chính sách mới với nhiều thủ tục, quy định đang đặt ra nhiều khó khăn, gây lúng túng cho các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu tôm của Việt Nam.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro nguồn nguyên liệu

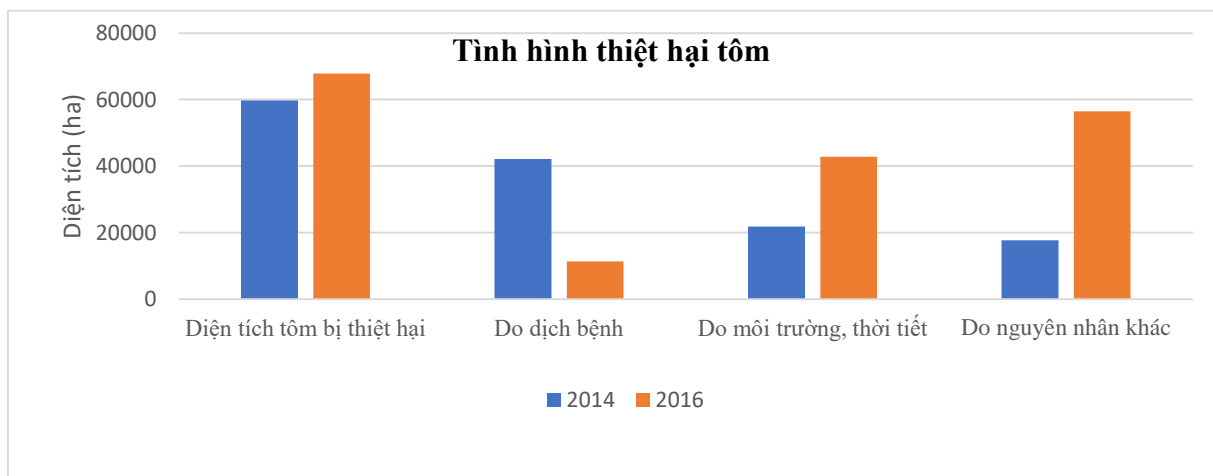
Đặc thù của ngành xuất khẩu thủy sản là đến từ chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu, mà chi phí nguồn nguyên liệu là yếu tố chiếm chủ yếu. Vì thế, những biến động trong nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ nhiều năm nay, thủy sản Việt Nam luôn gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là thủy sản khai thác và tôm nguyên liệu. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nguyên liệu cũng chưa được đáp ứng tốt đã gây không ít khó khăn cho việc xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Hiện Công ty có vùng nuôi tôm sinh thái tại Mũi Cà Mau và khu nuôi tôm tại tỉnh Kiên Giang nên góp phần chủ động trong việc cung cấp nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào cho công ty sản xuất. Ngoài ra với tôm sinh thái nguyên liệu, Công ty đang sở hữu vùng nuôi tôm sinh thái 300ha đồng thời liên kết với hơn 1.058 nông hộ nuôi với tổng diện tích 6.341,51 ha đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và chất lượng, từ đó có thể hạn chế những tổn thất mà rủi ro này mang lại.

3.2. Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Tôm là động vật biến nhiệt, thân nhiệt thay đổi theo môi trường sống, do đó các hiện tượng biến đổi thời tiết bất thường diễn ra với cường độ cao như mưa lớn, hạn hán, ngập mặn,... làm thay đổi nhiệt độ đột ngột đều gây bất lợi cho việc gây giống cũng như nuôi trồng tôm.

Từ lâu dịch bệnh là một vấn đề đau đầu không chỉ của ngành tôm mà còn ngành nuôi trồng thủy sản nói chung. Cụ thể, trong năm 2013, dịch EMS đã làm giảm 40% sản lượng tôm hàng năm của Thái Lan. Nông dân Ấn Độ cũng gặp nhiều khó khăn gây ra bởi dịch bệnh EHP và đốm trắng, làm giảm 10% sản lượng của nước này trong năm 2016.... Ở Việt Nam hiện tượng tôm, cá chết hàng loạt do dịch bệnh và sự cố môi trường thường xuyên xảy ra. Điển hình như hiện tượng tôm chết hàng loạt 2014-2016, sự cố xả thải Formosa, 200 tấn cá chết ở sông Đồng Nai...



Nguồn: Cục Thú y

Trước thực trạng đó, Camimex đã áp dụng khoa học công nghệ và quy trình kiểm soát nghiêm ngặt để hạn chế rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường:

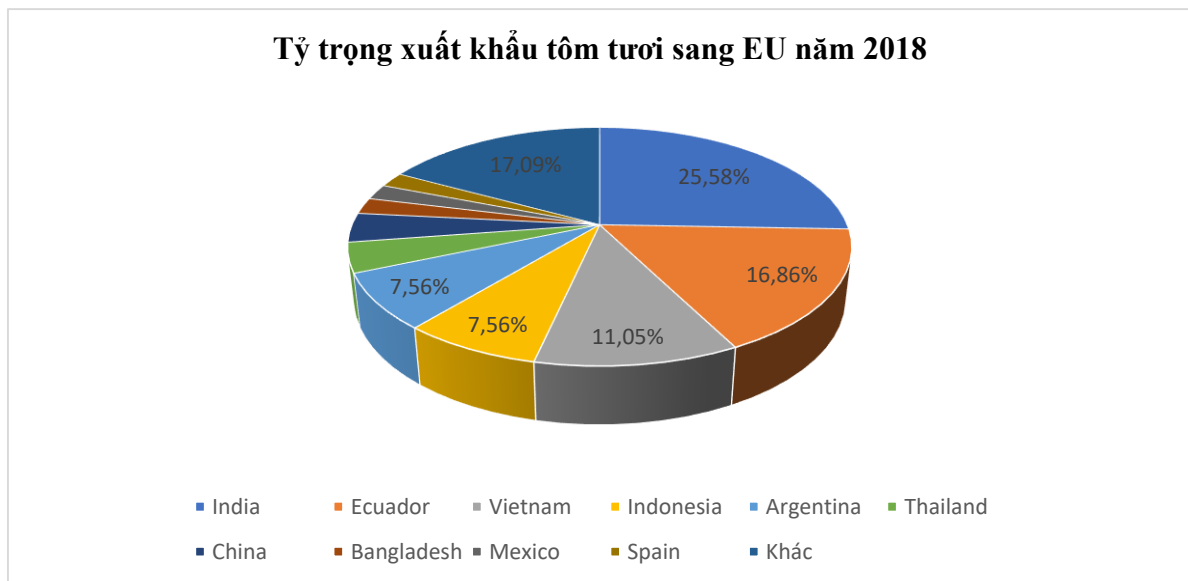
- Áp dụng công nghệ quảng canh cải tiến hạn chế thay nước, bảo vệ đáy ao, hạn chế xả thải ra ngoài môi trường nước
- Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học
- Hạn chế sử dụng thuốc, hóa chất và đúng quy định
- Với 1.058 hộ nông dân liên kết, Công ty bố trí đội kỹ thuật định kỳ 2 lần/năm làm nhiệm vụ tư vấn và kiểm tra vùng nuôi đảm bảo đạt tiêu chuẩn Organic EU, Bio Suisse,

Naturland,...

3.3. Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:

Trong nước là áp lực cạnh tranh vùng nguyên liệu và lao động phổ thông khá gay gắt. Một mặt do nguồn nguyên liệu thủy sản cho xuất khẩu vẫn thiếu hụt và không ổn định, nhưng mặt khác mức độ tuân thủ hợp đồng của người nông dân với doanh nghiệp không cao đặc biệt là khi giá cả biến động tăng. Ngành thủy sản cũng là ngành sử dụng nhiều lao động phổ thông nên với sức ép gia tăng tiền lương và cạnh tranh với nội bộ ngành cũng như các ngành khác trong việc thu hút lao động cũng là vấn đề nan giải.

Trên thế giới thì thủy sản Việt Nam cũng chịu áp lực cạnh tranh gay gắt về giá bán với các nước xuất khẩu thủy sản khác như: Thái Lan, Indonesia, Ecuador, Trung Quốc, Ấn Độ... và bảo hộ ngành khai thác của các nước nhập khẩu như: Mỹ, EU, Nhật Bản nên tỷ lệ cạnh tranh của ngành là rất cao. Ấn Độ và Ecuador hiện nay là 2 nước có sản lượng nuôi trồng lớn nhất thế giới, cạnh tranh trực tiếp về giá thành, cũng như sản phẩm với Việt Nam. Đáng chú ý, sau khi Hiệp định thương mại giữa Ecuador và EU có hiệu lực thì tôm thẻ của nước này xuất khẩu vào EU tăng rất mạnh.



Tuy nhiên, hai hiệp định CPTPP (đã có hiệu lực) và EVFTA (đã ký kết, chưa có hiệu lực) mà Việt Nam vừa ký kết hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần trên thế giới. Theo đó, ngay khi CPTPP có hiệu lực, tôm xuất khẩu Việt Nam được giảm thuế ngay về mức 0%. Đối với thị trường EU, tôm Việt Nam hiện đang bị áp thuế cao (12.5% đối với tôm nguyên liệu và 20% đối với tôm thành phẩm), vì vậy, ngay khi EVFTA có hiệu lực, tôm xuất khẩu từ Việt Nam cũng sẽ được giảm ngay về mức 0%.

3.4. Rủi ro chi phí vốn lớn:

Ngành thủy sản là một ngành đòi hỏi đầu tư vốn lớn với thời gian thu hồi vốn lâu. Trong khi nguồn vốn của nông dân và doanh nghiệp vẫn còn hạn chế, nên phải phụ thuộc vào việc vay ngân hàng. Tuy nuôi trồng thủy sản đang được vay vốn ưu đãi, nhưng hoạt động kinh doanh của công ty vẫn có thể bị ảnh hưởng nếu không được kiểm soát tốt. Thậm chí có những doanh nghiệp vì lãi vay cao mà thua lỗ như: Thủy sản Bình An, Thủy sản Hùng Vương,...

Công ty kỳ vọng nguồn tiền thu được từ việc phát hành thêm sẽ làm cơ cấu tài chính của Camimex trở nên lành mạnh hơn, hạn chế rủi ro lãi vay trong tương lai.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết cho cổ đông hiện hữu. Ngoài ra, tình hình kinh tế vĩ mô đang trong giai đoạn chững lại đồng thời còn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ ảnh hưởng của kinh tế thế giới và những nguy cơ từ nội tại nền kinh tế trong nước, thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua cũng có nhiều biến động. Do vậy, Công ty có thể gặp rủi ro không chào bán hết do các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để thực hiện mục đích phát hành. Tổng giá trị số tiền dự tính thu được từ đợt phát hành của Công ty là **132.212.340.000 đồng** (trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán) dự kiến được sử dụng cho mục đích đầu tư vào các dự án Công ty đang triển khai và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- Chủ tịch HĐQT tiếp tục chào bán với giá bằng mệnh giá (10.000 đ/cp) theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác.
- Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Cuối cùng, số cổ phiếu chào bán không được mua hết dẫn đến số tiền thu được không đủ tài trợ cho mục đích chào bán thì Công ty sẽ sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung.

Tuy nhiên, với giá phát hành (10.000 đ/cp) thấp hơn nhiều so với thị giá hiện tại trên thị trường cổ phiếu (Giá cổ phiếu CMX: 28.300 tính đến ngày 09/08/2019) cùng với triển vọng tăng trưởng của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm là 13.221.234 cổ phiếu tỷ lệ 1:1 tương đương 100% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty dự kiến tăng lên tương ứng như sau:

| | |
|---|-----------------------------|
| Vốn điều lệ hiện tại | 132.212.340.000 đồng |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.221.234 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu | 13.221.234 cổ phiếu |
| Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành | 26.442.468 cổ phiếu |

| | |
|--|-----------------------------|
| Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành | 264.424.680.000 đồng |
|--|-----------------------------|

Sau khi toàn bộ số cổ phiếu trong đợt phát hành thêm này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý là lượng cổ phiếu chào bán thêm sẽ khiến tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên làm xuất hiện các rủi ro pha loãng bao gồm

5.1. Pha loãng giá cổ phiếu

Trong đợt phát hành này, Công ty chào bán 13.221.234 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu lưu hành của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 100% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được thị trường điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành} * \text{giá thị trường} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm} * \text{giá chào bán}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Giả sử giá cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường là 28.300 đồng/cổ phiếu (theo giá tham chiếu ngày 09/08/2019), giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu; giá cổ phiếu sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{13.221.234 * 28.300 + 13.221.234 * 10.000}{13.221.234 + 13.221.234} = 19.150 \text{ đồng /cổ phiếu}$$

Như vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X * 12 + Y * T}{12}$$

- X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử, ngày hoàn tất đợt chào bán này của CMX là 30/09/2019. Khi đó:

$$\text{Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{13.221.234 * 12 + 13.221.234 * 3}{12} = 16.526.543 \text{ cổ phiếu}$$

Giả sử, lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 198,74 tỷ đồng (theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm

2019 được ĐHĐCĐ thông qua)

Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{EPS năm 2019 (dự kiến) trước} &= \frac{198.740.000.000}{13.221.234} = 15.032 \text{ đồng/cổ phiếu} \\ \text{khi pha loãng} & \\ \text{EPS năm 2019 (dự kiến) sau khi} &= \frac{198.740.000.000}{16.526.543} = 12.026 \text{ đồng/cổ phiếu} \\ \text{pha loãng} & \end{aligned}$$

Sau khi chào bán, EPS năm 2019 của Camimex bị giảm 20% so với trước khi chào bán.

Tóm lại, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của CMX tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV):

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}} \\ \text{Giá trị sổ sách của cổ} &= \frac{138.418.069.716 - 2.101.728.829}{13.221.234} = 10.310 \text{ đồng/ cổ phiếu} \\ \text{phần (31/12/2018)} & \end{aligned}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

5.4. Rủi ro tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đối với việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua của mình, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ không thay đổi. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết sẽ bị giảm tương ứng.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Công ty được thành lập và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ năm 2006 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2010. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám

sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

| | |
|------------------------------|-------------------------------|
| Ông: Bùi Sĩ Tuấn | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT |
| Ông: Nguyễn Đăng Duẩn | Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát |
| Ông: Nguyễn An Ninh | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| Ông: Nguyễn Trọng Hà | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Bà: **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 40/2018/UQ-TGD ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội** tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với **Công ty Cổ phần Camimex Group**. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **Công ty Cổ phần Camimex Group** cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | | |
|---------------------|---|--|
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| BKS | : | Ban Kiểm soát |
| CBCNV | : | Cán bộ công nhân viên |
| Công ty/ CMX | : | Công ty Cổ phần Camimex Group |
| CPTPP | : | Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| EVFTA | : | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU |
| Giấy CNĐKKD | : | Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| HĐQT | : | Hội đồng quản trị |
| HOSE | : | Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh |
| LNST | : | Lợi nhuận sau thuế |
| NLĐ | : | Người lao động |
| SXKD | : | Sản xuất kinh doanh |
| Tổ chức tư vấn/ SHS | : | Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội |
| UBCKNN | : | Ủy ban chứng khoán nhà nước |
| VCSH | : | Vốn chủ sở hữu |
| VND | : | Đồng Việt Nam |
| yoy | : | Year over Year được sử dụng để so sánh kết quả tài chính trong cùng một khoảng thời gian năm ngoái |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.

| | |
|-----------------------|---|
| Tên Công ty: | CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP |
| Tên tiếng Anh: | CAMIMEX GROUP JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt: | CAMIMEX GROUP |
| Mã chứng khoán: | CMX |
| Trụ sở chính: | Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Điện thoại: | (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297 |
| Website: | http://www.camimex.com.vn/ |
| Vốn điều lệ: | 132.212.340.000 đồng |
| Giấy chứng nhận ĐKKD: | Số 2000103908 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 04 năm 2018. |



Logo:

Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-------------------------|
| 1 | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân. | 1020 (Chính) |
| 2 | Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi tôm | 0321 |
| 3 | Nuôi trồng thủy sản nội địa | 0322 |

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

1977

Công ty cổ phần Camimex Group (tên trước đây là Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau) - tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, được thành lập ngày 13/09/1977, là một Xí nghiệp chế thủy sản đầu tiên của tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) và đứng thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.

1993

Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, qua nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp theo từng mô hình của từng thời kỳ, đến 1993 đơn vị mang tên “Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX). Từ đó công ty không ngừng mở rộng sản xuất và phát triển trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu mặt hàng thủy sản.

2005

Theo quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành “Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” với hình thức sở hữu cổ phần nhà nước trực thuộc sự quản lý của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

2006

Đến ngày 12/01/2006, Công ty đã chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6103000065 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006 với tổng vốn Điều lệ ban đầu là 65 tỷ đồng.

2010

Ngày 02/11/2010 công ty được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và cổ phiếu công ty chính thức giao dịch vào tại sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.

2011

Theo kế hoạch bán vốn nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-ĐTKV. HĐTV ngày 17/12/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) ngày 20/11/2011, Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX) đã hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.

2018

Để phù hợp với sự phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 18/04/2018 đã thống nhất quyết định đổi tên công ty thành CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP, tên viết tắt là: CAMIMEX GROUP

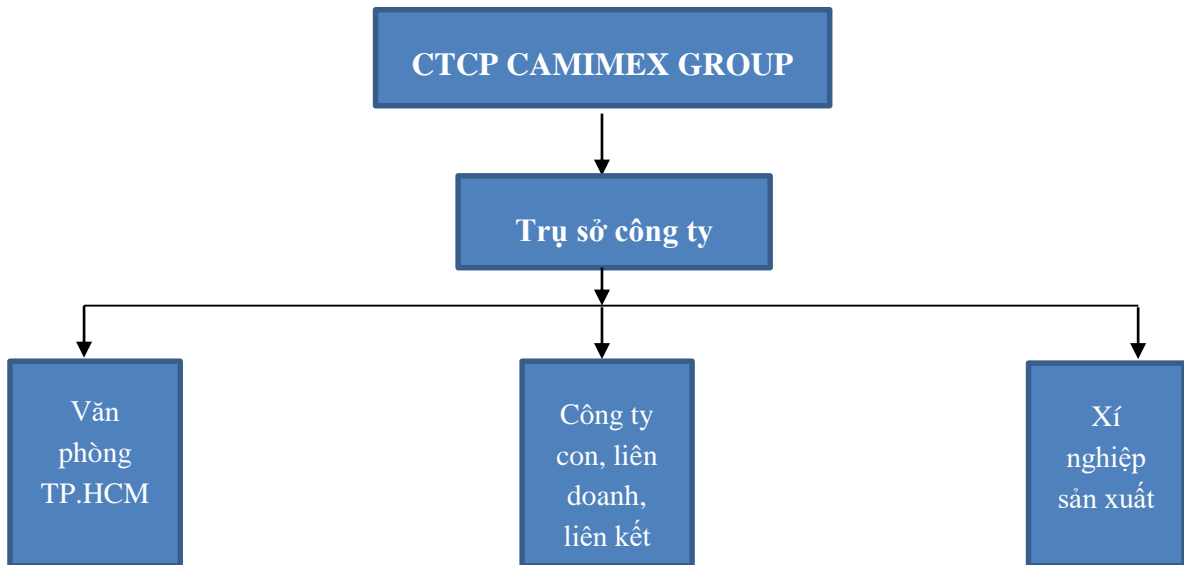
❖ Các thành tích:

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã đạt được các thành tích và được tặng

thường các danh hiệu, chứng nhận cao quý như:

- **Năm 2000:** Công ty được chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng Anh hùng lao động
- **Năm 2008, 2009:** Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) xếp hạng những doanh nghiệp uy tín trong thị trường thủy sản tại Việt Nam.
- **Năm 2015:** Doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ tôm sinh thái toàn diện đầy đủ của Naturland và IMO từ khâu con giống, nuôi trồng, chế biến thành phẩm xuất ra thị trường.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Công ty Cổ phần Camimex Group được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Camimex Group:

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297

Trụ sở chính của công ty là nơi đặt văn phòng làm việc Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban nghiệp vụ

Văn phòng đại diện TP.HCM

Địa chỉ: Số 33/3 đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Các Công ty con, liên doanh, liên kết:

- Công ty Cổ phần Camimex, Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà

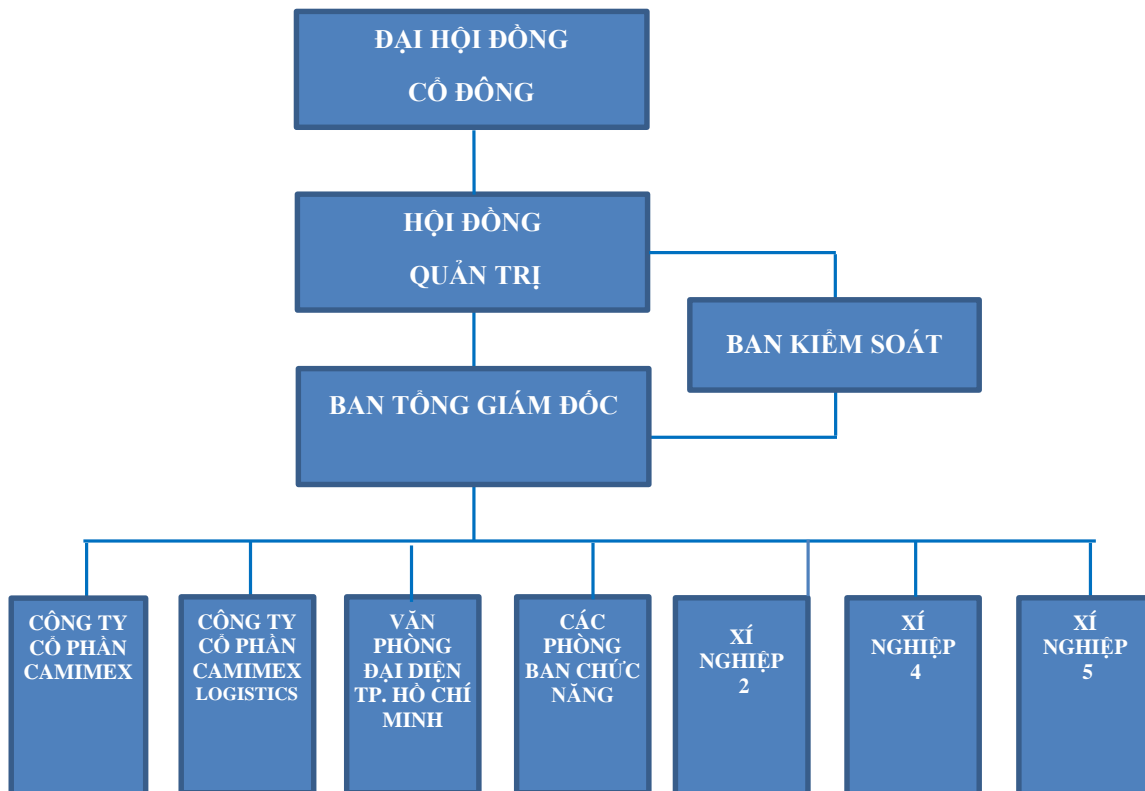
Mau

- Công ty Cổ phần Camimex Logistics, Địa chỉ: 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Camimex Organic, Địa chỉ: Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau
- Công ty Cổ phần Camimex Foods, Địa chỉ: 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Công ty Cổ phần Camimex Nutrion. Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Prime Center, Số 53 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị. Địa chỉ: Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, Thị trấn Cửa Tùng, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị.

Xí nghiệp sản xuất

- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2, Địa chỉ: khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4, Địa chỉ: 224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5, Địa chỉ: 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Công ty Cổ phần Camimex Group được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần gồm:

❖ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng

cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Quyền hạn và nhiệm vụ khác của ĐHCĐ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội Đồng Quản Trị gồm có 01 (một) Chủ tịch, 05 (năm) thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Quyền hạn và nhiệm vụ khác của HĐQT được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

| | |
|----------------------|---|
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn An Ninh | Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc |
| Ông Bùi Đức Cường | Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Hoàng Nam | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Trọng Hà | Chức vụ: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng |

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại có 03 thành viên, gồm có 01 (một) trưởng ban và 02 thành viên BKS, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm theo Quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

| | |
|------------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Đăng Duẩn | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa | Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát |

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm có 01 (một) Tổng giám đốc, 02 (hai) Phó Tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc hiện nay của Công ty là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực thủy sản.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

| | |
|---------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn An Ninh | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Đức Cường | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Trọng Hà | Chức vụ: Kế toán trưởng |

❖ Các công ty con trực thuộc:

Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Công ty hiện có 2 công ty con gồm: CTCP Camimex, CTCP Camimex Logistics

❖ Văn phòng đại diện TP. Hồ Chí Minh:

- Thực hiện quảng bá sản phẩm của Công ty tới khách hàng
- Luôn luôn tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm, đồng thời báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc.
- Đảm nhiệm đại diện giao dịch với các khách hàng trong và ngoài nước tại TP Hồ Chí Minh.
- Thực hiện các chức năng khác công ty giao.

❖ Các phòng ban chức năng:**▪ Phòng Kinh doanh Tổng hợp**

- Đề xuất, ký kết hợp đồng bán sản phẩm công ty cho các đối tác trong và ngoài nước. Soạn thảo các văn bản hợp đồng kinh tế và theo dõi thực hiện giao nhận hàng hóa đúng hợp đồng đã ký.
- Kết nối với các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng và cung cấp thông tin hai chiều tạo nên sự hiểu biết và ủng hộ của công chúng đối với thương hiệu và các sản phẩm của công ty.
- Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện kế hoạch sản xuất, số lượng hàng hóa sản xuất, xuất khẩu theo hợp đồng đã ký.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng tháng, quý, năm, nhằm nâng cao sản lượng sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

▪ Phòng Ban kiểm soát nội bộ

- Tham mưu cho HĐQT, ban Tổng giám đốc về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro trong việc xây dựng, thực hiện các quy chế, quy trình của Công ty.
- Quản lý và theo dõi giám sát hệ thống camera trong toàn công ty.
- Thực hiện công tác kiểm soát nội bộ khác của Công ty.

▪ Phòng Hành chính Nhân sự

- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đúng theo qui định của Nhà nước. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thi đua khen thưởng công ty về việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng phó phòng ban, đề nghị khen thưởng và kỷ luật cán bộ công nhân trong công ty có hành vi vi phạm nội qui lao động và Bộ Luật lao động
 - Phân công và sử dụng lao động khoa học hợp lý, tăng năng suất lao động và có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện chức năng hành chính quản trị như: mở sổ sách theo dõi, quản lý và lưu trữ công văn đi, đến, sao chụp và chuyển công văn đến người thực hiện theo sự phê duyệt chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty.
 - Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, trật tự an ninh xã hội trong phạm vi xí nghiệp và các khu vực trực thuộc Công ty quản lý.
 - Theo dõi và đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các quyết định chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
 - Thực hiện và tham gia công tác bảo vệ môi trường, phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động.
- **Phòng Kế toán tài vụ**
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức bộ máy kế toán, điều hành hạch toán, quyết toán về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, nguồn vốn đúng qui định của pháp luật.
 - Theo dõi công nợ phải thu phải trả, phản ánh kịp thời và quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, tiền gửi thanh toán nội bộ, đối ngoại.
 - Đối chiếu và tích cực thu hồi các khoản công nợ phát sinh trong nước và nước ngoài, báo cáo kịp thời công nợ dây dưa khó thu cho Ban Tổng Giám đốc.
 - Theo dõi trực tiếp các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng trong và ngoài nước, kịp thời thanh lý các hợp đồng đã thực hiện.
 - Thực hiện quyết toán quý, sáu tháng, chín tháng, năm theo đúng quy định.
 - Tham mưu đề xuất các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động thương mại liên quan đến tôm nguyên liệu, đầu tư tài chính và thực hiện các nhiệm vụ khác mà Công ty được giao trong từng thời kỳ hoạt động.
- **Phòng kỹ thuật, xây dựng cơ bản**
- Quản lý trang thiết bị máy móc trong toàn Công ty.
 - Tổ chức thực hiện các giải pháp kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Phân công công việc cho các phó trưởng phòng, tổ sửa chữa, tổ vận hành. Phối hợp với các xí nghiệp, phòng ban trong công ty để thực hiện công việc chuyên môn kịp thời, linh hoạt, an toàn, hiệu quả.
 - Xây dựng qui trình vận hành, hướng dẫn sử dụng các máy móc thiết bị.

- Theo dõi chặt chẽ tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị, lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, trung tu, đại tu nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục.
 - Lập kế hoạch hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng về việc bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị máy móc, dụng cụ sản xuất trong toàn công ty.
 - Tiếp nhận báo cáo về tình trạng của trang thiết bị máy móc từ Ban Giám đốc, tổ vận hành các xí nghiệp, phòng ban, thẩm định mức độ hư hỏng và đề ra giải pháp khắc phục, sửa chữa.
 - Điều hành công việc sửa chữa trang thiết bị máy móc trong toàn Công ty theo thứ tự ưu tiên tại các xí nghiệp, phòng ban.
- **Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm (QM)**
- Thường xuyên kiểm tra thực hiện chương trình quản lý chất lượng HACCP; GMP; SSOP, BRC... và hệ thống chất lượng đạt yêu cầu thực tế và vận hành có hiệu quả.
 - Nghiên cứu kiểm tra đề xuất các xí nghiệp việc thực hiện qui trình sản xuất chế biến, điều kiện sản xuất cho phù hợp với yêu cầu để đạt được hiệu quả chất lượng.
 - Tham gia xem xét góp ý các dự án đầu tư nâng cấp xây dựng các xí nghiệp về phương diện chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.
 - Có nhiệm vụ bảo quản, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát chất lượng mà phòng quản lý.
 - Có trách nhiệm tổ chức kiểm tra vi sinh, kháng sinh hàng ngày từng khâu nguyên liệu được giao đến khâu bán thành phẩm trên từng công đoạn, thành phẩm nhập kho theo đơn đặt hàng, vệ sinh công nghiệp như: nước, nước đá tại các xí nghiệp theo kế hoạch kiểm tra vi sinh định kỳ của phòng.
 - Thường xuyên theo dõi kết quả kiểm tra vi sinh, thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu thông số theo biểu mẫu, báo cáo phân tích nguyên nhân những lô hàng bị nhiễm (nếu có) và báo cáo Ban Tổng Giám đốc xử lý chấn chỉnh kịp thời.
- **Phòng công nghệ**
- Nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm mới, quy trình mới, cải tiến quy trình sản xuất.
 - Ban hành lệnh sản xuất, phụ kiện sản xuất, kiểm tra giám sát chất lượng.
 - Làm hàng mẫu, kiểm hàng xuất, nhập...
 - Phụ trách liên hệ, dẫn khách tham quan, đánh giá khách hàng tại các xí nghiệp....
 - Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban giám đốc công ty.
- ❖ **Các Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4, Xí nghiệp 5:**
- Tổ chức việc thực hiện, giám sát các hoạt động sản xuất của các nhà máy chế biến
 - Sản xuất chế biến tôm theo từng ngày/tuần/tháng/quý báo cáo lên ban HĐQT, ban Tổng giám đốc.
 - Phối hợp với các phòng ban liên quan về kế hoạch sản xuất theo từng ngày/tuần/tháng/quý.

- Tổ chức sản xuất và phân công ca cho công nhân, thực hiện điều hành giám sát các hoạt động chế biến sản phẩm trong quá trình hoạt động tại các nhà máy.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông ngày 22/02/2019

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người liên quan

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% tại ngày 22/02/2019

| STT | Tên cổ đông | Số CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|------------------|-----------------------------------|--------------|---|------------------|---------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Vốn Thiên Niên Kỳ | 0305793603 | 12.02A Cao ốc Screc, Đường Trường Sa, P.12, Q.3, Tp.HCM | 2.542.833 | 19,23% |
| 2 | Bùi Đức Cường | 034073004540 | 1.14 lô E, chung cư Tây Thạnh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú | 1.920.000 | 14,52% |
| 3 | Nguyễn An Ninh | 024986574 | 111 Cao Thắng, Phường 17, Quận Phú Nhuận Hồ Chí Minh | 1.648.388 | 12,47% |
| 4 | Huỳnh Hữu Nhân | 380988233 | 298 Nguyễn Công Trứ, Phường 8, Cà Mau, Cà Mau | 1.066.407 | 8,07% |
| Tổng cộng | | | | 7.177.628 | 54,29% |

Bảng 2: Danh sách người có liên quan

| STT | Họ và tên | Quan hệ với cổ đông lớn | Số CMND/CCCD | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|--|-------------------------|--------------|------------|--------|
| 1 | Công ty Cổ phần Vốn Thiên Niên Kỳ | | 0305793603 | 2.542.833 | 19,23% |
| | Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 034071003438 | 0 | 0% |
| | Bùi Kim Quốc | Cha | Đã mất | 0 | 0% |
| | Phạm Thị Nga | Mẹ | 150042388 | 0 | 0% |
| | Bùi Đức Cường | Em ruột | 034073004540 | 1.920.000 | 14,52% |
| | Bùi Đức Dương | Em ruột | 03407300454 | 0 | 0% |
| | Vũ Thị Bích Ngọc | Vợ | 024780150 | 0 | 0% |
| | Bùi Đức Dũng | Con trai | 024879911 | 0 | 0% |
| | Bùi Vũ Diệu Anh | Con gái | 025175758 | 0 | 0% |

| | | | | | |
|----------|-----------------------|----------|-----------------------------|------------------|---------------|
| | Bùi Vũ Thảo Anh | Con gái | Chưa có | 0 | 0% |
| 2 | Bùi Đức Cường | | 034073004540 | 1.920.000 | 14,52% |
| | Bùi Kim Quốc | Cha | Đã mất | 0 | 0% |
| | Phạm Thị Nga | Mẹ | 150008365 | 0 | 0% |
| | Bùi Sĩ Tuấn | Anh ruột | 034071003438 | 0 | 0% |
| | Bùi Đức Dương | Em ruột | 024780150 | 0 | 0% |
| | Bùi Diệu Linh | Con | Chưa có | 0 | 0% |
| | Bùi Diệu Tiên | Con | Chưa có | 0 | 0% |
| | Bùi Diệu Chi | Con | Chưa có | 0 | 0% |
| 3 | Nguyễn An Ninh | | 024986574 | 1.648.388 | 12,47% |
| | Nguyễn Văn Tuyên | Cha | Đã mất | 0 | 0% |
| | Nguyễn Thị Út | Mẹ | thất lạc CMND (lớn tuổi) | 0 | 0% |
| | Nguyễn Hồng Lĩnh | Vợ | 024986575 | 0 | 0% |
| | Nguyễn Hoàng Nam | Con | 024986486 | 12.137 | 0,09% |
| | Nguyễn Văn Hải | Con | N1400951 | 0 | 0% |
| | Nguyễn Hoàng Anh | Con | Chưa có | 0 | 0% |
| | Nguyễn Thị Hương | Em | 172991969 | 0 | 0% |
| 4 | Huỳnh Hữu Nhân | | 380988233 | 1.066.407 | 8,07% |
| | Huỳnh Hữu Đức | Cha | 380262639 | 0 | 0% |
| | Nguyễn Thị Ngọc Đờ | Mẹ | thất lạc CMND | 0 | 0% |
| | Hà Hải Thái Minh | Vợ | 381667777 | 0 | 0% |
| | Huỳnh Thanh Trúc | Chị | thất lạc CMND | 0 | 0% |
| | Huỳnh Hữu Paul | Em | 381247929 | 0 | 0% |
| | Huỳnh Minh Tâm | Em | 381358810 | 0 | 0% |
| | Huỳnh Thị Ngọc Thanh | Em | 381423244 | 0 | 0% |
| | Huỳnh Tiến Phát | Con | Còn nhỏ | 0 | 0% |
| | Huỳnh Hà Phú Lộc | Con | Còn nhỏ | 0 | 0% |

Nguồn: CTCP Camimex Group

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 lần đầu ngày 12/01/2006. Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 119, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định: Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của

mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/02/2019

| Cổ đông | Số cổ đông | Số lượng CP | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ |
|-------------------------------|------------|-------------------|------------------------|----------------|
| I. Cổ đông trong nước | 675 | 12.684.907 | 126.849.070.000 | 95,94% |
| * Cá nhân | 14 | 2.543.928 | 25.439.280.000 | 19,24% |
| * Tổ chức | 661 | 10.140.979 | 101.409.790.000 | 76,70% |
| II. Cổ đông nước ngoài | 24 | 536.327 | 5.363.270.000 | 4,06% |
| * Cá nhân | 6 | 287.590 | 2.875.900.000 | 2,18% |
| * Tổ chức | 18 | 248.757 | 2.487.570.000 | 1,89% |
| III. Cổ phiếu quỹ | - | - | - | 0,00% |
| Tổng | 699 | 13.221.234 | 132.212.340.000 | 100,00% |

Nguồn: Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 823/CNVSD-ĐK ngày 22/02/2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CMX, những công ty mà CMX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMX.

5.1. Công ty mẹ của CMX

Không có

5.2. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các đơn vị góp vốn khác của CMX

❖ DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON:

5.2.1. CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

- Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại: 02903.831608 Fax: 02903.580827
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2001122903, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 08/08/2019. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau,
- Vốn điều lệ: 555.000.000.000 đồng
- Vốn cổ phần hoặc CMX sở hữu: 79,27%

Ngày 07/08/2019, HĐQT CTCP Camimex Group đã thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ số

02/NQ.ĐHĐCĐ ngày 10/07/2019 của CTCP Camimex về việc tăng vốn điều lệ từ 515 tỷ lên 555 tỷ tuy nhiên CTCP Camimex Group sẽ không góp thêm vốn. Sau khi tăng vốn điều lệ, CTCP Camimex Group chỉ sở hữu 79,27% vốn điều lệ tại CTCP Camimex.

- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã ngành | Tên ngành |
|-------------------------|---|
| 1020 (Chính) | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. |
| 4620 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm. |
| 4632 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Xuất nhập khẩu thủy sản các loại. |
| 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân. |
| 4690 | Bán buôn tổng hợp |
| 5210 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. |
| 0321 | Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi tôm. |
| 0322 | Nuôi trồng thủy sản nội địa |

5.2.2. CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX LOGISTICS

- Địa chỉ: 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 0983.400234
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0315120124, do Công an Tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 22/06/2018, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 22/02/2019.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng
- Vốn cổ phần sở hữu tại CMX (hoặc CMX sở hữu): 1.300.0000 cổ phần, tương đương 13.000.000.000 đồng, chiếm 86,67% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã ngành | Tên ngành |
|-------------------------|---|
| 5210 (Chính) | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kinh doanh kho bãi) |
| 4610 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: môi giới thương mại |
| 5225 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. |
| 5229 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); đại lý vận chuyển hàng hóa |
| 4632 | Bán buôn thực phẩm Không hoạt động tại trụ sở |
| 8299 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh |
| 5224 | Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không) |
| 4620 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở) |
| 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ |
| 5022 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa |

❖ DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT, CÁC ĐƠN VỊ KHÁC
5.2.3. CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX ORGANIC

- Địa chỉ: Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: 02903.875444 Fax: 02903.875444
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2001014506, đăng ký lần đầu ngày 07/04/2011,

đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08/08/2019. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Cà Mau

- Vốn điều lệ: 50.500.000.000 đồng
- Vốn cổ phần CMX sở hữu: 10.000.000.000 đồng, chiếm 19,80% vốn điều lệ

Ngày 07/08/2019, HĐQT CTCP Camimex Group thông qua quyết định số 310709/QĐ.CMX ngày 31/07/2019 của Chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống sinh thái – Camimex từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần với tên mới CTCP Camimex Organic và không góp thêm vốn và CTCP Camimex Organic trong đợt tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 50,5 tỷ. Theo đó sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang CTCP và tăng vốn điều lệ, CTCP Camimex Group sở hữu 19,8% vốn điều lệ tại CTCP Camimex Organic.

- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã ngành | Tên ngành |
|-------------------------|---|
| 0321 (Chính) | Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác |
| 0322 | Nuôi trồng thủy sản nội địa |
| 0311 | Khai thác thủy sản biển |
| 0312 | Khai thác thủy sản nội địa |
| 4632 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản. |

5.2.4. CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX FOODS

- Địa chỉ: 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: 0945.139999
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2001309274, đăng ký lần đầu ngày 14/03/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31/07/2019
- Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng
- Vốn cổ phần CMX sở hữu: 4.900.000 cổ phần, tương đương 49.000.000.000 đồng, chiếm 37,69% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã ngành | Tên ngành |
|-------------------------|---|
| 1020 (Chính) | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản |
| 0321 | Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi tôm; nuôi cá; nuôi thủy sản khác. Sản xuất giống thủy sản biển |

| | |
|------|---|
| 0322 | Nuôi trồng thủy sản nội địa |
| 4632 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản |
| 1080 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Chế biến thức ăn thủy sản. Sản xuất bột cá |

5.2.5. CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX QUẢNG TRỊ

- Địa chỉ: Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, Thị trấn Cửa Tùng, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 3200698186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 08/08/2019.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
- Vốn cổ phần CMX sở hữu: 490.000 cổ phần, tương đương 4.900.000.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã ngành | Tên ngành |
|-------------------------------|--|
| 0321 (Chính) | Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản, Nuôi tôm. Nuôi cá. Nuôi thủy sản khác |
| 1022 | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản |
| 0322 | Nuôi trồng thủy sản nội địa |
| 4632 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản. |

5.2.6. CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX NUTRITION

- Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Prime Center, Số 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0108795337 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/06/2019.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
- Vốn cổ phần CMX sở hữu: 100.000 cổ phần, tương đương 1.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã ngành | Tên ngành |
|-------------------------------|---|
| 4631 (Chính) | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì Chi tiết: Bán buôn bột mì, lúa mạch |

| | |
|------|--|
| 4620 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở); |
|------|--|

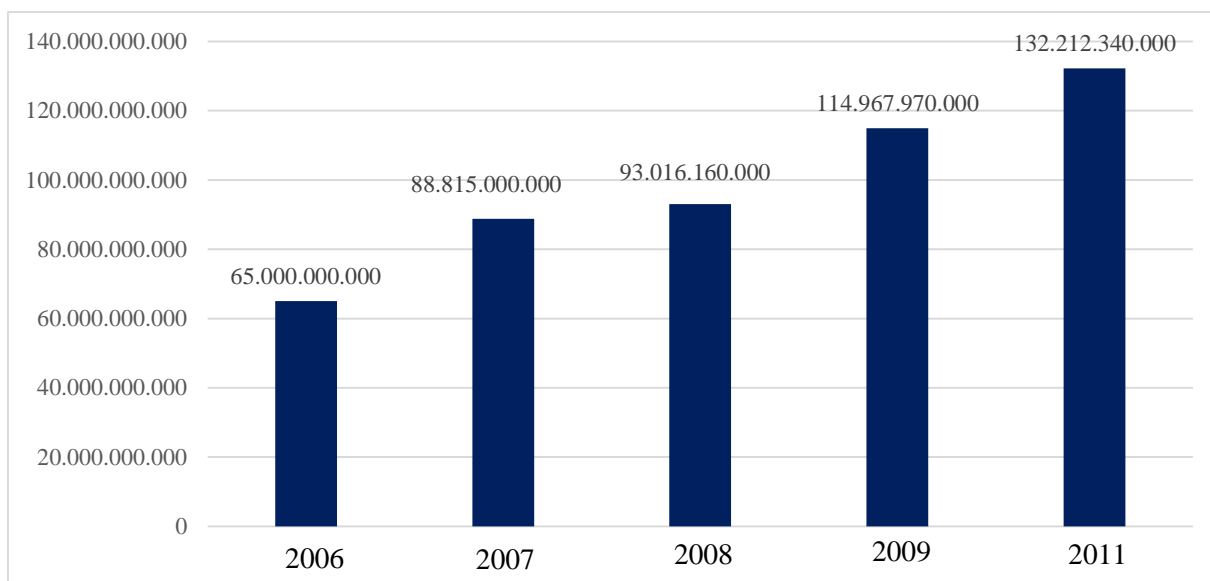
5.2.7. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

- Địa chỉ: Khu vực 1, Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: sửa đổi lần thứ 16 số 2000104323 ngày 15/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn cổ phần CMX sở hữu: 500.000 cổ phần, tương đương 5.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh:

| Mã ngành | Tên ngành |
|-------------------------|---|
| 1020 (Chính) | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng thủy sản; nhập khẩu tôm nguyên liệu, tôm đông lạnh và các mặt hàng thủy sản khác để sản xuất xuất khẩu. Kinh doanh phế phẩm, phế liệu và vật tư thủy sản. |
| 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc, phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng; Nhập khẩu vật tư, máy móc, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng |
| 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh hàng tiêu dùng, vải sợi, hàng mỹ phẩm và đồ gia dụng. |
| 4620 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Nhập khẩu cây, con giống, nguyên vật liệu, các loại chế phẩm sinh học, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), các loại thức ăn phục vụ cho nuôi trồng, chế biến thủy sản. |
| 3530 | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Kinh doanh máy điều hòa nhiệt độ, máy đông lạnh, hàng điện tử và điện gia dụng. |
| 4511 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Kinh doanh xe và phụ tùng xe chuyên dùng, ô tô, xe máy các loại. |
| 1104 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai. |

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMX

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty
Bảng 4: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị: đồng

| Thời điểm | Giá trị vốn tăng thêm | Vốn ĐL sau khi tăng | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|-----------|---|---|---|---|
| 2006 | 65.000.000.000 | 65.000.000.000 | Vốn điều lệ ban đầu: thời điểm chuyển sang cổ phần ngày 12/01/2006. | Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 |
| 2007 | 23.815.000.000 (thực tế: 19.560.700.000) | 88.815.000.000 (thực tế: 84.560.700.000) | - Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 4:1) 16.250.000.000 đồng - Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ: 7.565.000.000 đồng Do ngày 09/05/2007 Công ty đã chuyển khoản trước phần chia cổ tức 2006 vào quỹ sắp xếp cổ phần hóa (CP nhà nước) TK 419 CP quỹ: 4.254.300.000 đồng. Từ đó vốn điều lệ thực tế tăng 19.560.700.000 đồng lên 84.560.700.000 đồng | Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) công ty cổ phần, đăng ký lần 1 ngày 21 tháng 05 năm 2007 |
| 2008 | 4.201.160.000 (thực tế: 8.455.460.000) | 93.016.160.000 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% vốn điều lệ thực tế | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau - Đăng ký thay đổi |

| Thời điểm | Giá trị vốn tăng thêm | Vốn ĐL sau khi tăng | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|-----------|-----------------------|---------------------|--|--|
| | | | | giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 |
| 2009 | 21.951.810.000 | 114.967.970.000 | Cổ phiếu thưởng trích từ quỹ đầu tư phát triển | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau - Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 3 ngày 16 tháng 07 năm 2009 |
| 2011 | 17.244.370.000 | 132.212.340.000 | Chia cổ tức bằng cổ phiếu 15% vốn điều lệ | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau - Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 7 ngày 30 tháng 09 năm 2011 |

Nguồn: CTCP Camimex Group

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

7.1.1. Các sản phẩm/dịch vụ của Công ty

Các sản phẩm chủ lực của Công ty gồm các loại tôm sinh thái, tôm sú, tôm chì và sản phẩm giá trị gia tăng với quy cách Tươi/Hấp HOSO (nguyên con), HLSO (bỏ đầu), PD (lột vỏ, rút tim), PUD (lột vỏ, không rút tim), PTO (lột vỏ, chừa đuôi), Nobashi (kéo dãn), Ebi-fry (tôm bánh mì), Tempura, Đông block, IQF, đông gió, khay, đóng gói hút chân không...Đóng gói: 1kg, 1.8 kgs, 2 kgs, 1 lb, 2 lbs, 2.5 lbs,...

➤ Sản phẩm tôm sinh thái:

Tôm sinh thái là tôm nuôi tự nhiên không cho thức ăn công nghiệp và không dùng thuốc kháng sinh trên những nông trại rừng Đước tại Lâm Ngự Trường. Tôm được chế biến dưới dạng tươi hay hấp PD, PTO, HLSO,... bằng những dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Camimex hiện là một trong các nhà chế biến tôm tại Việt Nam được tổ chức Naturland chứng nhận sản phẩm tôm sinh thái.

➤ Sản phẩm giá trị gia tăng



Tôm Nobashi nhúng đuôi



Tôm lật dầu hấp



Tôm Tempura



Tôm Tẩm bột

➤ *Sản phẩm tôm tươi*



Tôm Sú lột



Tôm sú lật đầu



Tôm thẻ lật đầu



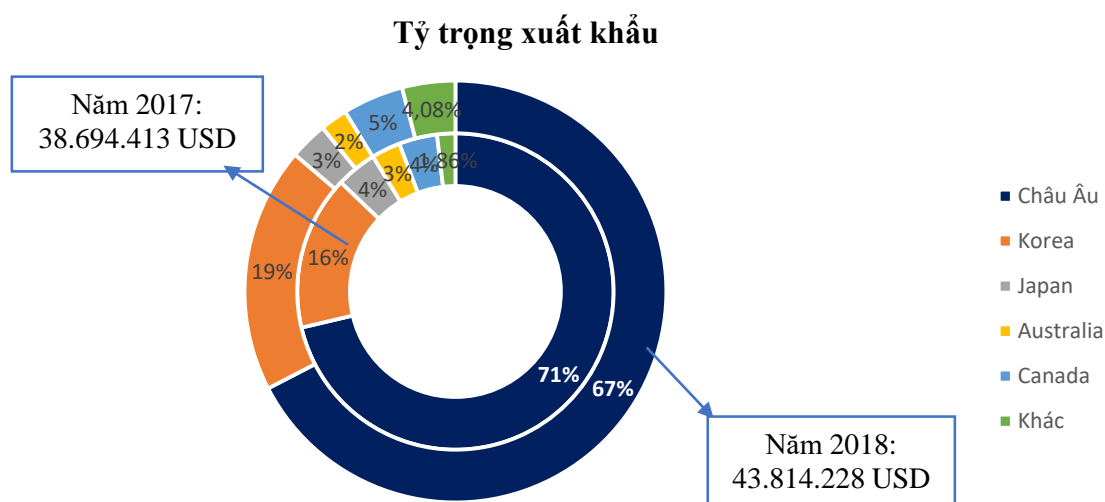
Tôm sú PD xiên que

7.1.2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu
Bảng 5: Cơ cấu thị trường xuất khẩu qua các năm

| TT | Thị trường | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|------------|------------------|------------------|-------------------|---------------|------------------|-------------------|---------------|
| | | Sản lượng (kg) | Kim ngạch (USD) | Tỷ lệ % | Sản lượng (kg) | Kim ngạch (USD) | Tỷ lệ % |
| I | Châu Âu | 1.852.398 | 27.602.325 | 71,33% | 2.246.612 | 29.531.386 | 67,40% |
| 1 | Austria | 33.968 | 358.334 | 0,93% | 109.366 | 1.132.597 | 2,58% |
| 2 | Belgium | 185.645 | 1.232.262 | 3,18% | 96.492 | 664.784 | 1,52% |
| 3 | Denmark | - | - | - | 97.977 | 745.392 | 1,70% |
| 4 | France | 85.839 | 498.491 | 1,29% | 256.159 | 1.514.342 | 3,46% |
| 5 | Germany | 240.740 | 2.653.269 | 6,86% | 255.860 | 2.829.574 | 6,46% |
| 6 | Ireland | 4.872 | 38.976 | 0,10% | - | - | - |
| 7 | Italy | - | - | - | 72.560 | 483.717 | 1,10% |
| 8 | Netherlands | 160.712 | 1.339.844 | 3,46% | 141.504 | 1.246.235 | 2,84% |
| 9 | Russia | 103.130 | 1.166.361 | 3,01% | 132.912 | 1.453.194 | 3,32% |
| 10 | Sweden | 49.893 | 364.870 | 0,94% | 18.898 | 142.392 | 0,32% |
| 11 | Switzerland | 828.804 | 18.675.448 | 48,26% | 930.706 | 18.030.851 | 41,15% |
| 12 | UK | 158.795 | 1.274.471 | 3,29% | 134.178 | 1.288.306 | 2,94% |
| II | Korea | 680.229 | 6.105.987 | 15,78% | 984.887 | 8.255.722 | 18,84% |
| III | Japan | 112.905 | 1.611.170 | 4,16% | 145.102 | 1.274.422 | 2,91% |
| IV | Australia | 100.570 | 1.142.139 | 2,95% | 88.378 | 917.157 | 2,09% |
| V | Canada | 178.670 | 1.512.887 | 3,91% | 175.688 | 2.048.963 | 4,68% |
| VI | Khác | 70.497 | 719.905 | 1,86% | 2.823.220 | 1.786.579 | 4,08% |
| 1 | China | - | - | - | 6.984 | 119.708 | 0,27% |

| TT | Thị trường | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|----|--------------|------------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------|
| | | Sản lượng (kg) | Kim ngạch (USD) | Tỷ lệ % | Sản lượng (kg) | Kim ngạch (USD) | Tỷ lệ % |
| 2 | Ghana | - | - | - | 19.512 | 183.642 | 0,42% |
| 3 | Hongkong | 30.108 | 325.721 | 0,84% | 67.852 | 683.628 | 1,56% |
| 4 | Jordan | - | - | - | 7.902 | 71.893 | 0,16% |
| 5 | New Zealand | 1.953 | 20.894 | 0,05% | 6.762 | 78.983 | 0,18% |
| 6 | Philippines | 6.336 | 59.454 | 0,15% | 23.890 | 235.302 | 0,54% |
| 7 | South africa | - | - | - | 7.922 | 132.070 | 0,30% |
| 8 | Uae | 5.950 | 49.950 | 0,13% | 26.616 | 281.354 | 0,64% |
| 9 | USA | 26.150 | 263.886 | 0,68% | - | - | - |
| | Tổng | 2.995.269 | 38.694.413 | 100 % | 3.808.107 | 43.814.228 | 100% |

Nguồn: CTCP Camimex Group



Hiện tại sản phẩm của CMX đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Năm 2018, Công ty ghi nhận tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 43,81 triệu USD tăng 13,23% so với năm 2017. Trong đó, với lợi thế là công ty sở hữu vùng nuôi sinh thái đầu tiên trên thế giới và là duy nhất tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn Châu Âu 834/07 và 889/08 do vậy trong những năm qua Châu Âu vẫn là những thị trường xuất khẩu truyền thống chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm bình quân 70%) trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu của Công ty. Đặc biệt khi hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) (đã được ký kết ngày 31/06/2019) có hiệu lực, thuế xuất khẩu tôm

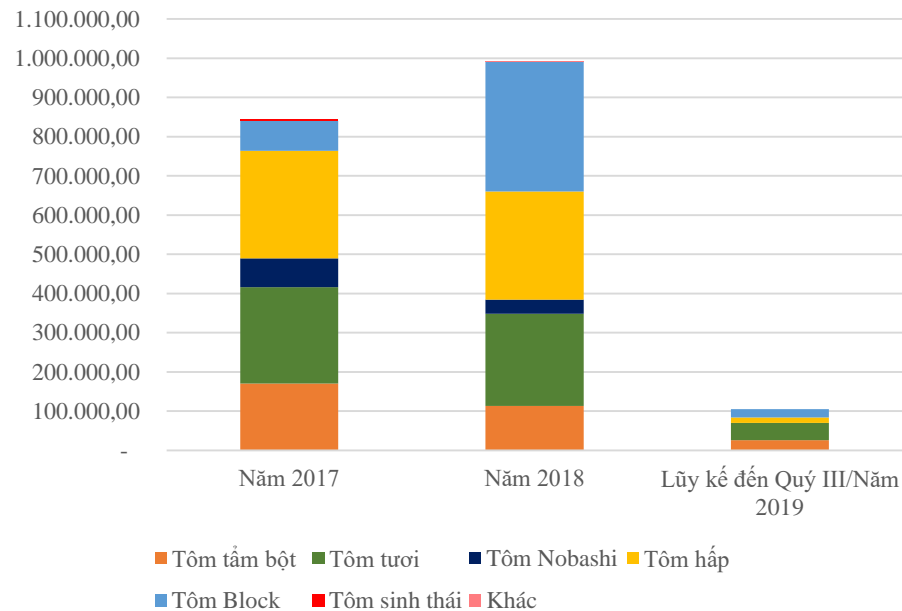
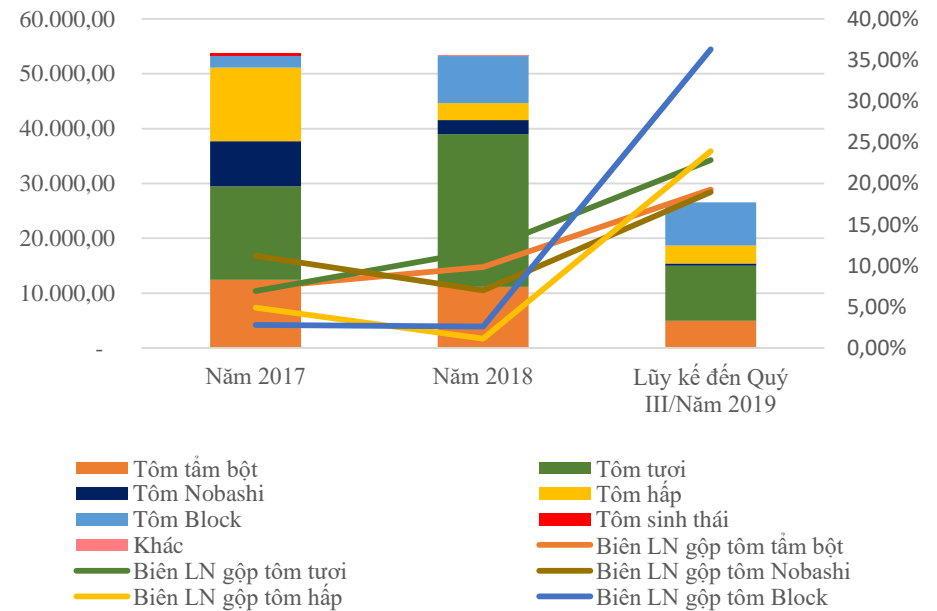
từ Việt Nam sang EU sẽ được cắt giảm xuống 0% trong khi đó Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam tại thị trường EU hiện gặp khó khăn về tiêu chuẩn dư lượng kháng sinh, hứa hẹn sẽ là những cơ hội để doanh thu tại thị trường EU của Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Bên cạnh Châu Âu, Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Công ty nhờ việc tận dụng ưu đãi VKFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc). Trong năm qua, sản lượng xuất khẩu vào Hàn Quốc tăng 44,79% nâng kim ngạch xuất khẩu của CMX vào thị trường này từ 6,1 triệu USD lên 9,8 triệu USD. Ngoài hai thị trường chính Châu Âu và Hàn Quốc, Công ty cũng xuất khẩu sang các thị trường khác như Nhật Bản, Mỹ, Australia, Canada,...nhưng thị phần không nhiều.

7.1.3. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo sản phẩm/dịch vụ - Công ty mẹ
Đơn vị: triệu đồng

| TT | Tên Sản phẩm/ Dịch vụ | Năm 2017 | | | | | Năm 2018 | | | | | Lũy kế đến Quý III/2019 | | | | |
|----|--------------------------|----------------------|----------------|---------------|-------------|-------------|----------------------|----------------|---------------|-------------|-------------|-------------------------|----------------|---------------|-------------|-------------|
| | | Sản lượng | DT | LN gộp | Tỷ trọng | | Sản lượng | DT | LN gộp | Tỷ trọng | | Sản lượng | DT | LN gộp | Tỷ trọng | |
| | | | | | DT | LN | | | | DT | LN | | | | DT | LN |
| 1 | Tôm sinh thái | 6.375,00 | 2.866 | 429 | 0,34% | 0,80% | | | | | | | | | | |
| 2 | Tôm tằm bột | 1.011.377,92 | 170.099 | 12.437 | 20,17% | 23,15% | 632.120,17 | 113.065 | 11.126 | 11,39% | 20,85% | 155.828 | 25.579 | 4.923 | 23,85% | 18,54% |
| 3 | Tôm tươi | 564.643,30 | 245.804 | 17.009 | 29,14% | 31,66% | 459.619,93 | 234.973 | 27.892 | 23,67% | 52,26% | 158.744,02 | 44.075 | 10.061 | 41,10% | 37,89% |
| 4 | Tôm Nobashi | 280.345,02 | 73.880 | 8.285 | 8,76% | 15,42% | 114.704,08 | 36.351 | 2.543 | 3,66% | 4,77% | 10.447,20 | 2.147 | 407 | 2,00% | 1,53% |
| 5 | Tôm hấp | 823.378,73 | 274.295 | 13.415 | 32,52% | 24,97% | 795.166,36 | 275.798 | 3.111 | 27,78% | 5,83% | 47.083,88 | 13.694 | 3.277 | 12,77% | 12,34% |
| 6 | Tôm Block | 336.686,9 | 76.563 | 2.150 | 9,08% | 4,00% | 1.016.646,92 | 330.558 | 8.560 | 33,29% | 16,04% | 104.956,80 | 21.736 | 7.888 | 20,27% | 29,70% |
| 7 | Khác | | | | | | 10.319,57 | 2.107,06 | 138,38 | 0,21% | 0,26% | | | | | |
| | Tổng | 3.022.806,868 | 843.507 | 53.725 | 100% | 100% | 3.028.577,030 | 992.851 | 53.371 | 100% | 100% | 477.059,90 | 107.231 | 26.556 | 100% | 100% |

Nguồn: CTCP Camimex Group
Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu, biên lợi nhuận gộp


➤ **Công ty mẹ:**

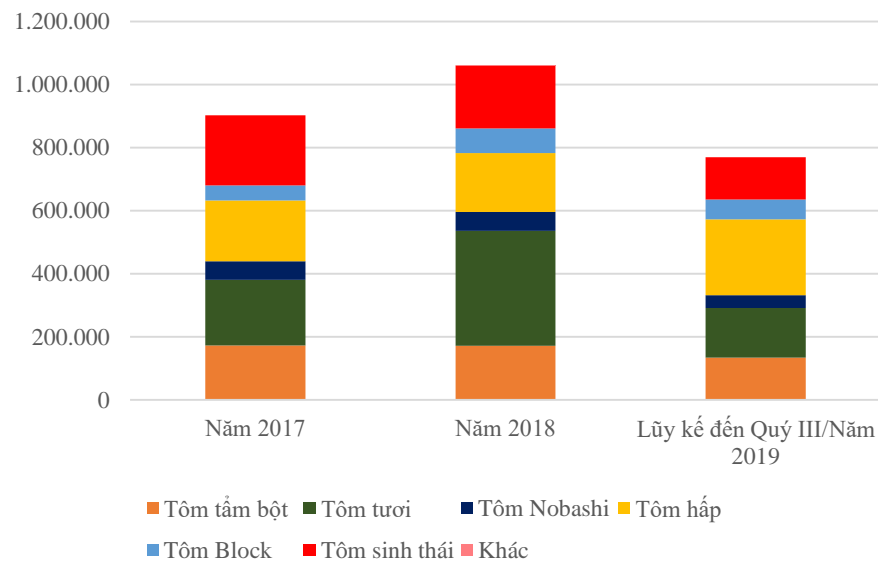
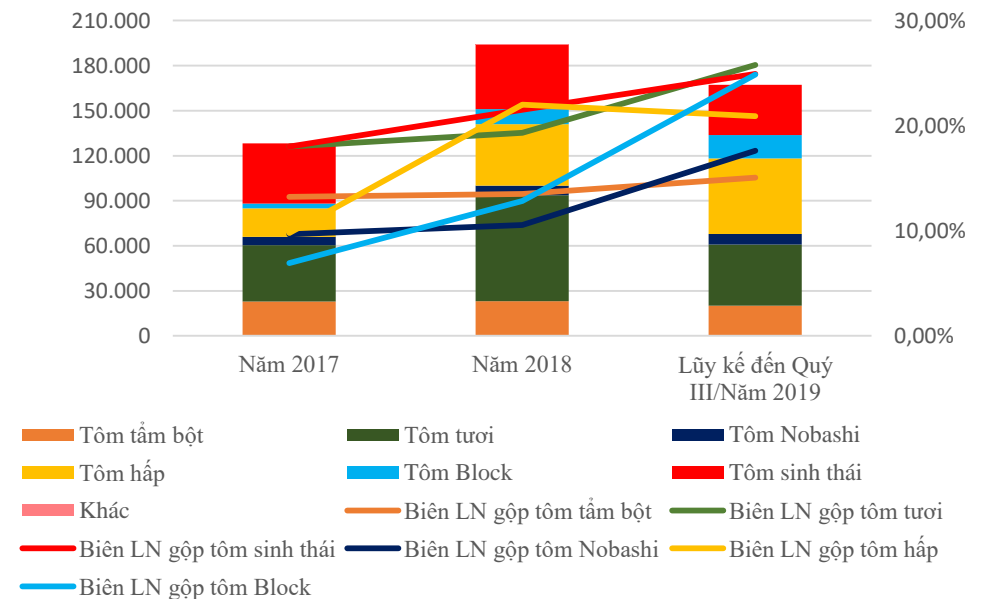
Năm 2018 tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 992 tỷ, lợi nhuận gộp đạt 53,3 tỷ. Trong đó, tôm tằm bột, tôm tươi và tôm hấp là ba sản phẩm chủ đạo của Công ty mẹ chiếm tỷ trọng trung bình trên 70% tổng doanh thu, lợi nhuận gộp. Cụ thể:

- Xét về sản lượng tôm tằm bột chiếm trung bình 30% trong tổng cơ cấu, tôm hấp khoảng 20%, tôm tươi khoảng 20%,
- Ngược lại xét về doanh thu tôm tươi lại chiếm tỷ trọng cao nhất chiếm khoảng 31%, tiếp đến là tôm hấp chiếm khoảng 23%, trong khi tôm tằm bột chiếm khoảng 19% trong cơ cấu doanh thu do giá bán ra tôm tươi cao hơn tôm tằm bột khoảng 2,5 lần, tôm hấp cao hơn tôm tằm bột khoảng 1,8 lần.
- Xét về lợi nhuận gộp, tôm tươi cũng chiếm tỷ trọng cao nhất ~ 40% trong cơ cấu lợi nhuận gộp trong khi tôm tằm bột chiếm ~20%, tôm hấp chiếm ~10%
- Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu qua các năm cho thấy rằng Công ty đang tiến hành việc tái cơ cấu các sản phẩm kinh doanh, gia tăng sản lượng tôm Block trong khi giảm tỷ trọng tôm tằm bột và tôm hấp. Năm 2018, tôm Block tăng sản lượng lên 680 tấn, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu từ 9,08% năm 2017 lên 33,29% năm 2018. Thế nhưng do biên lợi nhuận thấp khoảng 2,5% nên lợi nhuận gộp chỉ chiếm 16,04% trong cơ cấu lợi nhuận gộp.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019, doanh thu Công ty mẹ đạt 107 tỷ, lợi nhuận gộp đạt 26 tỷ giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước (doanh thu giảm 88%, lợi nhuận gộp giảm 38%) do trong năm 2018 Công ty mẹ đã bán toàn bộ thành phẩm tồn kho cho Công ty con (CTCP Camimex), kỳ này Công ty chỉ bán hàng hóa mua từ CTCP Camimex. Điều này xuất phát từ nhu cầu quản trị ngày càng tăng cao và định hướng phát triển trong tương lai của Công ty. Năm 2019 như đã trình bày tại mục IV.5 bên cạnh 3 công ty (CTCP Camimex, Camimex logistics, Camimex Organic) Camimex Group đã đầu tư thêm hàng loạt vào các Công ty liên doanh như Camimex Foods, Camimex Nutrition, Camimex Quảng Trị. Mỗi Công ty đảm nhận nhiệm vụ khác nhau có Công ty chuyên đảm nhận khâu chế biến sản xuất, công ty chuyên về phân phối, giới thiệu, có công ty chuyên về sản xuất con giống,...Do vậy, Ban lãnh đạo xác định tách bạch các mảng của Công ty để điều hành mạng lưới sao cho hiệu quả nhất theo đó Công ty mẹ và các phòng ban đầu não chủ yếu mang tính hỗ trợ là chính, không đặt nặng vào vấn đề sản xuất và phân phối mà chủ yếu đứng ra thiết lập chuẩn mực, đi quan hệ tìm kiếm đối tác để đưa và phân bổ về cho các Công ty con, liên doanh.

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo sản phẩm/dịch vụ– Hợp nhất
Đơn vị: triệu đồng

| TT | Tên Sản phẩm/ Dịch vụ | Năm 2017 | | | | | Năm 2018 | | | | | Lũy kế đến Quý III/2019 | | | | |
|----|--------------------------|----------------------|----------------|----------------|-------------|-------------|----------------------|------------------|----------------|-------------|-------------|-------------------------|----------------|----------------|-------------|-------------|
| | | Sản lượng | DT | LN gộp | Tỷ trọng | | Sản lượng | DT | LN gộp | Tỷ trọng | | Sản lượng | DT | LN gộp | Tỷ trọng | |
| | | | | | DT | LN | | | | DT | LN | | | | DT | LN |
| 1 | Tôm sinh thái | 434.436,20 | 221.897 | 39.941 | 24,59% | 31,17% | 476.021,50 | 200.520 | 43.157 | 18,87% | 22,22% | 269.405,6 | 133.681 | 33.322 | 17,39% | 19,93% |
| 2 | Tôm tằm bột | 981.842,12 | 173.180 | 22.932 | 19,19% | 17,89% | 971.422,92 | 171.622 | 23.164 | 16,15% | 11,92% | 807.613,46 | 133.843 | 20.167 | 17,41% | 12,06% |
| 3 | Tôm tươi | 435.281,40 | 207.704 | 37.389 | 23,02% | 29,18% | 751.211,90 | 364.842 | 70.524 | 34,33% | 36,31% | 442.161,49 | 157.674 | 40.645 | 20,51% | 24,31% |
| 4 | Tôm Nobashi | 254.646,73 | 58.547 | 5.665 | 6,49% | 4,42% | 270.175,40 | 59.772 | 6.301 | 5,62% | 3,24% | 168.608,02 | 40.400 | 7.122 | 5,25% | 4,26% |
| 5 | Tôm hấp | 749.692,85 | 193.013 | 18.892 | 21,39% | 14,74% | 703.739,04 | 186.389 | 41.007 | 17,54% | 21,11% | 921.889,91 | 240.617 | 50.334 | 31,29% | 30,11% |
| 6 | Tôm Block | 247.821,10 | 48.119 | 3.333 | 5,33% | 2,60% | 552.004,69 | 77.586 | 9.963 | 7,30% | 5,13% | 281.539,88 | 62.662 | 15.577 | 8,15% | 9,32% |
| 7 | Khác | | | | | | 10.319,57 | 2.107 | 138 | 0,20% | 0,07% | | | | | |
| | Tổng | 3.103.720,407 | 902.460 | 128.152 | 100% | 100% | 3.734.895,018 | 1.062.838 | 194.254 | 100% | 100% | 2.891.218,36 | 768.876 | 167.166 | 100% | 100% |

Nguồn: CTCP Camimex Group
Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu, biên lợi nhuận gộp


➤ **Hợp nhất**

Năm 2018 cả doanh thu và lợi nhuận của Camimex Group đều tăng mạnh, cao nhất trong lịch sử niêm yết của Công ty. Doanh thu đạt 1.062 tỷ tăng 17,77%, lợi nhuận gộp đạt 194,25 tỷ tăng 51,58% so với năm 2017. Các sản phẩm chủ đạo của Công ty là tôm sinh thái, tôm tằm bột, tôm tươi, tôm hấp chiếm xấp xỉ 90% cơ cấu doanh thu, lợi nhuận, còn lại là các sản phẩm tôm nobashi, block,.... Trong đó:

- Tương tự như công ty mẹ mặc dù sản phẩm tôm tằm bột chiếm tỷ trọng cao hơn về sản lượng, chiếm 25% tuy nhiên giá bán thấp hơn khiến tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận chỉ chiếm trung bình 15%. Tỷ suất biên lợi nhuận gộp đạt trung bình 13%.
- Trong khi đó, Tôm sinh thái đạt sản lượng trung bình 450 tấn/năm chỉ xấp xỉ 50% sản lượng tôm tằm bột tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận mang về gấp 1,7 lần. Đây chính là những lợi thế riêng tôm sinh thái cũng như Camimex Group (Công ty duy nhất ở Việt Nam được chứng nhận bởi Natuland để chế chế biến tôm sinh thái) có được. Bởi nuôi tôm sinh thái, tôm lớn lên trong thiên nhiên, tự kiếm ăn trong nước tự nhiên, người nuôi không cần phải mua thức ăn và thuốc khiến chi phí nuôi giảm đi rất nhiều đồng thời đáp ứng được những tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường khó tính nên giá bán thường cao hơn so với loại tôm khác (tôm sinh thái hiện giá bán trên thị trường >500.000/kg trong khi các loại tôm khác chỉ dao động 200.000/kg-400.000/kg). Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần đạt 21,52% trong năm 2018.
- Bên cạnh tôm sinh thái, tôm tươi, tôm hấp hiện là nguồn thu chính của Công ty. Doanh thu từ tôm tươi năm 2018 đạt 364 tỷ tăng 75,65% tương ứng 751 tấn chiếm 20,11% tổng sản lượng, 34,33% cơ cấu doanh thu, 36,31% cơ cấu lợi nhuận gộp. Doanh thu từ tôm hấp năm 2018 đạt 186 tỷ tương ứng 703 tấn chiếm 18,84% tổng sản lượng, 17,54% cơ cấu doanh thu, 21,11% cơ cấu lợi nhuận gộp.

Hết Quý III/2019, doanh thu Công ty đạt được là 769 tỷ. Lợi nhuận gộp đạt 167 tỷ tăng 12,27% so với cùng kỳ năm trước đạt mức biên lợi nhuận gộp là 21,74% là mức cao nhất từ trước đến nay do Công ty tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường chính đặc biệt châu Âu. Thêm vào đó, giá tôm nguyên liệu tiếp tục đã giảm góp phần đáng kể trong việc giảm giá vốn hàng bán.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Camimex Group hiện đang sở hữu 3 xí nghiệp chế biến thủy sản và một khu nuôi tôm sinh thái với tổng công suất thiết kế 10.000 tấn/năm. Với công suất hiện tại của các Xí nghiệp, Công ty đánh giá không đủ để đáp ứng kịp thời các đơn hàng lớn do nhu cầu tăng cao các mặt hàng tôm sinh thái, tôm tằm bột, tôm shushi từ thị trường Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản. Do vậy, để phát huy hết khả năng hiện có, Công ty không ngừng cải tạo, nâng cấp để đáp ứng được chiến lược phát triển của công ty cũng như yêu cầu từ khách hàng.

Hiện tại, Công ty đang nâng cấp xí nghiệp 2,4 đồng thời đầu tư xây dựng thêm phân xưởng 1, xí nghiệp 5. Sau khi hoàn thành: nhà máy đạt được các tiêu chuẩn yêu cầu đánh giá nhà xưởng,

máy móc thiết bị của khách hàng Châu Âu, Mỹ, Nhật,... tăng được công suất xí nghiệp 2 lên khoảng 100 tấn/tháng cho các mặt hàng shushi và tằm bột và dự kiến khi xí nghiệp 5 hoàn thành nâng tổng Công suất lên 500-1000 tấn/tháng. Việc tăng tỷ trọng mặt hàng GTGT trong cơ cấu doanh thu sẽ nâng cao chất lượng thu nhập và tăng biên lợi nhuận gộp của Công ty.

❖ **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2**

- **Vị trí:** Khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- **Quy mô:** 14.928,8 m²
- **Mặt hàng chủ yếu:** Tôm sú tươi, hấp



❖ **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4**

- **Vị trí:** 224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- **Quy mô:** 6.734 m²
- **Mặt hàng chủ yếu:** Tôm thẻ tằm bột



❖ **Xí nghiệp thủy sản số 5**

- **Vị trí:** 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- **Quy mô:** 25.448,5 m²
- **Mặt hàng chủ yếu:** Tôm nobashi



❖ **Khu nuôi tôm sinh thái**

Là nơi duy nhất trên cả nước đạt chuẩn nuôi tôm sinh thái xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, chính vì lẽ đó đã từ lâu Camimex được mệnh danh là “Vua tôm sinh thái”. Camimex là đơn vị tiên phong trong ngành thay đổi định hướng sản xuất từ phong trào nuôi tôm công nghiệp có tác động mạnh tới biến đổi môi trường rừng ngập mặn, sang hướng sản xuất sinh thái bền vững, thân thiện với môi trường, vừa củng cố diện tích rừng ngập mặn, vừa tạo và nâng cao thu nhập cho người nông dân. Công ty là đơn vị đầu tiên của Việt Nam triển khai tôm sinh thái từ năm 2000 và đạt được chứng nhận tôm sinh thái do Naturland, EU Organic, Bio Suisse cao cấp cho sản phẩm tôm sinh thái (từ con giống cho tới bàn ăn).

Hình 1: Tôm sinh thái Camimex


Tôm sinh thái là tôm nuôi tự nhiên trong rừng ngập mặn, với tỷ lệ rừng che phủ khoảng 60%, còn lại 40% là diện tích nuôi tôm. Tôm sinh sống, tăng trưởng tự nhiên, không cần cho ăn, không sử dụng hóa chất hay kháng sinh. Công ty hiện quản lý vùng nuôi tôm sinh thái liên kết tại Cà Mau với diện tích hơn 7.000 ha. Không giống như nuôi tôm công nghiệp, nuôi tôm sinh thái được thả với mật độ thưa, chi phí đầu tư thấp, không tốn nhân công, không cần cho ăn. Tôm sinh trưởng tự nhiên trong rừng ngập mặn. Tính tổng chi phí, người nuôi giảm giá thành trong nuôi tôm đến hơn 50%, trong khi giá bán ra cho các doanh nghiệp cao hơn hẳn tôm nuôi công nghiệp. Cụ thể tôm sú loại 10 con/kg nuôi theo hình thức quảng canh, sạch bệnh, truy xuất nguồn gốc rõ ràng đang được doanh nghiệp mua vào với mức giá gần 500.000 đồng; 20 con/kg có giá 270.000 đồng. Sản lượng hiện tại vùng nuôi sinh thái của Công ty khoảng 1 tấn/ha/năm, trong đó năm 2018 doanh nghiệp đã cung cấp ra thị trường 700 tấn tôm sinh thái.

Các sản phẩm sinh thái của CMX ngày càng được ưa chuộng lại không bị các hàng rào vệ sinh an toàn thực phẩm, dễ dàng thâm nhập vào các thị trường khó tính. Tận dụng cơ hội này, 9/4/2019, Công ty đã ký kết hợp đồng đã tiến hành ký kết Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác, liên kết phát triển nuôi tôm công nghệ cao với UBND tỉnh Quảng Trị.

❖ **Các Công ty con, liên doanh, liên kết**

Đóng góp vào “cú lợi ngược dòng” đầy ngoạn mục trong năm 2018 của Camimex Group là một phần không nhỏ đến từ kết quả hoạt động kinh doanh của Các Công ty con trong năm vừa qua.

Bảng 8: Kết quả kinh doanh các Công ty con năm 2018
Đơn vị: đồng

| | CTCP Camimex | Công ty TNHH MTV Sản xuất giống sinh thái – Camimex (nay là CTCP Camimex Organic) | CTCP Camimex Logistics |
|-----------------|-------------------|---|------------------------|
| Vốn điều lệ | 515.000.000.000 | 10.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Tổng tài sản | 1.041.064.486.370 | 28.492.809.735 | 18.813.900.557 |
| Doanh thu thuần | 1.327.553.540.309 | 73.612.194.438 | 8.574.955.538 |
| Lợi nhuận từ | 69.786.211.758 | -2.132.538.832 | 497.398.215 |

| | | | |
|----------------------|----------------|---------------|-------------|
| hoạt động kinh doanh | | | |
| Lợi nhuận khác | 3.707.509.080 | 3.741.813.702 | -98.469.081 |
| Lợi nhuận trước thuế | 73.493.720.838 | 1.609.274.870 | 398.929.134 |
| Lợi nhuận sau thuế | 63.753.363.027 | 1.268.473.939 | 299.455.871 |

Nguồn: CTCP Camimex Group

Đồng thời, để nâng cao quy mô, mở rộng mạng lưới và năng lực sản xuất Camimex Group trong năm 2019 đã góp vốn để thành lập hàng loạt các Công ty khác như CTCP Camimex Foods – chế biến bảo quản thủy sản, CTCP Camimex Nutrition – cung cấp lương thực phẩm, CTCP Camimex Quảng Trị - nuôi trồng thủy sản biển.

Đặc biệt, tại CTCP Camimex Quảng trị, CMX dự định xây dựng trại sản xuất tôm giống, xây dựng các mô hình nuôi tôm theo hướng sinh thái bền vững với môi trường, xây dựng mô hình theo hướng công nghệ cao trên địa bàn các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng. Đồng thời, Công ty Camimex triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cần thiết và tôm giống bố mẹ đạt chất lượng để sản xuất, hướng dẫn hỗ trợ quy trình kỹ thuật nuôi tôm sinh thái cho bà con nông dân trong vùng tham gia dự án... Từ đó, tăng cường vùng nuôi sinh thái, nâng tỷ lệ tự chủ nguyên liệu với công suất dự kiến 5.000 – 7.000 tấn/năm.

7.3. Trình độ công nghệ

Dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị của Công ty liên tục được nâng cấp, áp dụng các cải tiến kỹ thuật. Đặc biệt, hơn 80% máy móc thiết bị công nghệ Nhật Bản, Châu Âu, điều này góp phần làm giảm hao hụt trong quá trình chế biến thành phẩm so với công nghệ đến từ các nước khác.

Bảng 9: Một số máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ chính của công ty

| TT | Tên thiết bị | Công suất thiết kế | Số lượng | Xuất xứ |
|----|------------------------------------|--------------------|----------|--------------|
| | <u>Hệ thống Máy phân cơ</u> | 400kg/h | 15 | Nhật |
| | <u>Hệ thống băng chuyền</u> | | | |
| 1 | Băng chuyền IQF | 500 kg/h | 01 | Nhật |
| 2 | Băng chuyền IQF | 700 kg/h | 01 | Nhật |
| 3 | Băng chuyền IQF | 300 kg/h | 01 | Nhật |
| 4 | Băng chuyền IQF | 650 kg/h | 01 | Nhật |
| 5 | Băng chuyền IQF | 500 kg/h | 01 | Nhật |
| 6 | Băng chuyền IQF | 660 kg/h | 02 | Nhật, HTL:VN |
| 7 | Băng chuyền IQF | 500kg/h | 02 | Đan Mạch |
| 8 | Băng chuyền hấp | 1.000kg/h | 01 | Đan Mạch |
| 9 | Băng chuyền hấp | 500kg/h | 02 | Đan Mạch |
| | <u>Hệ thống tủ đông</u> | | | |
| 1 | Tủ đông tiếp xúc | 1.000 kg/m | 02 | Nhật |
| 2 | Tủ đông gió | 350 kg/m | 03 | Việt Nam |

| <u>Hệ thống nước đá vẩy/làm lạnh nước</u> | | | | |
|--|----------------|----------------------|----|----------|
| 1 | Đá vẩy | 38 Tấn | 01 | Đan Mạch |
| 2 | Đá vẩy | 20 Tấn | 02 | EU |
| 3 | Đá vẩy | 40 Tấn | 01 | Nhật |
| 4 | Đá vẩy | 15 Tấn | 01 | EU |
| 5 | Làm lạnh nước | 10 m ³ /h | 03 | EU |
| <u>Hệ thống Kho lạnh</u> | | | | |
| 1 | Kho thành phẩm | 1.500 Tấn | 01 | Nhật |
| 2 | Kho thành phẩm | 900 Tấn | 01 | Nhật |
| 3 | Kho thành phẩm | 200 Tấn | 01 | Đan Mạch |
| 4 | Kho thành phẩm | 50 Tấn | 07 | Anh |
| 5 | Kho lẻ 25T | 25 Tấn | 01 | Đức |
| 6 | Kho thành phẩm | 30 Tấn | 02 | Việt Nam |

7.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Các thị trường tiêu thụ thủy sản lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU... luôn đặt vấn đề an toàn thực phẩm lên hàng đầu, các nước này luôn dựa vào các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của quốc tế để xác định chất lượng sản phẩm nhập khẩu. Vì vậy, an toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề cốt lõi trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được điều này, Công ty đã không ngừng nâng cao kiểm soát chất lượng sản phẩm của mình bằng việc tuân thủ thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng đã đạt được như: HACCP, ISO 9001:2000, GMP, SSOP, BRC, BAP, Halal, ASC, MSC, IFS, Organic, BSCI.

Đặc biệt Công ty đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic EU, Bio Suisse, Naturland, và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic trại giống. Hiện ở Việt Nam, CMX cũng là đơn vị duy nhất đạt được chứng nhận này.

Hình 2: Một số giấy chứng nhận tiêu chuẩn đã đạt được của Công ty



7.5. Hoạt động Marketing

❖ Chính sách giá cả

Giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty quản lý sát sao chi phí nguyên vật liệu đầu vào cũng như bộ máy sản xuất, quản lý, do đó giá thành của thành phẩm ở mức phù hợp và có tính cạnh tranh trên thị trường, chính vì lý do này mà giá cả sản phẩm của Công ty luôn được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận.

Công ty không cạnh tranh bằng sản phẩm giá rẻ mà sản xuất hàng chất lượng cao, giá thành phù hợp. Công ty tập trung vào thị trường ngách với sản phẩm chất lượng, khó bắt chước như mặt hàng tôm sinh thái.

❖ Chiến lược sản phẩm

Về sản phẩm, Công ty cùng với nhà phân phối tìm hiểu nhu cầu thị trường và sản xuất các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Công ty hiện đang tập trung phân phối vào Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật, Canada. Đây là thị trường truyền thống của Công ty đặc biệt là thị trường Châu Âu có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định.

Do thị trường tiêu thụ của Công ty là những thị trường có nền kinh tế phát triển, đời sống của người tiêu dùng cao nên công ty đã xây dựng nên thương hiệu tôm sinh thái Camimex với chất lượng vượt trội được người tiêu dùng các nước Châu Âu đón nhận. Sản phẩm của công ty không chỉ đảm bảo về dinh dưỡng mà còn tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã lấy chất lượng sản phẩm làm cam kết xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của mình. Công ty luôn luôn thay đổi mẫu mã sản phẩm, bao bì cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Thị trường Mỹ cũng là thị trường tiềm năng nhưng lại dùng các sản phẩm thông thường nên bị cạnh tranh lớn bởi các nước Ấn Độ, Ecuador... Công ty cũng sẽ tiếp cận thị trường này nhưng sẽ tập trung vào phân khúc cấp cao (tôm sinh thái, tôm giá trị gia tăng như tẩm bột, ring). Ngoài ra, công ty đã bắt đầu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc cũng với chiến lược làm hàng chất lượng, giá trị cao, buôn bán chính ngạch với khách hàng uy tín để mở rộng thị phần.

Sản phẩm tôm sinh thái cấp cao được bán chủ yếu ở Thụy Sĩ. Tuy nhiên, để tăng trưởng mạnh mẽ thì thị trường không thể chỉ dừng lại ở Châu Âu mà còn phải phát triển ở Canada, Hong Kong, Trung Quốc. Công ty cũng đang mở rộng sản phẩm có chứng nhận quốc tế như ASC để đánh vào phân khúc thấp hơn sản phẩm sinh thái.

❖ Kênh phân phối

Kênh phân phối của Công ty chủ yếu là B2B, thông qua các hệ thống siêu thị, nhà hàng lớn ở nước ngoài.

Bảng 10: Một số khách hàng lớn của công ty

| STT | Tên khách hàng | Quốc gia |
|-----|----------------|-------------|
| 1 | COOP | Thụy Sĩ |
| 2 | TRANSGOURMET | Áo/Thụy Sĩ |
| 3 | H.T.FOODS | Canada |
| 4 | RASSAU | Đức |
| 5 | DKSH | Thụy Sĩ/Đức |
| 6 | GAPRO | Thụy Sĩ |
| 7 | GUIGEL | Pháp |
| 8 | OCEANS KOREA | Hàn Quốc |
| 9 | YUU'N MEE | Áo |
| 10 | EIGER | Nhật Bản |

❖ **Phát triển thương hiệu**

Thương hiệu là một chỉ tiêu sống còn mà Công ty đã đề ra trong tiến trình hội nhập và cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Do đó tên tuổi của Camimex được xây dựng và gìn giữ từ ngày đầu thành lập đến nay đã hơn 40 năm.

Phòng kinh doanh phối hợp cùng phòng quản lý chất lượng sản phẩm và các phòng ban, xí nghiệp trong công ty cùng đóng góp tạo nên sản phẩm chất lượng cũng như giao hàng đúng hạn, từng bước tạo nên một giá trị thương hiệu bao gồm việc xây dựng kế hoạch chuẩn hóa và đồng nhất cho toàn bộ cái nhìn về marketing cũng như về quản lý thương hiệu để cho mỗi thành viên là một thương hiệu đích thực của công ty. Công ty luôn chủ động tham gia có chọn lọc các trưng trình hội chợ chuyên ngành trong và ngoài nước như: Vietfish, Hội chợ triển lãm quốc tế Thủy Sản Boston...

Hình 3: Showroom CMX tại Brussel, Bỉ



Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Công ty tập trung phát triển sản phẩm sạch, chất lượng cao nhất là các sản phẩm có chứng nhận BAP, ASC, Organic. Khi nhắc tới Công ty là khách hàng biết tới uy tín, chất lượng sản phẩm cao và đặc biệt là nhắc tới tôn sinh thái là biết là Camimex. Sự khác biệt thương hiệu Camimex

ở chỗ vừa hiện đại lại vừa tự nhiên, luôn luôn đổi mới và phát triển. Công ty đưa ra cam kết thương hiệu:

- ✓ An toàn
- ✓ Bền vững
- ✓ Đa dạng – toàn diện
- ✓ Nhanh chóng

7.6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Nhãn hiệu của Công ty đã được đăng ký và bảo hộ theo đơn số 4-2018-15315 và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận theo quyết định số 221 ngày 22/06/2018.

7.7. Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11: Danh mục một số hợp đồng Công ty đã ký kết và đang thực hiện

| TT | Tên hợp đồng | Số hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Đối tác | Thời gian ký kết |
|----|---------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|
| 1 | Sales Contract | CAM-HTF.2019.01 | \$1,952,880 | H.T.FOODS PVT | 01.03.2019 |
| 2 | Purchase Oder | CAM-2019.06 | \$301,105 | TRANSGOURMET | 10.04.2019 |
| 3 | Purchase Oder | 01-2019 | \$170,000 | COOP | 25.04.2019 |
| 4 | Purchase Oder | 7220008712 | \$184,800 | DKSH | 22.05.2019 |
| 5 | Purchase Oder | 02-2019 | \$324,900 | COOP | 28.05.2019 |
| 6 | Sales Contract | PO.:#5080 | \$295,200 | EIGER Co.,Ltd | 14.06.2019 |
| 7 | Purchase Oder | 7220008811 | \$139,500 | DKSH | 17.06.2019 |
| 8 | Commercial Contract | 01337H | \$268,265 | CAPFOOD TRADING | 17.06.2019 |
| 9 | Commercial Contract | 02319H | \$111,108 | BLUEYOU TRADING | 18.06.2019 |
| 10 | Commercial Contract | 03030H | \$145,452 | RASSAU SEAFOOD | 22.06.2019 |
| 11 | Commercial Contract | 01028H | \$225,612 | KLAAS PULL | 25.06.2019 |
| 12 | Commercial Contract | 05229H | \$307,500 | GAPRO TRADING | 08.07.2019 |

Nguồn: CTCP Camimex Group

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
8.1.1. Công ty mẹ
Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2017 – Quý III/2019
Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng/ giảm | Lũy kế đến Quý III/2019 |
|----------------------|-------------------|-----------------|-----------------|----------------------------|
| Tổng tài sản | 1.180.609.668.419 | 495.591.491.805 | -58,02% | 564.100.044.243 |
| Doanh thu thuần | 839.567.213.465 | 992.433.518.424 | 18,21% | 104.600.664.491 |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 10.661.156.520 | 15.037.709.256 | 41,05% | 5.089.448.288 |
| Lợi nhuận khác | -4.478.021.557 | 3.296.890.456 | 173,62% | (55.715.376) |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.183.134.963 | 18.334.599.712 | 196,53% | 5.033.732.912 |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.918.487.881 | 14.096.565.819 | 138,18% | 3.934.122.748 |
| Tỷ lệ cổ tức | - | - | - | - |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý III/2019 của CMX

❖ Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ:

Kết quả kinh doanh năm 2018: Tổng tài sản đạt 495 tỷ (-58,02% yoy), Doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 992 tỷ (+18,21% yoy) và LNST đạt 14 tỷ (+138,18% yoy).

Tổng tài sản giảm 685 tỷ do: Trong năm 2018 Công ty đã xuất bán hết 374 tỷ hàng thành phẩm làm hàng tồn kho giảm 353 tỷ đồng thời giảm khoản phải thu 326 tỷ với Công ty TNHH Camimex (nay là CTCP Camimex).

Doanh thu thuần tăng 18,21% nhờ: Nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh tại các thị trường lớn làm tăng sản lượng, kim ngạch xuất khẩu tôm của Công ty mẹ trong năm vừa qua. Theo đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra nước ngoài của Công ty tăng từ 165,6 tỷ năm 2017 lên 308,3 tỷ năm 2018. Đồng thời năm 2018, Công ty cũng có sự thay đổi cơ cấu bán hàng bên cạnh doanh thu bán thành phẩm như các năm trước trong năm 2018, Công ty còn phát sinh thêm doanh thu bán hàng hóa 123 tỷ.

Lợi nhuận trước thuế tăng 196,53%:

- Năm 2018 để cải thiện tình hình kinh doanh, tăng lợi nhuận Công ty đã nỗ lực kiểm soát, chủ động tiết giảm chi phí như chi phí nhân công, chi phí công cụ, dụng cụ giúp chi phí bán hàng giảm 17,32% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 8,57%
- Trong năm Công ty có phát sinh khoản thu nhập khác từ chênh lệch giá trị tài sản cố định đem góp vốn vào Công ty con là CTCP Camimex Sài Gòn (nay là CTCP Camimex Logistics): 5.526.389.859 đồng

Cập nhật kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019: Doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 104,6 tỷ, LNST đạt 3,9 tỷ.

(*) Ý kiến hạn chế của đơn vị kiểm toán trong báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2018:

Giá trị phần vốn góp vào Công ty con – Công ty TNHH Camimex (tên cũ là Công ty TNHH Thủy sản Camimex) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 đang được ghi nhận cao hơn giá trị đánh giá lại là 8.859.668.800 VND nhưng Công ty chưa thực hiện điều chỉnh hồi tố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty Cổ phần Camimex Group xin được giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

Theo Biên bản định giá tài sản góp vốn ngày 30/06/2013 của Hội đồng định giá tài sản góp vốn, CTCP Camimex Group góp vốn bằng tài sản vào Công ty con - Công ty TNHH Camimex (hiện là CTCP Camimex) trong đó có giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 97.923.597.000 VND chi tiết như sau:

| TT | Quyền sử dụng đất | Diện tích | Trích trước tiền sử dụng đất phải nộp | Tiền sử dụng đất đánh giá lại | Chênh lệch |
|----|---|-------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 1 | Quyền sử dụng đất tại đường Lý Thường Kiệt phường 06, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 25.448,5 m ² | 11.616.604.038 đ | 48.632.084.000 đ | 37.015.479.963 đ |
| 2 | Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 08, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 8.378 m ² | 628.350.000 đ | 26.105.848.000 đ | 25.477.498.000 đ |
| 3 | Quyền sử dụng đất tại đường vào trụ sở Công ty Camimex, phường 08, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 18.135 m ² | 1.564.143.750 đ | 23.194.665.000 đ | 21.630.521.250 đ |
| | | | 13.809.097.788 đ | 97.923.597.000 đ | 84.123.499.213 đ |

Tại thời điểm năm 2013 phần giá trị quyền sử dụng đất Công ty đem góp vốn, Công ty đang thuê của Nhà nước trả tiền hàng năm, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê tuy nhiên sau khi làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao thì diện tích đất và giá trị đất được đánh giá lại có sự thay đổi như sau:

- **Đối với thửa đất 1:** Diện tích 25.488,5 m² được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo Quyết định số 37/QĐ-CTUB ngày 21/5/2013 và Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/07/2011. Tiền thuê đất phải nộp tạm tính là 11.616.604.038 VND.
- **Đối với thửa đất 2:** Đã được UBND tỉnh Cà Mau giao đất theo quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 tuy nhiên diện tích đất giao theo QĐ 66 chỉ có 6.734 m². Đối với diện tích đất 6.734 m² Cục thuế Cà Mau đã có thông báo số 1539/TB-CT ngày 05/06/2015 với số tiền phải nộp là 5.987.326.464 VND
- **Đối với thửa đất 3:** Đã được UBND tỉnh Cà Mau giao đất theo quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 tuy nhiên diện tích đất giao theo QĐ 54 chỉ có 14.928,8 m² đất. Đối với diện tích đất 14.928,8 m² Công ty phải nộp 13.650.513.408 VND tiền sử dụng đất cho Nhà nước.

Như vậy, so với giá trị góp vốn vào Công ty con tại thời điểm 30/06/2013 có sự thay đổi như sau:

| TT | Quyền sử dụng đất | Diện tích | Trích trước tiền sử dụng đất phải nộp | Tiền sử dụng đất đánh giá lại | Chênh lệch |
|----|--|-------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------|
| 1 | Quyền sử dụng đất tại đường Lý Thường Kiệt phường 06, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 25.448,5 m ² | 11.616.604.038 đ | 48.632.084.000 đ | 37.015.479.963 đ |
| 2 | Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 08, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 6.734 m ² | 5.987.326.464 đ | 20.983.144.000 đ | 14.995.817.536 đ |

| TT | Quyền sử dụng đất | Diện tích | Trích trước tiền sử dụng đất phải nộp | Tiền sử dụng đất đánh giá lại | Chênh lệch |
|-----------|---|-------------------------|--|--------------------------------------|-------------------------|
| 3 | Quyền sử dụng đất tại đường vào trụ sở Công ty Camimex, phường 08, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 14.928,8 m ² | 13.650.513.408 đ | 19.093.935.200 đ | 5.443.421.792 đ |
| | | | 31.254.443.909 đ | 88.709.163.200 đ | 57.454.719.291 đ |

Do vậy khoản chênh lệch tăng khi góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào Công ty con tại ngày 30/06/2013 sẽ giảm từ 84.123.499.213 VND xuống còn 57.454.719.291 VND giảm 26.668.779.922 VND. Năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố chênh lệch 17.809.111.122 VND chênh lệch còn lại là 8.859.668.800 VND. Tại thời điểm năm 2018, công ty đang hoàn thiện các thủ tục và cam kết sẽ hồi tố bổ sung 8.859 triệu đồng trong năm 2019.

Năm 2019, Công ty đã thực hiện xong các thủ tục pháp lý hồi tố đối với diện tích đất còn lại của thửa đất số 2 theo hợp đồng thuê đất số 58/HĐTĐ ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh Cà Mau và được Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tại Báo cáo Công ty mẹ xoát sết 6 tháng đầu năm 2019 của Camimex đã được Công ty kiểm toán xác nhận là không còn các điểm hạn chế và ngoại trừ. Nội dung báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 và 2018 của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 4.0115/18/TC-AC ngày 26/3/2018 và số 4.0077/19/TC-AC ngày 07/03/2019 có phần ngoại trừ liên quan đến việc điều chỉnh hồi tố thu nhập do việc góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào công ty con.

Đồng thời chúng tôi đã tiến hành xoát sết Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty và đưa ra kết luận không còn ngoại trừ tại Báo cáo xoát sết số 4.0201/19/TC-AC ngày 21/08/2019, do xét thấy các ảnh hưởng của việc hồi tố không còn trọng yếu, vì Công ty đã thực hiện xong thủ tục pháp lý về góp vốn vào công ty con – Công ty TNHH Camimex (hiện là CTCP Camimex)

8.1.2. Hợp nhất

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất năm 2017 – Quý III/2019
Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng/ giảm | Lũy kế đến Quý III/2019 |
|----------------------|-----------------|-------------------|-----------------|----------------------------|
| Tổng tài sản | 733.508.040.841 | 876.302.664.513 | 19,47% | 1.260.762.129.164 |
| Doanh thu thuần | 898.312.389.028 | 1.062.202.844.265 | 18,24% | 762.660.512.732 |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 34.070.344.659 | 95.874.252.655 | 181,40% | 73.095.040.855 |
| Lợi nhuận khác | -3.703.053.852 | -2.122.163.604 | 42,69% | 14.093.419.696 |
| Lợi nhuận trước thuế | 30.367.290.807 | 93.752.089.051 | 208,73% | 87.188.460.551 |
| Lợi nhuận sau thuế | 26.656.897.652 | 80.768.352.431 | 202,99% | 75.912.452.066 |
| Tỷ lệ cổ tức | - | - | - | - |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất Quý III/2019 của CMX

❖ **Đánh giá hoạt động kinh doanh Hợp nhất:**

Kết quả kinh doanh năm 2018: Doanh thu thuần đạt 1.062 tỷ (+18,24% yoy) và LNST đạt 81 tỷ (+202,99% yoy).

Doanh thu thuần tăng 18,21% do: Trong năm 2018 Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các Xí nghiệp với tổng giá trị mua sắm đầu tư trong năm 15,5 tỷ góp phần nâng cao năng lực sản xuất đẩy sản lượng trong năm đạt 4.437,3 tấn tăng 25,2% yoy. Bên cạnh đó, dịch bệnh được kiểm soát tốt nên nguồn cung tôm nguyên liệu dồi dào và giá tôm giảm kích thích nhu cầu tiêu dùng tôm tăng mạnh. Trong khi đó tại thị trường châu Âu-thị trường xuất khẩu chính của Camimex, từ tháng 1/2018, tất cả các sản phẩm tôm từ Ấn Độ đều bị giữ lại để kiểm tra dư lượng chất kháng sinh khiến cho các nhà nhập khẩu tôm gặp khó khăn, cũng là cơ hội để CMX tăng sản lượng để thay thế tôm Ấn Độ tại thị trường này. Theo đó, sản lượng xuất khẩu gia tăng mạnh tại: Châu Âu (+21,28% yoy), Hàn Quốc (+44,79% yoy), Nhật Bản (+2,52%).

Lợi nhuận trước thuế tăng 208,73%:

- **Doanh thu tăng 18,21% trong khi Giá vốn tăng 12,7% thấp hơn mức tăng của doanh thu khiến lợi nhuận gộp tăng 66 tỷ (+51,58% yoy):** Năm 2018 do thời tiết thuận lợi, nguồn cung tôm nguyên liệu trong nước dồi dào, khiến giá tôm nguyên liệu giảm mạnh. Theo đó, tôm sú loại 20 con/kg có giá là 320.000 đồng/kg; loại 30 con/kg có giá là 185.000 đồng/kg; loại 40 con/kg có giá là 130.000 đồng/kg, giá tôm thẻ chân trắng loại 100 con/kg đạt mức 80.000 đồng/kg, loại 80 con/kg đạt mức 100.000 đồng/kg ước tính giá nguyên liệu tôm đầu vào bình quân sụt giảm khoảng 20%. Biên lợi nhuận gộp do vậy được cải thiện từ 14,27% lên 18,29%.
- **Chi phí bán hàng giảm 4,9 tỷ:** Năm 2018 nhờ giảm chi phí dịch vụ mua ngoài từ 22,4

tỷ xuống 19,9 tỷ và chi phí dụng cụ, đồ dùng khiến chi phí bán hàng giảm 13,6% yoy.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** tăng 6,7 tỷ (+20,10% yoy),
- **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính** -26,6 tỷ (+10,28% yoy) mặc dù doanh thu tài chính tăng 8,89% yoy nhưng chi phí tài chính tăng 10,06% yoy chủ yếu do chi phí lãi vay 25,9 tỷ khiến lợi nhuận từ hoạt động tài chính âm.

Cập nhật kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019: Doanh thu thuần đạt 762 tỷ, LNST đạt 75,9 tỷ.

(*) Ý kiến hạn chế của đơn vị kiểm toán trong báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2018:

Tập đoàn chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền 26.494.741.863 VND dẫn đến khoản mục “Hàng tồn kho” (Mã số 140) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang được phản ánh theo giá gốc là 420.979.070.288 VND thay vì phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tập đoàn cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tập đoàn cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi 26.494.741.863 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục “Giá vốn hàng bán” sẽ tăng thêm 26.494.741.863 VND, khoản mục “chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” và “Lợi nhuận sau thuế” sẽ giảm đi tương ứng lần lượt là 3.984.563.686 VND và 22.510.178.177 VND.

Công ty Cổ phần Camimex Group xin được giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 do hàng tồn kho chủ yếu là ở Công ty con – Công ty TNHH Camimex và tại ngày 31/12/2018 một số mã mặt hàng thành phẩm tồn kho có giá trị cao do đây là mặt hàng giá trị gia tăng, chế biến qua nhiều công đoạn. Phần lớn hàng tồn kho này đã ký hợp đồng bán và nhận cọc, sẽ giao hàng trong tương lai. Do vậy, Công ty đánh giá có thể bán được với giá cao trong năm 2019 nên không xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm 2018.

Tại Báo cáo Công ty mẹ soát xét 6 tháng đầu năm 2019 của Camimex đã được Công ty kiểm toán xác nhận là không còn các điểm hạn chế và ngoại trừ. Nội dung báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Camimex Group và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 4.0316/19/TC-AC ngày 30 tháng 3 năm 2019 có phần ngoại trừ liên quan đến việc Tập đoàn chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền 26.494.741.863 VND, dẫn đến khoản mục “Hàng tồn kho” (Mã số 140) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang được phản ánh theo giá gốc là 420.979.070.288 VND thay vì phải phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

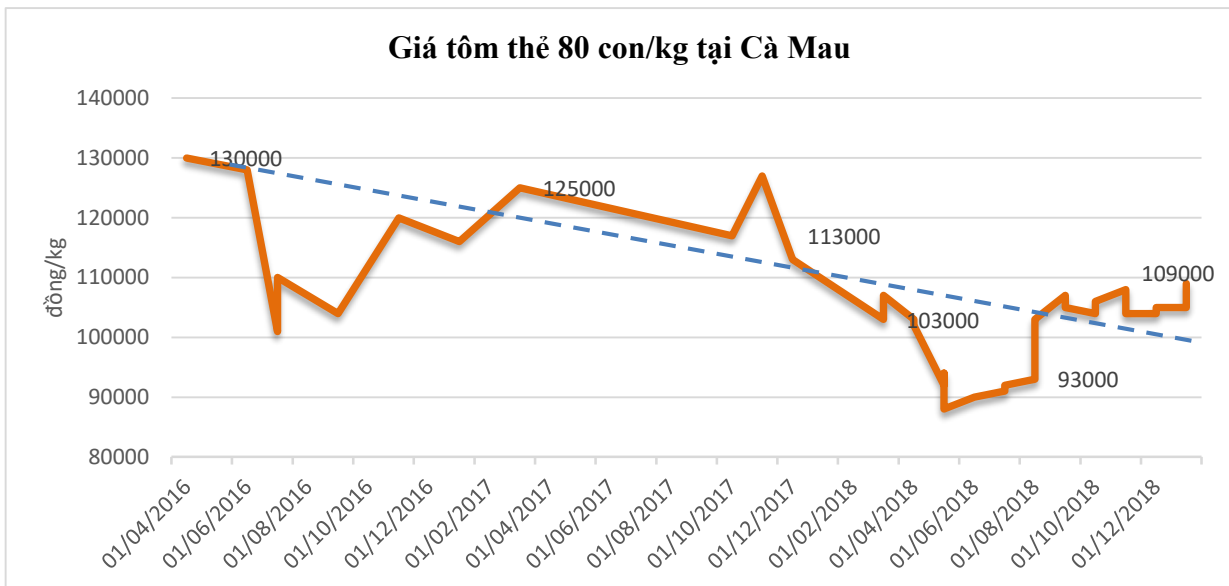
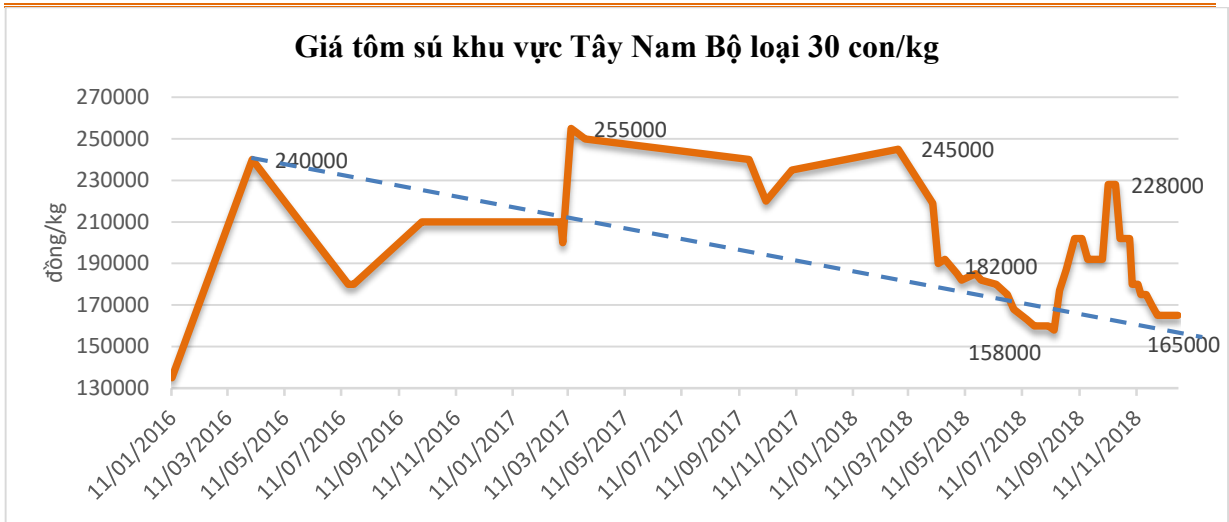
Đồng thời, chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn và đưa ra kết luận không còn ngoại trừ tại Báo cáo soát xét số 4.0202/19/TC-AC ngày 22 tháng 8 năm 2019 do xét thấy các ảnh hưởng của việc ngoại trừ không còn trọng yếu, vì Tập đoàn đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

Về nguyên liệu:

- Công ty tọa lạc tại vùng tôm nguyên liệu Cà Mau, Bạc Liêu.... nên Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất. Việc lựa chọn nhà cung cấp là một tiêu chí góp phần làm ổn định về nguồn nguyên liệu và chất lượng sản phẩm.
- Công ty có vùng nuôi tôm sinh thái tại Mũi Cà Mau và khu nuôi tôm tại tỉnh Kiên Giang nên góp phần chủ động trong việc cung cấp nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào cho công ty sản xuất.
- Với tôm sinh thái nguyên liệu, công ty TNHH MTV Sản xuất tôm giống sinh thái - Camimex (100% thuộc Camimex Group) hiện tại đang sở hữu vùng nuôi tôm sinh thái 300ha, nuôi 2 vụ trên năm với công nghệ nuôi quảng canh cải tiến, năng suất lên tới 600 tấn/năm/300ha. Theo kế hoạch, năm 2019, công ty sẽ nâng diện tích vùng nuôi tôm sinh thái lên 600ha. Ngoài ra công ty còn liên kết với hơn 1.058 nông hộ nuôi với tổng diện tích 6.341,51ha tại xã Tam Giang huyện Năm Căn, xã Nam Giang Tây huyện Ngọc Hiển, công nghệ quảng canh cải tiến, mỗi năm thu hoạch hơn 12.600 tấn mỗi năm. Tỷ lệ độ che phủ rừng/điện tích nuôi tôm lên đến 70/30.
- Việc mua tôm nguyên liệu với số lượng lớn, thanh toán đầy đủ và đúng hạn tạo được mối quan hệ và uy tín cùng có lợi giữa Công ty và các đối tác cung ứng nguyên liệu. Vì vậy Công ty luôn nhận được sự tin nhiệm từ phía các nhà cung ứng nguyên liệu.
- Năm 2018, do thời tiết diễn biến thuận lợi và dịch bệnh được kiểm soát tốt nên nguồn cung nguyên liệu dồi dào, sản lượng tôm tăng cao nên giá nguyên liệu tôm giảm sút, góp một phần không nhỏ trong việc giảm giá vốn hàng bán khiến lợi nhuận năm 2018 của Công ty tăng cao



Nguồn: SHS tổng hợp

Đặc biệt trong giai đoạn thu hoạch Quý 2, Quý 3 giá tôm sú giảm sâu tại Cà Mau giá tôm sú loại 30 con/kg giảm từ mức 245.000/kg xuống mức 160.000-180.000 đ/kg, có thời điểm thấp nhất 8/2018 giá tôm chỉ đạt mức 158.000 đ/kg giảm 65,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tại vùng Tây Nam Bộ (vùng nguyên liệu chính của Công ty), giá tôm thẻ 80 con/kg thời điểm thấp nhất có giá 88.000 đ/kg (-30% yoy). Mặc dù đến thời điểm cuối năm 2018 giá phục hồi nhẹ tuy nhiên ước tính cả năm giá tôm nguyên liệu sụt giảm mạnh, đạt mức giá bình quân 185.000 đ/kg đối với tôm sú loại 30 con/kg; 103.000 đ/kg đối với tôm thẻ loại 80 con/kg.

Về sản xuất chế biến:

- Công ty tập trung đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng như: tôm tẩm bột, Nobashi, IQF.... và các mặt hàng có giá trị cao như tôm sinh thái.
- Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư hiện đại, hiện vẫn đang sử dụng tốt.

- Đầu tư máy móc thiết bị cho các xí nghiệp theo công nghệ mới, đủ đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật, Mỹ, Hàn Quốc...
- Công ty luôn lấy chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong quá trình sản xuất và phát triển của Công ty.
- Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được quy định nghiêm ngặt, đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm được đào tạo và giàu kinh nghiệm.

Về tiêu thụ sản phẩm và xúc tiến thương mại:

- Với uy tín thương hiệu trên 40 năm và chất lượng sản phẩm được đảm bảo, Công ty đã và đang tiêu thụ sản phẩm làm ra tại nhiều nước trên thế giới. Hiện tại, Công ty đã có nhiều khách hàng chiến lược tiêu thụ lớn, ổn định và lâu dài.
- Trong các năm vừa qua công ty đã tham gia nhiều hội chợ trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng và các hoạt động trên đã đem lại nhiều hiệu quả lớn, tạo cơ hội cho khách hàng hiểu biết nhiều hơn về công ty, củng cố mối quan hệ làm ăn lâu dài với khách hàng cũ truyền thống, đồng thời ký hợp đồng thêm với nhiều khách hàng mới, chủ động ký kết những đơn hàng lớn mang lại hiệu quả cao.

Về tổ chức quản lý:

- Công ty đang tổ chức quản lý theo mô hình công ty cổ phần, công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh được sắp xếp theo bộ máy tinh gọn, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý từ Ban Tổng Giám đốc Công ty đến các phòng ban, xí nghiệp, tổ sản xuất. Việc tăng cường quản lý kiểm tra làm giảm đáng kể các khoản chi phí phát sinh ngoài dự kiến, các chi phí nguyên nhiên vật liệu, điện năng...

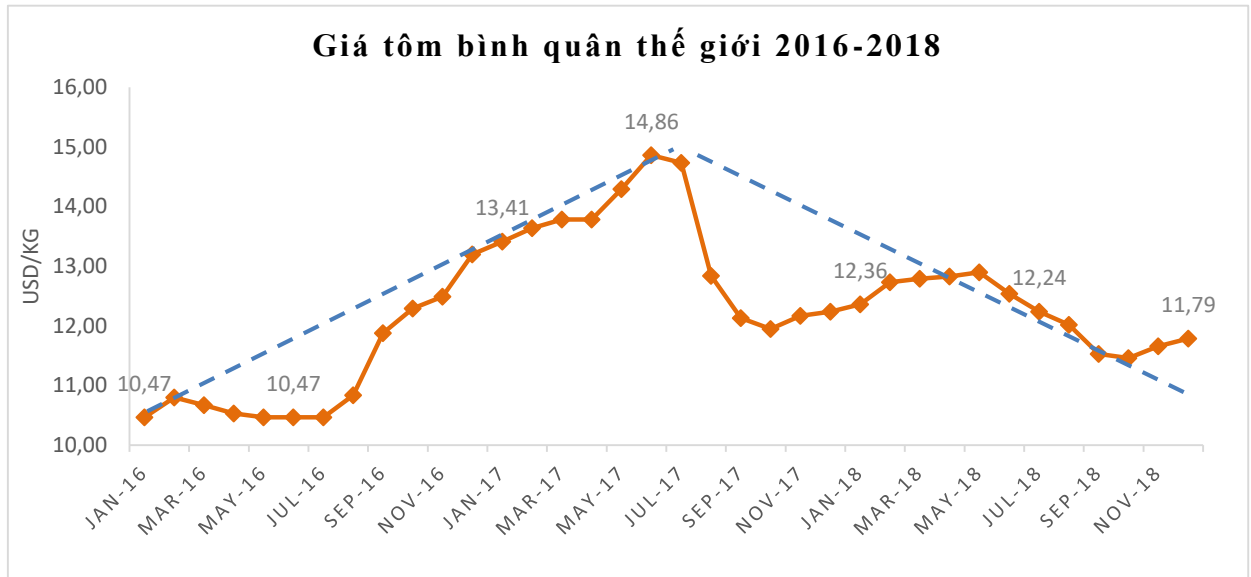
❖ Những nhân tố khó khăn:**Về tôm nguyên liệu:**

- Việc nuôi trồng tôm nguyên liệu ở các địa phương hiện còn mang tính tự phát, manh mún nên nguồn nguyên liệu thường xuyên có tính chất mùa vụ. Khi vào mùa, nguồn cung cấp nguyên liệu thường dư thừa. Ngược lại, khi trái vụ giá cả tăng lên trong khi nguồn cung thiếu hụt. Đặc biệt, việc nuôi trồng thủy sản không đúng kỹ thuật dễ dẫn đến dư lượng kháng sinh, vi sinh và nhiều tạp chất nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các công ty chế biến thủy hải sản nói chung và của Công ty nói riêng.

Về giá bán:

- Giá nguyên liệu giảm mạnh không chỉ là nhân tố thuận lợi mà còn là trở ngại khiến giá bán ra khó lòng tăng cao. Năm 2018, nguồn cung tôm tăng mạnh đến từ các quốc gia xuất khẩu lớn trên thế giới, trong đó: Ấn Độ (xuất khẩu 615.690 tấn, tăng 8% yoy),

Ecuador (xuất khẩu 500.000 tấn, tăng 17,5% yoy), Indonesia (xuất khẩu 180.000 tấn, tăng 10% yoy)...khiến giá tôm bình quân thế giới sụt giảm 8% so với năm 2017. Theo đó, giá bán tôm của CMX giảm 10,94%, đạt mức bình quân 11,5 USD/kg.



Nguồn: Index-Mundi

Về thị trường tiêu thụ:

- Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên thị trường xuất khẩu chủ yếu tại thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc... Đây là những thị trường khó tính và luôn có những quy định khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Những tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung các chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu về dư lượng kháng sinh. Thời gian qua các thị trường này đã hạn chế nhập hàng loạt các mặt hàng thủy sản từ Việt Nam. Do đó, đây là một khó khăn rất lớn cho Công ty, nếu không tuân thủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm thì các nước nhập khẩu sẽ rất khó khăn khi vào các thị trường này.
- Thị trường Nhật Bản 100% lô hàng tôm Việt Nam đều bị kiểm tra thay vì chỉ 30% như thường lệ. Chính phủ Hàn Quốc cũng đã cảnh báo việc dư lượng nitrofurans trong tôm. Tại Mỹ, chính thức từ ngày 31/12, tất cả tôm nhập khẩu vào nước này phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Trong khi đó, Australia cũng chưa gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tôm và thịt tôm chưa nấu chín từ các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 6/7/2017.

Về vốn:

- Vốn cần để mua tôm nguyên liệu lớn, nguồn vốn của công ty còn hạn chế, trong khi ngân hàng cung cấp hạn mức cho vay đối với các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hoạt động trong một lĩnh vực tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn và nhỏ với sự cạnh tranh khá gay gắt của ngành thủy sản Việt Nam, Công ty luôn luôn ý thức được vị thế của mình trong ngành để từ đó có những kế hoạch hợp lý, những quyết sách đúng đắn nhằm giữ vững và ngày một nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác. Trải qua hơn 40 năm thăng trầm hoạt động, Camimex không những giữ vững được vị thế của mình là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu tôm mà còn mở rộng được quy mô, tăng hiệu quả hoạt động gắn với phát triển bền vững. Thương hiệu của Công ty đã được thị trường nhiều nước trên thế giới biết đến, đặc biệt là thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc. Từ đó, CMX ngày càng khẳng định thương hiệu và vị thế của mình trong ngành xuất khẩu tôm với những thế mạnh không thể không kể đến:

➤ Về chứng nhận tôm sinh thái

Camimex được biết đến là công ty hoạt động trong ngành thủy sản đã hơn 40 năm, là đơn vị đầu tiên của Việt Nam triển khai tôm sinh thái từ năm 2000 và đạt được chứng nhận tôm sinh thái do Naturland và IMO cấp. Đồng thời, Camimex cũng là đơn vị **đầu tiên trên thế giới** được cấp chứng nhận sinh thái cho chuỗi giá trị tôm sinh thái xuyên suốt, bền vững: Trại giống sinh thái, Vùng nuôi sinh thái, Sản phẩm sinh thái.

Hình 4: Khu nuôi tôm sinh thái Camimex



Khi sản phẩm tôm tự nhiên ngày càng giảm sản lượng, tôm thâm canh ngày càng ít được ưa chuộng, tôm sinh thái dần trở nên phổ biến. Hiện nay ngoài Camimex có Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú - MPC và Tổng Công ty thủy sản Việt Nam (CTCP)- Seaprodex tuy có tôm sinh thái nhưng chỉ là bán sinh thái, chưa đáp ứng đủ điều kiện chứng nhận sinh thái. thì CMX **tiên phong sinh thái, là công ty chế biến tôm duy nhất tại Việt Nam và trên thế giới đạt được chứng nhận sinh thái Naturland, EU Organic, BIO SUISSE** cao cấp cho sản phẩm tôm sinh thái (từ con giống cho tới bàn ăn). Điều đó mang lại lợi thế cạnh tranh tuyệt đối cho CMX trên con đường tấn công vào các thị trường phát triển như Âu, Mỹ, Canada, Nhật ...

những nơi có truyền thống dùng sản phẩm cao cấp có nguồn gốc và chứng nhận rõ ràng. Có thể gọi CMX là độc quyền ở phân khúc cao cấp.

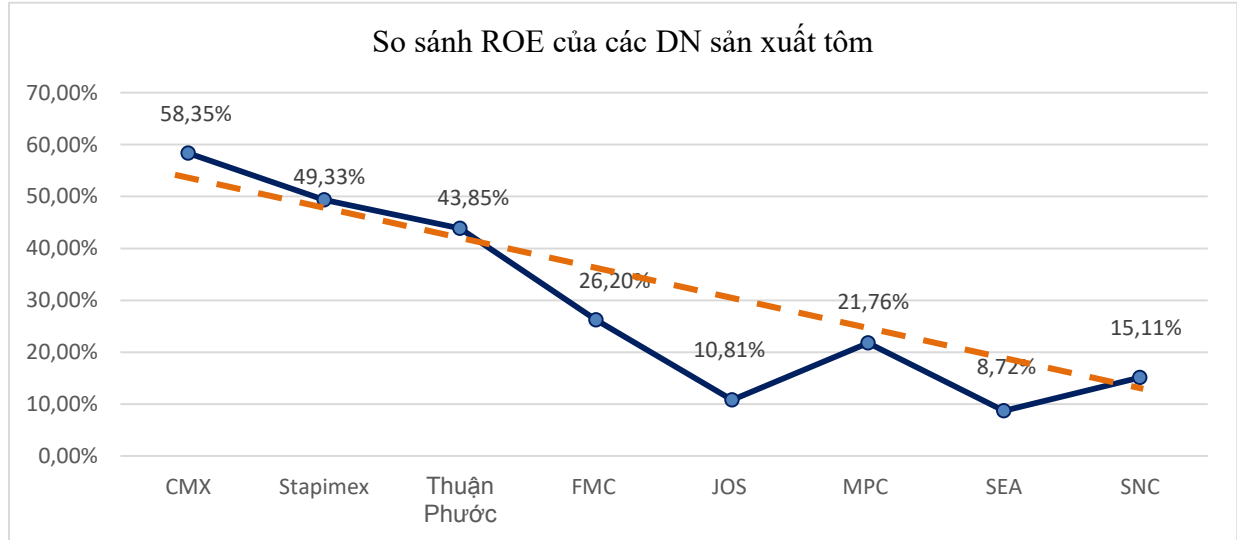
- *Tỷ lệ biên lợi nhuận gộp, ROE duy trì rất cao*

Bảng 14: So sánh với các doanh nghiệp chế biến tôm có thị phần lớn trên thị trường

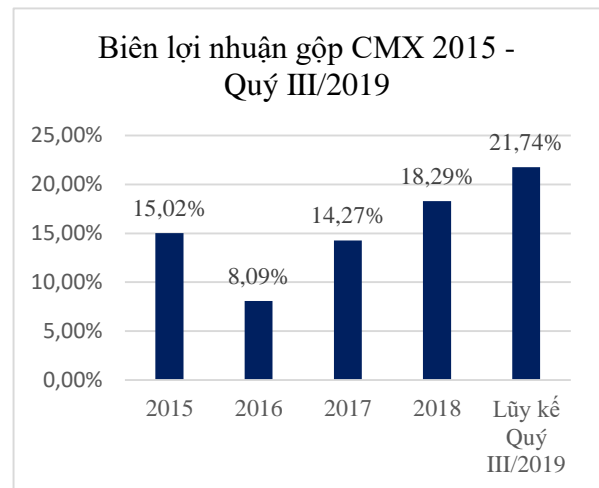
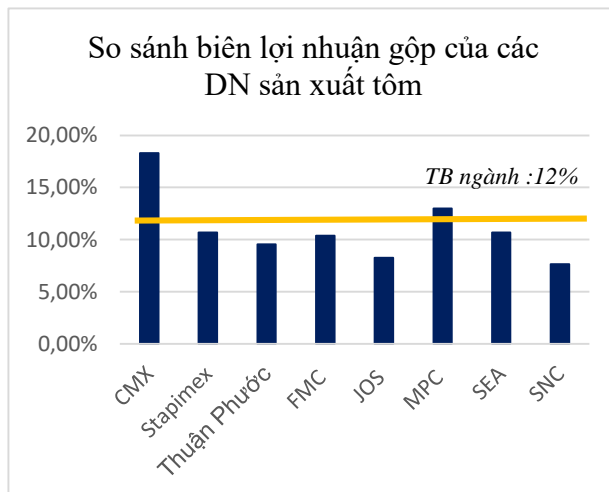
| Doanh nghiệp | Tài sản (tr.đồng) | VCSH (tr.đồng) | DTT (tr.đồng) | LN gộp (tr.đồng) | Biên LN gộp | SLSX (Tấn) | Kim ngạch XK (tr.USD) | LNST (tr.đồng) | ROE (%) |
|--|----------------------|-------------------|------------------|---------------------|----------------|---------------|-----------------------------|-------------------|---------|
| CTCP Thủy sản Sóc Trăng (Stapimex) | 800.303 | 484.734 | 3.914.920 | 418.165 | 10,68% | 15.723 | 167 | 239.098 | 49,33% |
| CTCP thủy sản và thương mại Thuận Phước | 773.712 | 211.011 | 2.117.296 | 201.981 | 9,54% | 8.088 | 91 | 92.526 | 43,85% |
| CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC) | 1.495.244 | 688.939 | 3.806.660 | 394.680 | 10,37% | 32.317 | 164 | 180.496 | 26,20% |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải (JOS) | 232.184 | (196.650) | 265.941 | 21.933 | 8,25% | 2.020 | 9 | (21.257) | 10,81% |
| CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú | 9.092.515 | 3.724.611 | 16.925.349 | 2.197.507 | 12,98% | 65.471 | 751 | 810.375 | 21,76% |
| Tổng Công ty thủy sản Việt Nam (SEA) | 2.781.886 | 2.232.729 | 1.175.851 | 125.747 | 10,69% | | | 194.682 | 8,72% |
| CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn (SNC) | 236.490 | 82.001 | 767.777 | 58.710 | 7,65% | 2.693 | 36 | 12.393 | 15,11% |
| Trung bình | 2.201.762 | 1.032.482 | 4.139.113 | 488.389 | 10,02% | 21.052 | 203 | 215.473 | 25,11% |
| CTCP Camimex Group | 800.302 | 484.733 | 3.914.920 | 418.165 | 18,29% | 4.337,3 | 44 | 80.768 | 58,35% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 các Công ty

So với các doanh nghiệp lớn về mảng xuất khẩu tôm trên thị trường, CMX có tổng tài sản và vốn chủ sở hữu thấp hơn nhiều so với trung bình ngành tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận của Công ty vẫn cao gần tương đương mức bình quân. **Đặc biệt, CMX có biên lợi nhuận gộp và ROE nổi trội so với các doanh nghiệp khác.** Điều này chính là những lợi thế từ sản phẩm tôm sinh thái của Công ty mang lại.



Không giống như nuôi tôm công nghiệp nuôi tôm sinh thái làm giảm rất lớn chi phí cho các nông dân, vì con tôm tự tìm thức ăn trong thiên nhiên, người nuôi cũng không phải xử lý nước và chi phí bổ sung kháng sinh chống bệnh cho tôm chỉ ở mức tối thiểu, đòi hỏi rất ít công sức lao động. Tính tổng những chi phí, người nuôi giảm giá thành trong nuôi tôm đến hơn 50% trong khi giá bán ra lại cao hơn hẳn nuôi tôm công nghiệp.



Theo nghiên cứu của ICAFIS (Trung Tâm Hợp Tác Quốc Tế Nuôi Trồng Và Khai Thác Thủy Sản Bền Vững), giá tôm sinh thái cao hơn tôm công nghiệp trong khoảng 0,86 - 1,3 USD/kg. Theo dữ liệu mới nhất tôm sinh thái xuất khẩu giá sỉ bình quân đã tăng lên 13.475 USD/kg, cao hơn tôm thường của Việt Nam giá bình quân 12 USD/kg, và vượt xa con tôm Thái Lan giá bình quân chỉ 11 - 11.5 USD/kg. Do đó, biên lợi nhuận gộp duy trì rất cao 14-18% so với 12% trung bình ngành

➤ **Về diện tích nuôi trồng tôm sinh thái**

Nhờ vị thế rừng ngập mặn Cà Mau, CMX là công ty quản lý vùng nuôi tôm sinh thái lớn nhất tại Việt Nam và trên thế giới với 40.000 ha tại rừng ngập mặn Cà Mau, trong đó 20.000 rừng, và 20.000 ha vùng nuôi tôm, CMX mới chỉ khai thác số trang trại trên quy mô 7.000ha, và đang tiếp tục mở rộng quy mô vùng nuôi ra Quảng Trị.

Các công ty liên kết do CMX quản lý:

- Công ty 184: vùng nuôi 7.000 ha có 1.196 trang trại quản lý
- Công ty Ngọc Hiến: 11.300 ha có 2.488 trang trại quản lý
- Công ty 13/12: 7.000 ha có 1.224 trang trại

Các trang trại nào đủ điều kiện sẽ được CMX cung cấp con giống và thu mua tôm

Có thể nói lợi thế của CMX sẽ được duy trì trong thời gian dài do CMX đang có hơn 40.000 ha vùng nuôi tôm sinh thái rừng ngập mặn tại Cà Mau. Các doanh nghiệp nuôi tôm khác sẽ khó có được diện tích nuôi tôm này trong ngắn hạn.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Vị thế ngành tôm Việt Nam

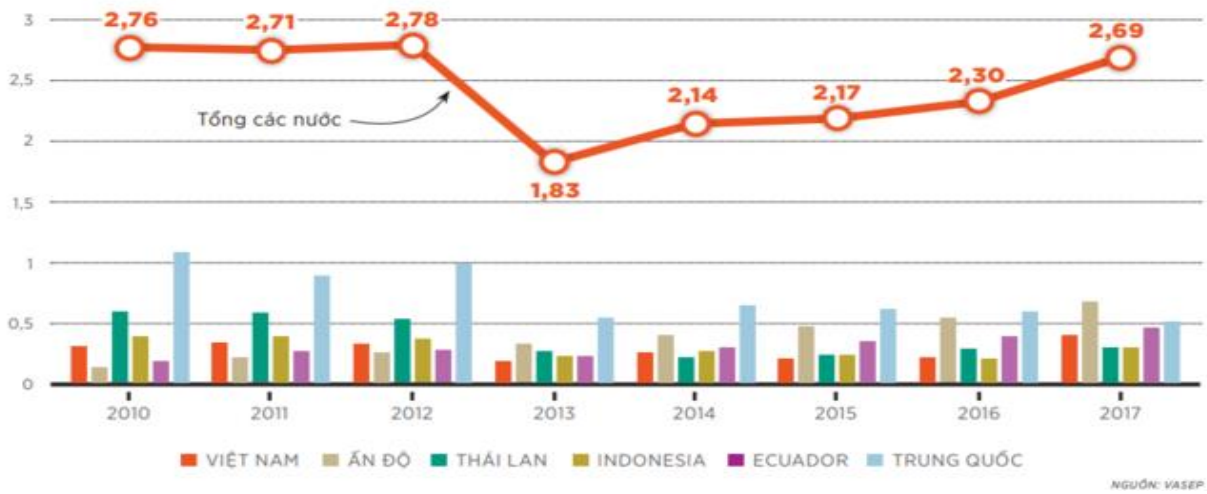
Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3,260 km, Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng hơn 1 triệu km². Việt Nam cũng có vùng mặt nước nội địa lớn rộng hơn 1,4 triệu ha nhờ hệ thống sông ngòi, đầm phá dày đặc. Trữ lượng hải sản ở Việt Nam ước tính có khoảng 4,2 triệu tấn và nguồn tái tạo là khoảng 1,73 triệu tấn. Vị trí và điều kiện tự nhiên giúp nước ta có tiềm năng phát triển ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản vô cùng lớn.

Năm 2018, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 550,000 tấn, tăng 4.66% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tôm hiện là mặt hàng xuất khẩu đóng góp cao nhất vào kim ngạch xuất khẩu thủy sản, đạt 3,55 tỷ USD (-8% yoy) trong tổng số 8,8 tỷ USD trong năm 2018 (chiếm 40%). Giai đoạn 1998-2018 xuất khẩu tôm Việt Nam tăng trưởng gần 700% từ 453 triệu USD năm 1998 lên 3,55 tỷ USD năm 2018.

Việt Nam hiện hiện là quốc gia nuôi trồng tôm lớn thứ 2 thế giới, xuất khẩu đi hơn 100 quốc gia với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 chiếm gần 15% tổng giá trị xuất khẩu tôm toàn thế giới.

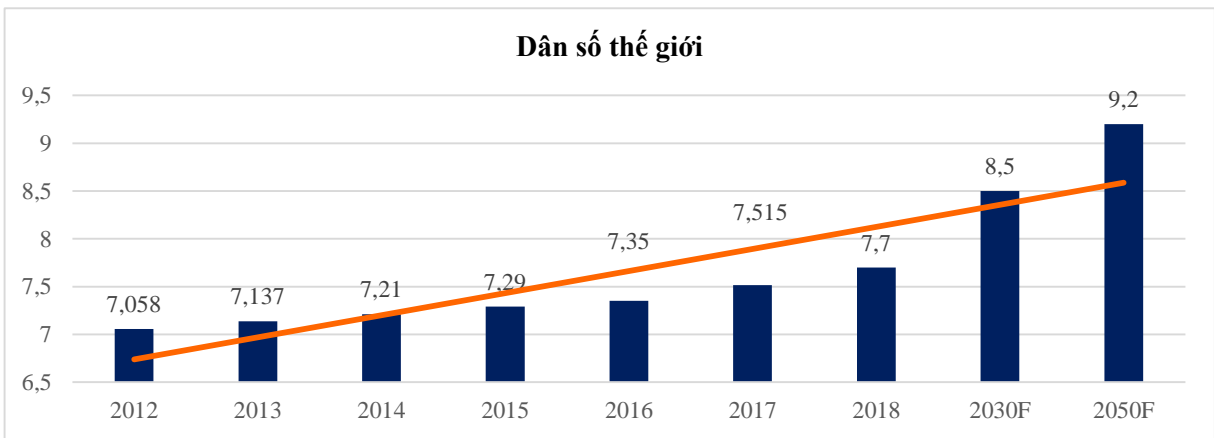
Hình 5: Sản lượng tôm Việt Nam so với các nước cung ứng tôm hàng đầu thế giới

ĐƠN VỊ TÍNH: TRIỆU TẤN



Nhu cầu và Diện tích nuôi trồng thủy sản gia tăng

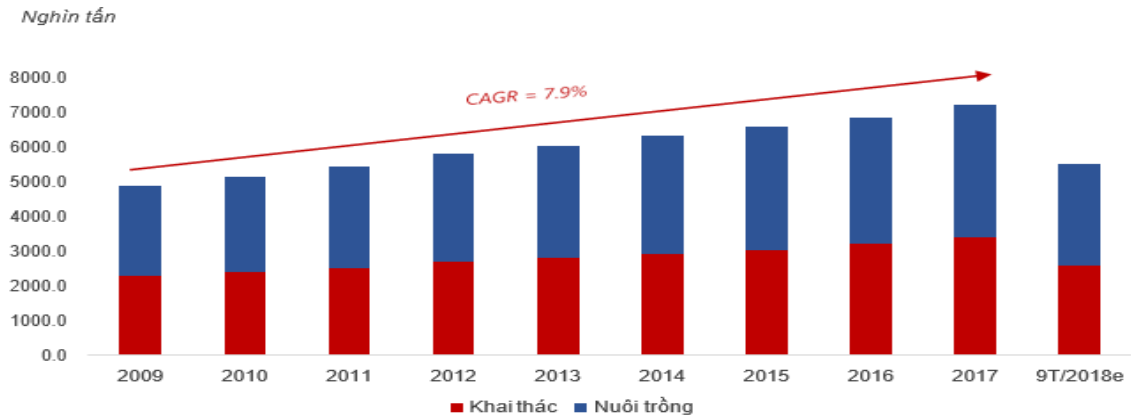
Dựa trên báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), đến năm 2050, dân số thế giới sẽ vượt 9 tỷ người. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được duy trì giúp gia tăng tầng lớp trung lưu. Theo đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng. Nếu tốc độ tiêu thụ vẫn giữ nguyên như hiện nay thì sản lượng thủy sản phải tăng thêm 56% nữa mới đáp ứng đủ nhu cầu.



Nguồn: FAO

Trong khi nguồn thủy sản đánh bắt ngày càng bị giới hạn thì sản lượng thủy sản nuôi trồng sẽ tăng để đáp ứng nhu cầu thực phẩm dinh dưỡng cho dân số ngày càng gia tăng. Theo đó, dự kiến đến năm 2030, tỷ trọng nguồn thủy sản nuôi trong tổng nguồn thủy sản nói chung sẽ vượt 70%, nghĩa là người tiêu dùng sẽ ăn nhiều thủy sản nuôi hơn đánh bắt.

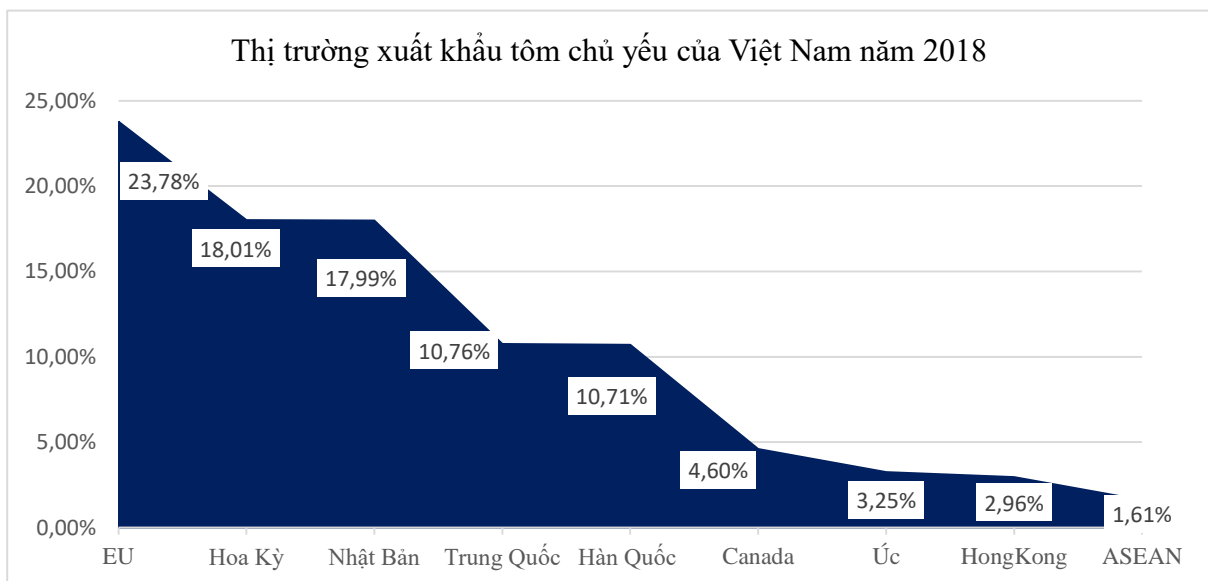
Hình 6: Sản lượng sản xuất thủy sản, 2009 – 9T/2018 e



Nguồn: VIRAC, VASEP, GSO

Triển vọng khả quan từ thị trường EU

EU hiện là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam. Năm 2018, lượng tôm xuất khẩu sang EU đạt 89,6 nghìn tấn, trị giá 839,7 triệu USD, giảm 2,3% về lượng và giảm 2,2% về trị giá so với năm 2017. Mặc dù xuất khẩu tôm sang thị trường EU giảm, nhưng thị phần tôm Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU lại tăng so với năm 2017. Theo thống kê của Eurostat, thị phần tôm Việt Nam tính theo lượng tăng từ 11,1% trong 11 tháng năm 2017, lên 12,6% trong 11 tháng năm 2018.



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải Quan

EU là thị trường khó tính với các điều kiện nghiêm ngặt về kỹ thuật như kiểm tra dư lượng chất kháng sinh, các chương trình thanh tra của Ủy ban Châu Âu. Điển hình Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh chính đang chịu tần suất kiểm tra chặt chẽ từ các nhà chức trách EU tuy nhiên người tiêu dùng EU đặc biệt ưa chuộng các sản phẩm giá trị gia tăng từ Việt Nam. Năm 2018, Việt Nam là thị trường cung cấp tôm chế biến (mã HS 160521) lớn nhất cho EU với thị phần chiếm 22,6% về lượng.

Cơ hội từ thị trường EU vẫn còn rất nhiều triển vọng khi các hiệp định thương mại CPTPP,

EVFTA.. được ký kết giúp ngành thủy sản Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn so với các đối thủ như: Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ. Ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, 90% dòng thuế đánh vào các mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang EU sẽ giảm về 0% trong 3-4 năm (mức thuế nhập khẩu vào EU hiện tại khoảng 14%). Hiệp định EVFTA không chỉ giúp doanh nghiệp Việt Nam được hưởng lợi từ thuế suất mà còn hưởng lợi rất lớn từ chính sách điều chỉnh. Việc khắc phục “thẻ vàng” IUU sẽ sớm có kết quả vào đầu năm 2019 cũng sẽ mở ra nhiều cơ hội cho ngành thủy sản Việt Nam. Việc nhận thẻ vàng của EU gây ra nhiều tác động xấu ảnh hưởng trực tiếp tới việc xuất khẩu hải sản sang các nước EU

Hưởng lợi từ các hiệp định thương mại

Tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam giúp giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan. Với các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã và sắp ký kết, tiêu biểu như FTA Việt Nam; Liên minh kinh tế Á-Âu, FTA Việt Nam và Hàn Quốc; các hiệp định quan trọng như FTA Việt Nam – EU và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ giúp Việt Nam tăng lợi thế khi xuất khẩu thủy sản sang những thị trường chủ lực như Mỹ, Nhật, Châu Âu, Nga với thuế suất thấp đến 0%. Cụ thể

- **Thuế chống bán phá giá Mỹ về 0%**

Sáng 10-4, Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố áp mức thuế 0% cho hai bị đơn bắt buộc và khoảng 29 bị đơn còn lại trong đợt xem xét thuế bán phá giá mới với tôm xuất khẩu từ Việt Nam. Việt Nam hiện là nước xuất khẩu tôm lớn thứ 3 tại Mỹ (sau Ấn Độ và Ecuador). Theo đó, trong lần xem xét hành chính lần thứ 13 (POR 13) của Bộ Thương mại Mỹ (DOC), mức thuế chống bán phá giá của 31 doanh nghiệp sản xuất tôm Việt Nam đã được giảm về mức 0%, điều này đưa con tôm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh với tôm Ấn Độ khi xuất khẩu sang Mỹ.

Đại diện DOC cũng vừa thông báo về mức thuế bổ sung cho các sản phẩm thủy sản Trung Quốc tăng từ 10% lên 25%, có hiệu lực từ tháng 5/2019. Trong đó, tôm tằm bột là sản phẩm chịu ảnh hưởng mạnh nhất do không chịu thuế CBPG trước đây và cũng là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc sang Mỹ (chiếm 50% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm sang Mỹ). Đây sẽ là cơ hội cho doanh nghiệp tôm Việt Nam mở rộng thị phần tôm tằm bột tại Mỹ khi tỷ trọng hiện tại chỉ 15%.

Bảng 15: Thuế xuất khẩu tôm vào Mỹ

| | Viet Nam | India | Ecuador | Thailand | Indonesia | China |
|----------------------------------|----------|-------|---------|----------|-----------|-------|
| Thuế xuất khẩu tôm vào Mỹ | 0% | 1,35% | 0% | 0,81% | 0% | 25% |

Nguồn: SHS tổng hợp

- **Hiệp định EVFTA**

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) được ký kết vào ngày 31/6/2019, qua đó thuế xuất khẩu tôm từ Việt Nam sang EU sẽ được cắt giảm xuống 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực đối với tôm đông lạnh nguyên liệu và cắt

Bảng 16: Cam kết thuế đối với mặt hàng tôm trong EVFTA

| Sản phẩm | Thuế suất trước khi có EVFTA | Thuế suất cam kết trong EVFTA | Lộ trình giảm thuế |
|--|------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|
| HS 03061100 (Tôm hùm xanh ướp đá, tôm sú HOSO, DP đông lạnh, tôm sắt PD tươi đông lạnh,...) | 12,5% | 0% | Ngay say khi hiệp định có hiệu lực |
| HS 03061710 (Tôm sú PD đông lạnh, tôm sú nguyên con HOSO đông lạnh, tôm sú lật đầu còn vỏ, tôm sú đông IQF,..) | 20% | 0% | Ngay say khi hiệp định có hiệu lực |
| HS 03061794 (Tôm đã qua sơ chế đông lạnh) | 18% | 0% | Theo lộ trình 5 năm |
| HS 1652110 (Tôm dạng bột nhão) | 20% | 0% | Theo lộ trình 7 năm |

Nguồn: SHS tổng hợp

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Nắm bắt được triển vọng phát triển của ngành thủy sản nói chung và xuất khẩu tôm nói riêng, song song với đó đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu hiện có của Công ty, Ban lãnh đạo của Camimex đã đề ra phương hướng sản xuất kinh doanh trong những năm tới là:

- Cơ cấu, hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động của công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Cải thiện môi trường làm việc, tăng cường phúc lợi cho người lao động, phấn đấu trở thành nơi làm việc tốt nhất trong ngành.
- Cấu trúc lại công ty con (Công ty Cổ phần Camimex) để thành công ty đại chúng và niêm yết trên UPCOM. Tìm kiếm nhà đầu tư cho công ty con để tăng cường tiềm lực tài chính cũng như quy mô hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.
- Tìm kiếm các đối tác phù hợp để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, thành chuỗi liên kết từ con giống, thức ăn, nuôi trồng tới chế biến, phân phối xuất khẩu.
- Duy trì và phát triển tôm sạch chất lượng cao, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững.
- Đầu tư sản xuất tôm công nghệ cao để chủ động nguồn cung cấp nguyên liệu đáp ứng cho

sản xuất cho công ty.

- Tiếp tục hoàn tất đầu tư xây dựng hoàn thiện Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4.
- Đầu tư xây dựng hoàn thiện nhà máy Xí nghiệp 5 với vốn đầu tư dự kiến cần khoảng 5 triệu USD. Dự kiến cuối quý 3 năm 2019 đi vào hoạt động.

Với vị thế của Công ty cùng những tiềm năng phát triển của ngành thủy sản, việc quan tâm, chú trọng đến nguồn nhân lực cũng như đẩy mạnh đầu tư máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường là một sự chuẩn bị chắc chắn cho quá trình phát triển sấp tới của CMX. Có thể thấy định hướng phát triển của CMX là khá phù hợp với tình hình hiện nay của ngành thủy sản Việt Nam cũng như xu thế chung trên thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Cơ cấu lao động tính đến 30/06/2019

Bảng 17: Cơ cấu lao động tại 30/06/2019

| Loại lao động | Số người | Lao động Tỷ lệ |
|--|--------------|-------------------|
| I. Phân theo trình độ lao động | 1.228 | 100,00% |
| 1. Trình độ trên đại học | 1 | 0,08% |
| 2. Trình độ đại học | 80 | 6,51% |
| 3. Trình độ cao đẳng, trung cấp | 107 | 8,71% |
| 4. Công nhân kỹ thuật | 15 | 1,22% |
| 5. Sơ cấp | 10 | 0,81% |
| 6. Lao động khác | 1.015 | 82,65% |
| II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động | 1.228 | 100,00% |
| 1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm | 3 | 0,24% |
| 2. Lao động không xác định thời hạn | 1.207 | 98,29% |
| 3. Lao động trong thời gian thử việc | 18 | 1,47% |

Nguồn: CTCP Camimex Group

10.2. Chính sách đối với người lao động

▪ Môi trường làm việc

Là doanh nghiệp sản xuất, chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, công ty luôn xác định lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của công ty. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thỏa đáng cho người lao động, xây dựng quy chế trả lương gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc...

Tổ chức tặng quà cho cán bộ, công nhân lao động, tổ chức thăm hỏi gia đình công nhân gặp hoàn cảnh khó khăn vào các ngày lễ, tết....

Công ty tổ chức xe đưa rước công nhân, tổ chức xe đưa rước công nhân miễn phí từ nhà đến nơi làm việc cho các công nhân ở xa không có điều kiện đi lại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với công ty, góp phần tạo công ăn việc

làm, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

Công ty luôn quan tâm đến tổ chức các đoàn thể, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động tại đơn vị, thường xuyên kết hợp với tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên chăm lo đời sống người lao động, tổ chức nhiều phong trào hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ... nhằm tạo động lực cho người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất...

Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong công ty

Hình 7: Một số hình ảnh hoạt động của Công ty



Tổ chức tặng quà

Xe đưa đón NLD đi làm

Ngày hội thể thao

■ Chính sách tiền lương:

Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng theo quy định của Nhà nước, ngoài ra công ty tham khảo mặt bằng lương trong khu vực đảm bảo tính cạnh tranh thu hút lao động và đảm bảo đời sống người lao động trong công ty.

Đối với nhân viên lao động gián tiếp Công ty xây dựng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc, mỗi vị trí công việc có nhiều mức lương theo năng lực và khối lượng công việc được giao.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất Công ty thực hiện chi trả theo năng suất của người lao động trực tiếp tạo ra sản phẩm.

■ Chính sách tiền thưởng:

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: Hàng tháng các bộ phận có bình xét thưởng chuyên cần và phụ cấp tiền chuyên cần hàng tháng.

Hàng năm Công ty tổ chức bình bầu xét khen thưởng thứ hạng A, B, C theo tiêu chí ngày công lao động và mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả công việc và thực hiện khen thưởng thỏa đáng cho tập thể, cá nhân có thành xuất sắc, nhất là cán bộ cấp cao nhằm động viên và thu hút những người có năng lực.

Đối với cán bộ chủ chốt trong công ty, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm,

nêu đạt và vượt sẽ được công ty khen thưởng.

▪ **Chính sách đào tạo:**

Hàng năm Công ty thực hiện quy trình đánh giá năng lực cán bộ để đào tạo từ đó làm cho sự cạnh tranh trong từng cá nhân, bộ phận trong Công ty và thông qua đó tạo nguồn cán bộ để thực hiện chính sách thăng tiến nội bộ nhằm bù đắp những khó khăn trong tuyển dụng nhân sự cấp cao cũng như việc nâng cao tay nghề cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

Căn cứ yêu cầu liên tục cải tiến của hệ thống, công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để cập nhật và nâng cao trình độ cho cán bộ và công nhân lao động theo yêu cầu của các bộ phận.

▪ **Khác**

Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động, thường xuyên kiểm tra bếp ăn và lấy ý kiến của người lao động về chất lượng bữa ăn giữa ca để đảm bảo sức khỏe của người lao động.

Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm công ty duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm do các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động, đồng thời trạm y tế công ty luôn thực hiện tốt vai trò trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động.

Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu

Kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước của Công ty không được tốt, lợi nhuận sau thuế mới bắt đầu dương trở lại từ năm 2017 tuy nhiên vẫn chưa đủ bù đắp khoản lỗ lũy kế, đến 31/12/2018, CMX mới xóa được lỗ lũy kế. Do vậy, trong các năm vừa qua Công ty không chia cổ tức, lợi nhuận giữ lại năm 2018 được dùng để tái đầu tư phục hồi Công ty.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty những năm qua như sau:

| | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--------------|----------|----------|----------|
| Tỷ lệ cổ tức | 0% | 0% | 0% |

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh
Bảng 18: Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh - Công ty mẹ
Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|-------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản ngắn hạn | 739.037.638.817 | 41.119.008.029 | 62.398.571.484 |
| Tiền và các khoản tương đương | 3.783.137.996 | 844.551.128 | 11.574.082.159 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 367.895.378.317 | 32.258.877.883 | 42.099.219.661 |
| Hàng tồn kho | 353.587.852.703 | 99.028.274 | 99.028.274 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 13.771.269.801 | 7.916.550.744 | 8.626.241.390 |
| Tài sản dài hạn | 441.572.029.602 | 454.472.483.776 | 501.701.472.759 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 1.246.621.200 | 1.305.108.420 | 1.161.500.020 |
| Tài sản cố định | 3.420.204.969 | 1.216.366.495 | 985.723.567 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 12.700.625.209 | 12.885.625.209 | 10.550.254.054 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 422.903.000.000 | 437.703.000.000 | 487.692.208.260 |
| Tài sản dài hạn khác | 1.301.578.224 | 1.362.383.652 | 1.311.786.858 |
| Tổng cộng | 1.180.609.668.419 | 495.591.491.805 | 564.100.044.243 |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý III/2019 của CMX

Bảng 19: Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh - Hợp nhất
Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản ngắn hạn | 467.512.128.862 | 601.383.970.638 | 862.634.093.957 |
| Tiền và các khoản tương đương | 8.221.033.794 | 3.609.386.523 | 29.896.075.081 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 73.118.486.829 | 163.907.560.307 | 319.559.235.039 |
| Hàng tồn kho | 363.044.796.089 | 420.979.070.288 | 500.105.408.435 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 23.127.812.150 | 12.887.953.520 | 13.073.375.402 |

| | | | |
|----------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn | 265.995.911.979 | 274.918.693.875 | 398.128.035.207 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 1.246.621.200 | 1.305.108.420 | 8.780.172.020 |
| Tài sản cố định | 143.630.396.454 | 137.162.176.064 | 180.149.490.190 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 117.632.280.401 | 129.654.459.128 | 145.517.901.583 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | 54.989.208.260 |
| Tài sản dài hạn khác | 3.486.613.924 | 6.796.950.263 | 8.691.263.154 |
| Tổng cộng | 733.508.040.841 | 876.302.664.513 | 1.260.762.129.164 |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất Quý III/2019 của CMX

12.1.2. Khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013-TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 03-44 năm
- Máy móc, thiết bị: 03-54 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 03-14 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 04-05 năm
- Chương trình phần mềm máy tính: 02 năm

12.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty năm 2017 và 2018 lần lượt là 5.950.000 đồng/người/tháng và 6.000.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập thuộc loại trung bình so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các tỉnh khác thuộc khu vực miền Tây Nam Bộ.

12.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2018, Công ty phát sinh các khoản nợ quá hạn như sau

Bảng 20: Các khoản nợ quá hạn

| Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|--|----------------------|-----------------------|
| Nợ quá hạn chưa thanh toán của các nhà cung cấp | 2.517.795.547 | 3.744.364.339 |
| Tôm sinh thái | 996.122.160 | 1.314.383.760 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.521.673.387 | 2.429.980.579 |
| Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ | 3.821.950.751 | 12.029.150.392 |

chức và cá nhân khác

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Coop, Basel – Tiền mượn | - | 7.252.877.078 |
| Kinh phí công đoàn (i) | 2.158.469.695 | 2.151.285.795 |
| Bảo hiểm xã hội | 1.419.352.193 | 2.262.153.736 |
| Bảo hiểm y tế | 149.525.218 | 238.553.908 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 49.841.740 | 79.517.970 |
| Thu tiền thanh lý hộ Nhà nước (ii) | 44.761.905 | 44.761.905 |
| Vay quá hạn chưa thanh toán | 16.661.901.985 | 13.761.040.000 |
| Vay NH phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Minh Hải (iii) | 16.661.901.985 | 13.761.040.000 |
| Tổng cộng | 23.001.648.283 | 29.534.554.731 |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 của CMX

(i) Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán

(ii) Khoản tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu

(iii) Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian trả toán khoản nợ.

12.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế TNDN và các loại phí và thuế khác theo quy định. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế.

12.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Bảng 21: Số dư các quỹ - Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

| Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.995.223.836 | 1.995.223.836 | 1.995.223.836 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.015.051.916 | 1.015.051.916 | 1.015.051.916 |
| Tổng cộng | 2.210.275.752 | 2.210.275.752 | 2.210.275.752 |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý III/2019 của CMX

Bảng 22: Số dư các quỹ - Hợp nhất

Đơn vị: đồng

| Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.995.223.836 | 1.995.223.836 | 1.995.223.836 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.015.051.916 | 1.015.051.916 | 2.015.051.916 |
| Tổng cộng | 2.210.275.752 | 2.210.275.752 | 3.210.275.752 |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất Quý III/2019 của CMX

12.1.7. Tổng dư nợ vay

Bảng 23: Tổng dư nợ vay – Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | 200.808.175.710 | 176.387.419.575 | 156.188.229.332 |
| Vay và nợ dài hạn | - | - | - |
| Tổng cộng | 200.808.175.710 | 176.387.419.575 | 156.188.229.332 |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý III/2019 của CMX

Bảng 24: Tổng dư nợ vay – Hợp nhất

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | 392.557.342.156 | 392.290.599.424 | 581.696.767.590 |
| Vay và nợ dài hạn | 12.909.568.000 | 7.851.395.686 | 43.349.678.399 |
| Tổng cộng | 405.466.910.156 | 400.141.995.110 | 625.046.445.989 |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất Quý III/2019 của CMX

12.1.8. Tình hình công nợ hiện nay

a) Các khoản phải thu

Bảng 25: Các khoản phải thu – Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn | 367.895.378.817 | 32.258.877.883 | 42.099.219.661 |
| Phải thu khách hàng | 350.508.797.855 | 32.819.413.752 | 28.319.399.576 |
| Trả trước cho người bán | 7.297.504.407 | 8.256.717.786 | 13.868.429.902 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu khác | 25.308.615.726 | 6.667.121.010 | 15.436.300.816 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | -15.219.539.671 | -15.484.374.665 | -15.524.910.633 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | - | - | - |
| Phải thu dài hạn | 1.246.621.200 | 1.305.108.420 | 1.161.500.020 |
| Phải thu dài hạn khác | 1.246.621.200 | 1.305.108.420 | 1.161.500.020 |
| Tổng cộng | 369.142.000.017 | 33.563.986.303 | 43.260.719.681 |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý III/2019 của CMX

Bảng 26: Các khoản phải thu – Hợp nhất

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính: đồng | | |
|---------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
| Phải thu ngắn hạn | 73.118.486.829 | 163.907.560.307 | 319.559.235.039 |
| Phải thu khách hàng | 37.363.229.147 | 85.534.811.337 | 202.526.747.314 |
| Trả trước cho người bán | 25.883.732.161 | 66.901.802.816 | 96.752.243.649 |
| Phải thu khác | 25.012.266.035 | 26.955.320.819 | 35.805.154.709 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | -15.219.539.671 | -15.484.374.665 | -15.524.910.633 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 78.799.157 | - | - |
| Phải thu dài hạn | 1.246.621.200 | 1.305.108.420 | 8.780.172.020 |
| Phải thu dài hạn khác | 1.246.621.200 | 1.305.108.420 | 8.780.172.020 |
| Tổng cộng | 74.365.108.029 | 165.212.668.727 | 328.339.407.059 |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất Quý III/2019 của CMX

b) Các khoản phải trả

Bảng 27: Các khoản phải trả - Công ty mẹ

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính: đồng | | |
|--------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
| Nợ ngắn hạn | 1.003.996.053.526 | 308.957.657.033 | 373.527.794.337 |

| | | | |
|---------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | 200.808.175.710 | 176.387.419.575 | 156.188.229.332 |
| Phải trả người bán | 768.502.861.494 | 100.425.465.832 | 136.448.282.922 |
| Người mua trả tiền trước | 672.222.022 | 547.467.572 | 17.110.922.723 |
| Các khoản thuế phải nộp | 16.638.847.684 | 17.284.508.226 | 15.399.850.283 |
| Phải trả NLD | 695.351.591 | 159.567.882 | 157.696.801 |
| Chi phí phải trả | 206.440.801 | 216.223.219 | - |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.015.051.916 | 1.015.051.916 | 1.015.051.916 |
| Phải trả khác | 15.4577.102.308 | 12.921.952.811 | 47.207.760.360 |
| Nợ dài hạn | 450.000.000 | 453.145.650 | 457.438.036 |
| Vay và nợ dài hạn | - | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 450.000.000 | 450.000.000 | 450.000.000 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | - | 3.145.650 | 7.438.036 |
| Tổng cộng | 1.004.446.053.526 | 309.410.802.683 | 373.985.232.373 |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý III/2019 của CMX

Bảng 28: Các khoản phải trả -Hợp nhất

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính: đồng | | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/09/2019 |
| Nợ ngắn hạn | 660.409.970.678 | 729.580.053.461 | 913.596.632.230 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 392.557.342.156 | 392.290.599.424 | 581.696.767.590 |
| Phải trả người bán | 224.496.935.460 | 286.570.412.768 | 253.125.199.488 |
| Người mua trả tiền trước | 2.270.970.203 | 3.845.374.200 | 24.732.207.645 |
| Các khoản thuế phải nộp | 9.212.158.973 | 16.544.915.573 | 18.420.737.353 |
| Phải trả NLD | 5.689.398.381 | 6.746.253.381 | 7.829.173.607 |
| Chi phí phải trả | 359.170.534 | 399.559.703 | 1.058.315.576 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.015.051.916 | 1.015.051.916 | 2.015.051.916 |
| Phải trả khác | 24.808.943.055 | 22.167.886.496 | 24.719.179.055 |
| Nợ dài hạn | 13.368.861.288 | 8.304.541.336 | 43.834.975.152 |

| | | | |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay và nợ dài hạn | 12.909.568.000 | 7.851.395.686 | 43.349.678.399 |
| Phải trả dài hạn khác | 450.000.000 | 450.000.000 | 450.000.000 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 9.293.288 | 3.145.650 | 35.296.753 |
| Tổng cộng | 673.778.831.966 | 737.884.594.797 | 957.431.607.382 |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất Quý III/2019 của CMX

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|--|--------|------------|------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,74 | 0,13 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,38 | 0,13 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,85 | 0,62 |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 5,70 | 1,66 |
| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2017 | Năm 2018 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 2,35 | 5,31 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 0,71 | 2,00 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần | % | 0,7% | 1,42% |
| Lợi nhuận sau thuế/VCSH | % | 3,36% | 7,57% |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 0,50% | 2,84% |
| Lợi nhuận SXKD/ doanh thu thuần | % | 1,26% | 1,52% |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2017, 2018 của CMX

Bảng 30: Chỉ tiêu tài chính hợp nhất

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|--|-------------|------------|------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,71 | 0,82 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,16 | 0,25 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,92 | 0,84 |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 11,28 | 5,33 |
| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2017 | Năm 2018 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 2,24 | 2,21 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 1,22 | 1,21 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần | % | 3% | 7,6% |
| Lợi nhuận sau thuế/VCSH | % | 44,63% | 58,35% |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 3,63% | 9,22% |
| Lợi nhuận SXKD/ doanh thu thuần | % | 3,79% | 9,03% |
| EPS | đ/ cổ phiếu | 2.016 | 6.105 |

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018 của CMX

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND | Chức vụ |
|----|------------------|------------|--------------|---|
| 1 | Bùi Sĩ Tuấn | 12/10/1971 | 034071003438 | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2 | Nguyễn An Ninh | 07/11/1958 | 024986574 | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| 3 | Bùi Đức Cường | 07/04/1973 | 034073004540 | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc công ty |
| 4 | Nguyễn Hoàng Nam | 1985 | 024986486 | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5 | Đặng Ngọc Sơn | 1959 | 036059004771 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |

| | | | | |
|---|-----------------|------------|-----------|-------------------------------------|
| 6 | Nguyễn Trọng Hà | 29/06/1974 | 381744956 | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng |
|---|-----------------|------------|-----------|-------------------------------------|

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch HĐQT

| | |
|---------------------|---|
| Họ và tên | : Bùi Sĩ Tuấn |
| Giới tính | : Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : 12/10/1971 |
| CMND/ Hộ chiếu | : 034071003438 |
| Ngày cấp | : 17/08/2016 |
| Nơi cấp | : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Tổng cục Cảnh sát |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | : 12.02A Khối A Chung cư Cao Tầng, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : 0939.936 868 |
| Trình độ chuyên môn | : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh |
| Quá trình công tác | : |

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------------------|--|
| Từ năm 1996 – 2006 | Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú |
| Từ năm 2006 – 2010 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú |
| Từ năm 2010 – 2011 | Giám đốc đầu tư Tập đoàn Thủy sản Minh Phú CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú |
| Từ tháng 10/2012 đến 01/2013 | Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Camimex Group |
| Từ 24/01/2013 đến nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Camimex Group |
| Chức vụ tại công ty | : Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : - Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần vốn Thiên Niên Kỹ; - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : 2.542.833 cổ phần |
| - Sở hữu cá nhân | : 0 cổ phần, chiếm 0,0% vốn điều lệ |
| - Đại diện sở hữu | : 2.542.833 cổ phần cổ phần, chiếm 19,2% vốn điều lệ |
| Sở hữu của người có liên quan | : |

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|---------------|-------------|------------|--------|
| Bùi Đức Cường | Em trai | 1.920.000 | 14.52% |

Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức : Không có khác

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b. Ông Nguyễn An Ninh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn An Ninh
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 07/11/1958
 CMND/ Hộ chiếu : 024986574
 Ngày cấp : 30/09/2008
 Nơi cấp : TP. Hồ Chí Minh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 111 Cao Thắng, P.17, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
 Điện thoại : 0913 893 268
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân - Kinh tế luật
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác | | |
|-------------------------------|---|------------|-------|
| 2000-2006 | Giám đốc Công ty TNHH Hải Nam | | |
| 01/2006-11/2011 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Group | | |
| 11/2011-06/2012 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Group | | |
| 19/06/2012 - đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Group | | |
| Chức vụ tại công ty | : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty | | |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex; | | |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : 1.648.388 cổ phần | | |
| - Sở hữu cá nhân | : 1.648.388 cổ phần cổ phần, tỷ lệ 12,5 % | | |
| - Đại diện sở hữu | : 0 cổ phần, chiếm 0,0% vốn điều lệ | | |
| Sở hữu của người có liên quan | : | | |
| Họ và tên | Mối quan hệ | Số cổ phần | Tỷ lệ |

| | | | |
|--------------------------------------|----------|----------|-------|
| Nguyễn Hoàng Nam | Con trai | 12.137 | 0.09% |
| Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác | : | Không có | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không có | |
| Những khoản nợ đối với Công ty | : | Không có | |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : | Không có | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | : | Không có | |

c. Ông Bùi Đức Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

| | | |
|---------------------|---|---|
| Họ và tên | : | Bùi Đức Cường |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 07/04/1973 |
| CMND/ Hộ chiếu | : | 034073004540 |
| Ngày cấp | : | 17/02/2017 |
| Nơi cấp | : | Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Tổng cục Cảnh sát |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | : | E114 CC KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | 0903011639 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | : | |

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác | |
|--------------------------|--|--|
| Năm 1997 -2008 | Chuyên viên Công tác tại Công ty CP Tập đoàn thủy sản Minh Phú | |
| Năm 2009 – 02/2013 | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận | |
| 06/2013- 13/02/2019 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Camimex | |
| Từ 14/02/2019 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Camimex | |
| Từ 06/2013 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Camimex Group | |
| Chức vụ tại công ty | : | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : | 1.920.000 cổ phần |

- Sở hữu cá nhân : 1.920.000 cổ phần chiếm 14,5% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan :

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-------------|-------------|------------|-------|
| Bùi Sĩ Tuấn | Anh trai | 2.542.833 | 19,2% |

Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

d. Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Hoàng Nam
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1985
 CMND/ Hộ chiếu : 024986486
 Ngày cấp : 19/09/2008
 Nơi cấp : CA TP. Hồ Chí Minh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 111 Cao Thắng, P.17, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 0933.366146
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân thương mại
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-----------------------|--|
| Từ 29/06/2009 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Camimex Group |

Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ : 12.137 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 12.137 cổ phần, tỷ lệ 0,09%

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ và tên | Mối quan hệ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|----------------|-------------|------------|-------|
| Nguyễn An Ninh | Bố | 1.648.388 | 12,5% |

Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức : Không có khác
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e. Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Đặng Ngọc Sơn
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1959
 CMND/ Hộ chiếu : 036059004771
 Ngày cấp : 19/06/1959
 Nơi cấp : Tổng cục Cảnh sát
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 11/50 Nguyễn Hữu Tiên, Tây Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Đại học Chế biến thủy sản
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|-------------------------|--|
| Năm 1981 - 1994 | Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng |
| Năm 1995 - 1998 | Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty CP Dầu khí Vũng Tàu |
| Năm 1998 -2001 | Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Minh Hải (Minh Hải Jostoco) |
| Năm 2001-2005 | Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu |
| Năm 2005- 2014 | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh |
| 08-2014 đến nay | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camimex Group |
| 01/07/2019 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Camimex Group |
| Chức vụ tại công ty | : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc công ty |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : 0 cổ phần |
| - Sở hữu cá nhân | : 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% |
| - Đại diện sở hữu | : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ |

Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

f. Ông Nguyễn Trọng Hà- Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Trọng Hà
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 29/06/1974
 CMND/ Hộ chiếu : 381744956
 Ngày cấp : 22/03/2011
 Nơi cấp : CA Tỉnh Cà Mau
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 251F, đường Lê Vĩnh Hòa, phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
 Điện thoại : 0983.400.234
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|--------------------------------------|--|
| Năm 1999 - 05/2006 | Kế toán tổng hợp Xí nghiệp thủy sản Đầm Dơi |
| Từ 05/2006 - 12/2006 | Kế toán Viettel Cà Mau |
| Từ 01/2007 - 12/2007 | Trưởng phòng bán hàng Viettel Cà Mau |
| Từ 01/2008 - 08/2011 | Phó Giám đốc Kinh doanh Viettel Cà Mau |
| Từ 09/2011 đến nay | Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Group |
| Chức vụ tại công ty | : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng công ty |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : 0 cổ phần |
| - Sở hữu cá nhân | : 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% |
| - Đại diện sở hữu | : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ |
| Sở hữu của người có liên quan | : Không có |
| Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác | : Không có |

| | |
|-----------------------------------|------------|
| Hành vi vi phạm pháp luật | : Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty | : Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | : Không có |

13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND | Chức vụ |
|----|-------------------|------------|-----------|--------------------------|
| 1 | Nguyễn Đăng Duẩn | 31/07/1980 | 012095093 | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Văn Thắng | 19/08/1971 | 022820187 | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Nguyễn Hoàng Nghĩ | 01/10/1980 | 381025716 | Thành viên Ban kiểm soát |

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Ông Nguyễn Đăng Duẩn – Trưởng ban kiểm soát

| | |
|---------------------|---|
| Họ và tên | : Nguyễn Đăng Duẩn |
| Giới tính | : Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : 31/07/1980 |
| CMND/ Hộ chiếu | : 012095093 |
| Ngày cấp | : 18/2/2005 |
| Nơi cấp | : Công an TP Hà Nội |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | : 7D Bùi Văn Ba, Tổ 27, Khu phố 2, phường Tân Thuận Đông, TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : 0912.068.357 |
| Trình độ chuyên môn | : Đại học Luật |
| Quá trình công tác | : |

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|--------------------------|---|
| Năm 2002 - 2007 | Chuyên viên Tư Vấn Công ty tư vấn Thái Dương |
| Năm 2007 - đến nay | Luật sư, trưởng chi nhánh Văn phòng luật sư Prime VN tại TP.HCM |
| Năm 2011 - đến nay | Luật sư Công ty TNHH tư vấn đầu tư Ecolaw |
| Từ 08/2014 đến nay | Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex Group |
| Chức vụ tại công ty | : Trưởng Ban kiểm soát |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần Camimex |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : 0 cổ phần |
| - Sở hữu cá nhân | : 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00 % |

| | |
|--------------------------------------|--------------------------------------|
| - Đại diện sở hữu | : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ |
| Sở hữu của người có liên quan | : Không có |
| Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác | : Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty | : Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | : Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | : Không có |

b. Ông Nguyễn Văn Thắng – Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|---------------------|---|
| Họ và tên | : Nguyễn Văn Thắng |
| Giới tính | : Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : 19/08/1971 |
| CMND/ Hộ chiếu | : 022820187 |
| Ngày cấp | : 21/09/2015 |
| Nơi cấp | : CA Tp. Hồ Chí Minh |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Địa chỉ thường trú | : 13 Lê lai - Phường 03 - Quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh |
| Trình độ chuyên môn | : Đại học kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng; Đại học Luật |
| Quá trình công tác | : |

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|--------------------------|---|
| Từ năm 1997 – 2002 | Công tác tại Tổng công ty Xây dựng số 1 |
| Từ năm 2003 – 2005 | Công tác tại Công ty CP Dịch vụ hàng hải và Du lịch Sài Gòn |
| Từ năm 2006 – 2009 | Công tác tại Công ty Cổ phần Nhật Quân Anh |
| Từ năm 2010 – 2014 | Công tác tại Công ty CP Tân Hoàng Thắng |
| Từ năm 2015 – đến nay | Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty TNHH Thủy sản Camimex |
| Từ 20/07/2016 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex Group |
| Chức vụ tại công ty | : Thành viên Ban kiểm soát |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : Thành viên Ban kiểm soát công ty cổ phần Camimex |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : 0 cổ phần |
| - Đại diện sở hữu | : 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00 % vốn điều lệ |
| - Cá nhân sở hữu | : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ |

Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c. Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Hoàng Nghĩa
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 01/10/1980
 CMND/ Hộ chiếu : 381025716
 Ngày cấp : 26/04/2017
 Nơi cấp : Công an Tỉnh Cà Mau
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Khóm 8 – Phường 8 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
 Điện thoại : 0919.109.000
 Trình độ chuyên môn : Trung học Kế toán Doanh nghiệp, Đại học Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ - đơn vị công tác |
|--------------------------|--|
| Năm 2000 đến 2002 | Nhân viên Phòng TCHC Công ty CP chế biến và XNK Cadovimex |
| Năm 2002 đến 2006 | Nhân viên Phòng Kế toán Tổng hợp Công ty CP Thực phẩm Thủy sản xuất khẩu Cà Mau |
| Năm 2007 đến 06/2009 | Nhân viên Tổ chức hành chính Công ty CP Camimex Group |
| Từ 06/2009 - đến nay | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Camimex Group |
| Từ 07/12/2014 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên phụ trách Công bố thông tin Công ty CP Camimex Group |
| Chức vụ tại công ty | : Thành viên Ban kiểm soát |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : |
| Tổng số cổ phần nắm giữ | : 0 cổ phần |
| - Đại diện sở hữu | : 0 cổ phần, tỷ lệ 0 % |
| - Cá nhân sở hữu | : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ |

Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Chứng khoán nắm giữ tại tổ chức : Không có khác
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

13.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND | Chức vụ |
|----|-----------------|------------|--------------|---|
| 1 | Nguyễn An Ninh | 07/11/1958 | 024986574 | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| 2 | Bùi Đức Cường | 07/04/1973 | 034073004540 | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc công ty |
| 3 | Đặng Ngọc Sơn | 1959 | 036059004771 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |
| 4 | Nguyễn Trọng Hà | 29/06/1974 | 381744956 | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng |

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng như sau:

a. Ông Nguyễn An Ninh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại mục thông tin thành viên Hội đồng quản trị

b. Ông Bùi Đức Cường – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại mục thông tin thành viên Hội đồng quản trị

c. Ông Đặng Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại mục thông tin thành viên Hội đồng quản trị

d. Ông Nguyễn Trọng Hà – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Xem thông tin tại mục thông tin thành viên Hội đồng quản trị

14. Tài sản

Bảng 31: Tài sản – Công ty mẹ tại 30/09/2019

Đơn vị giá trị: đồng

| TT | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG |
|----|---------------|-----------------|------------------------|---------|
| I | TSCĐ hữu hình | - | - | - |

| TT | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG |
|------------|----------------------------|----------------------|------------------------|---------------|
| II | TSCĐ thuê tài chính | - | - | - |
| II | TSCĐ vô hình | | | |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 3.725.492.000 | 985.723.567 | 26,45% |
| III | Bất động sản đầu tư | - | - | - |
| | Tổng | 3.725.492.000 | 985.723.567 | 26,45% |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Quý III/2019 của CMX

Bảng 32: Tài sản chính - Hợp nhất tại 30/09/2019

Đơn vị giá trị: đồng

| TT | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG |
|------------|----------------------------|------------------------|------------------------|---------------|
| I | TSCĐ hữu hình | 369.702.548.355 | 136.108.765.285 | 36,82% |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 117.239.008.728 | 46.170.014.829 | 39,38% |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 211.335.151.360 | 65.716.743.134 | 31,10% |
| 3 | Phương tiện vận tải | 36.389.193.224 | 21.982.096.791 | 60,41% |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4.739.195.043 | 2.239.910.531 | 47,26% |
| II | TSCĐ thuê tài chính | 45.424.320.258 | 42.445.542.290 | 93,44% |
| II | TSCĐ vô hình | 9.245.105.542 | 1.595.182.615 | 17,25% |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 8.736.905.542 | 1.522.960.395 | 17,43% |
| 2 | Phần mềm máy tính | 508.200.000 | 72.222.220 | 14,21% |
| III | Bất động sản đầu tư | - | - | - |
| | Tổng | 424.371.974.155 | 180.149.490.190 | 42,45% |

Nguồn: BCTC Hợp nhất Quý III/2019 của CMX

Bảng 33: Tình hình sử dụng đất đai

| TT | Khu đất | Diện tích sử dụng (m ²) | Công trình trên đất | Mục đích sử dụng | Hình thức sử dụng | Thời hạn thuê (năm) |
|----|---------------------------------------|-------------------------------------|--|------------------------------------|----------------------------|---------------------|
| 1 | GCNQSD: CT 00515 (17/8/2015) – Cà Mau | 14.928,8 | - Khu Văn Phòng Cty - Khu công viên - Khu Nhà máy xử lý nước thải, thủy đài, sửa chữa, kho vật tư, bảo vệ - Nhà máy Xí nghiệp 2 - Kho vật tư, bao bì - Kho lạnh: - Kho 200T - Kho 75T | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Thuê đất trả tiền hàng năm | 39 |

| TT | Khu đất | Diện tích sử dụng (m ²) | Công trình trên đất | Mục đích sử dụng | Hình thức sử dụng | Thời hạn thuê (năm) |
|----|---|-------------------------------------|--|------------------------------------|----------------------------|---------------------|
| 2 | GCNQSD: CT 00619 (17/5/2016) – Cà Mau | 1325,6 | Nhà ăn công ty + nhà xe | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Thuê đất trả tiền hàng năm | 38 |
| 3 | GCNQSD: CT 00618 (17/5/2016) – Cà Mau | 39,7 | Khu cống nước thải | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Thuê đất trả tiền hàng năm | 38 |
| 4 | GCNQSD: CT 00643 (28/7/2016) – Cà Mau | 6734 | - Kho vật tư, bao bì - Kho 50T - Kho 30T | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Thuê đất trả tiền hàng năm | 48 |
| 5 | GCNQSD: CT 000362 (06/7/2011). – Cà Mau | 25.448,5 | - Nhà Máy Xí nghiệp 5 | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh | Thuê đất trả tiền hàng năm | 32 |
| 6 | GCNQSD:CT 32431 (24/1/2014). | 2.292,2 | - Kho 500T | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh | Thuê đất trả tiền hàng năm | 34 |

Nguồn: CTCP Camimex Group

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

15.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2019 | |
|---------------------------------------|-----------|-------------------|-----------------------------|
| | | Giá trị | % tăng giảm so với năm 2018 |
| 1. Vốn điều lệ | Tỷ Đồng | 264,4 | +100% |
| 2. Kim ngạch xuất khẩu | Triệu USD | 113,19 | +158,42% |
| 3. Sản lượng sản xuất | Tấn | 8.400 | +89,30% |
| 4. Tổng doanh thu thuần | Tỷ Đồng | 2.637,3 | +148,29% |
| 5. Lợi nhuận sau thuế | Tỷ Đồng | 198,74 | +146,06% |
| 6. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | % | 7,54% | -0,07% |

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2019 | |
|-----------|--------|-------------------|-----------------------------|
| | | Giá trị | % tăng giảm so với năm 2018 |
| 7. Cổ tức | % | 0% | 0% |

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019

15.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Với cú lợi ngược dòng ngoạn mục năm 2018, Ban lãnh đạo Công ty nhận định cuộc tổng tấn công tại các thị trường xuất khẩu mới chỉ bắt đầu nên tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 Hội đồng quản trị CMX đã đề xuất với các cổ đông kế hoạch kinh doanh đầy tham vọng. Theo đó, kế hoạch năm 2019 kim ngạch xuất khẩu hợp nhất đạt 113,19 triệu USD tăng 158,42% yoy; sản lượng dự kiến đạt 8,400 tấn tăng 89% yoy; tổng doanh thu thuần hợp nhất 2.637 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 198,74 tỷ đồng, tăng ~147% yoy. Kế hoạch trên được Công ty xây dựng căn cứ vào năng lực sản xuất, các đơn đặt hàng của khách hàng và đánh giá tiềm năng tăng trưởng của Công ty. Cụ thể như sau:

- **Đẩy mạnh nâng cấp, xây dựng nhà máy mới và gia tăng công suất**

Hiện tại công ty đang vận hành 3 nhà máy xí nghiệp chế biến 2, 4, 5 trên tổng diện tích gần 4,5 ha, với tổng công suất 10.000 tấn/năm. Với công suất hiện tại, năm 2018 công ty chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu của khách hàng quốc tế, tức là nhu cầu tôm còn rất lớn so với nguồn cung của CMX. Bên cạnh đó, nguồn cung tôm Thái Lan không đủ cho xuất khẩu và tôm Ấn Độ gặp khó khăn tại thị trường EU; các sản phẩm từ tôm chính thức hưởng mức thuế nhập khẩu 0% từ Mỹ; các hiệp định thương mại tự do với EU, Nhật Bản, Hàn Quốc,... cũng tạo nên lợi thế cạnh tranh vô cùng lớn cho tôm Việt Nam.

Đón đầu xu hướng thị trường này, CMX đã xây mới lại một số hạng mục, nâng cấp xí nghiệp 2 và 4, dự kiến năm 2019 sẽ hoàn thành việc đầu tư nâng cấp. Hiện công ty cũng đang đầu tư xây dựng xí nghiệp 5 với công suất 6.000 tấn/năm.

- **Giá tôm nguyên liệu dự báo tiếp tục giảm**

Với đặc thù lĩnh vực sản xuất, chế biến nên chi phí nguyên liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu chi phí của doanh nghiệp. Do vậy, việc giảm giá tôm nguyên liệu từ đó giảm giá vốn hàng bán sẽ đóng góp một phần lớn vào việc tăng biên lợi nhuận cho Công ty. Đồng thời, các sản phẩm của Công ty là các mặt hàng giá trị gia tăng, tôm đã qua chế biến, các mặt hàng tôm sinh thái đây là các sản phẩm thuộc phân khúc cao cấp nên việc giảm giá tôm mặc dù có ảnh hưởng đến giá bán tuy nhiên tác động không nhiều.

Năm 2018, nguồn cung tôm tăng mạnh từ các quốc gia xuất khẩu trên thế giới, trong đó: Ấn Độ xuất khẩu 615.690 tấn (+8,0% yoy), Ecuador xuất khẩu 500.000 tấn (+17,5% yoy) khiến giá tôm bình quân thế giới sụt giảm 8% so với năm 2017. Thêm vào đó, tình hình tồn kho và ứ đọng hàng ở các thị trường lớn như Mỹ và Trung Quốc cũng góp phần ảnh hưởng đến giá tôm. Theo ước tính của tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) sản lượng tôm toàn thế giới có thể đạt 3,3 triệu tấn trong năm 2019 (+4% yoy), do đó giá tôm sẽ tiếp tục giảm trong năm nay.

▪ Tăng trưởng doanh thu mạnh nhờ EVFTA

Hiện tại, thị trường xuất khẩu chính của CMX là EU, chiếm hơn 67% tổng kim ngạch. EU chủ yếu nhập khẩu tôm nguyên liệu đông lạnh và tôm chế biến từ Việt Nam. Mức thuế ưu đãi phổ cập mà EU dành cho tôm nguyên liệu đông lạnh của Việt Nam hiện nay là 4,2% và với tôm chế biến đông lạnh là 7%. Với mức thuế này, Việt Nam vẫn đang có lợi thế hơn so với 2 nước đối thủ là Thái Lan và Trung Quốc, vì 2 nước này không được hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập của EU.

Cùng với ưu đãi trên, EVFTA khi có hiệu lực sẽ giúp tôm Việt ở EU có sức cạnh tranh mạnh mẽ hơn bao giờ hết, đồng thời tạo một bước ngoặt lớn về cơ cấu thị trường tôm Việt. Đặc biệt với lợi thế là công ty duy nhất ở Việt Nam và trên thế giới được chứng nhận bởi Naturland để chế biến tôm sinh thái. CMX cũng là công ty sở hữu vùng nuôi sinh thái đầu tiên trên thế giới và là duy nhất tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn Châu Âu 834/07 và 889/08, giúp CMX còn tiến xa trong bối cảnh xu thế tiêu thụ sản phẩm Bio đang tăng nhanh ở châu Âu.

Bên cạnh ưu đãi về thuế, EVFTA cũng giúp doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn với các dịch vụ phục vụ sản xuất như logistics, bảo hiểm, tài chính... Từ đó, doanh nghiệp có thể tiết kiệm được chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh so với đối thủ chưa có FTA với EU, như Ấn Độ, Thái Lan.

▪ Phá bỏ rào cản về vốn

Một trong những rào cản lớn của năm 2018 là hạn chế về vốn khiến công ty phải hoạt động cầm chừng. Việc bị lỗ lũy kế khiến công ty không thể huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu hay trái phiếu chuyển đổi để cải thiện tình hình tài chính. Trong khi đó nợ vay gấp 5,3 lần vốn chủ sở hữu. Cơ cấu vốn có nợ lớn là rào cản hạn chế công ty trong việc tiếp nhận các đơn hàng lớn do không đủ nguồn vốn lưu động. Trong điều kiện đó, nhờ uy tín thương hiệu nên Camimex đã được các nhà cung cấp cho nợ với thời gian dài để công ty có thể xoay sở quay vòng vốn nhanh. Tuy nhiên công ty cũng chỉ chọn lọc, đáp ứng được 60% nhu cầu của khách hàng.

Năm 2019, sau khi đã thực hiện yêu cầu xử lý hết lỗ lũy kế của các năm trước, cùng với kế hoạch tăng vốn lên gấp 1,5 lần thông qua kênh phát hành trái phiếu; phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện tại, một số ngân hàng như: Vietcombank, Sacombank, Agribank... cũng đã đồng ý gia tăng hạn mức tín dụng cho CMX, giúp nguồn vốn dự kiến sẽ được tăng lên khoảng 1,5 lần, có thể giúp công ty tăng tỷ lệ thực hiện hợp đồng lựa chọn lên 80-90%.

▪ Cập nhật tình hình xuất khẩu tôm 9 tháng đầu năm 2019:

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019, CMX đạt 762 tỷ đồng doanh thu thuần, lãi ròng lên tới 76 tỷ đồng tăng 28,9% so với cùng kỳ năm 2018. Theo đó kết thúc 9 tháng đầu năm 2019 mặc dù cả doanh thu và lợi nhuận đều tăng cao nhưng vẫn còn cách khá xa mục tiêu, cụ thể, CMX mới hoàn thành được 29% mục tiêu về doanh thu và 38% mục tiêu về LNST. Tuy nhiên, Công ty vẫn kỳ vọng có thể đạt được kế hoạch kinh doanh khả quan do:

- ✓ Sản phẩm của CMX chủ yếu là tôm qua chế biến, nên quý 4 mới là các quý xuất khẩu chủ lực của Công ty qua Châu Âu. Bởi thời điểm này là thời điểm các quốc gia ăn tết Dương Lịch có nhu cầu nhập khẩu lớn chuẩn bị cho mùa lễ tết và tổng kết cuối năm, nên

con tôm ở thời điểm này sẽ bán được giá nhất, đặc biệt hàng cao cấp value added Camimex người tiêu dùng có thể mua làm hộp quà tặng dịp cuối năm.

- ✓ Năm 2018, doanh thu và lợi nhuận 6 tháng cuối năm đều tăng rất mạnh so với 6 tháng đầu năm, đặc biệt 6 tháng cuối năm 2018 lãi sau thuế 60 tỷ đồng gấp hơn 4 lần 6 tháng đầu năm. Với diễn biến hiện tại cùng với EVFTA thì 6 tháng cuối năm 2019 sẽ tăng tốc còn mạnh hơn 2018.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2016, 2017, 2018; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Công ty giai đoạn 2017 - 2018, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động tiêu cực lớn thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu năm 2019 của Công ty được xây dựng có cơ sở.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Số cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được Công ty thực hiện các thủ tục để lưu ký và niêm yết bổ sung trong vòng 30 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số chứng khoán chào bán là **13.221.234 cổ phiếu**, cụ thể:

4. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp: phương pháp giá trị sổ sách (BVPS), phương pháp giá thị trường

- **Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách (BVPS)**

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS):

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng CP đã phát hành} - \text{CP quỹ}}$$

Cụ thể:

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2018 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------|
| Tổng nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 138.418.069.716 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Đồng | 2.101.728.829 |
| Số cổ phiếu đã phát hành | Cổ phiếu | 13.221.234 |
| Số cổ phiếu quỹ | Cổ phiếu | 0 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | Cổ phiếu | 13.221.234 |
| Giá trị sổ sách | Đồng/ cổ phiếu | 10.310 |

- **Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá thị trường**

Thị giá trung bình cổ phiếu CMX trong 60 phiên kể từ ngày 22/02/2019 trở về trước (trước khi tiến hành đại hội cổ đông thường niên năm 2019 để thông qua phương án phát hành) là 15.278

đồng/cổ phiếu và 60 phiên giao dịch gần nhất đến ngày 09/08/2019 (khi Công ty chuẩn bị nộp hồ sơ chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) là 24.031 đồng/cổ phiếu.

Kết luận

Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp

| Phương pháp | Giá cổ phiếu |
|--|-----------------------|
| Giá theo phương pháp giá trị sổ sách | 10.310 đồng/ cổ phiếu |
| Giá trung bình theo phương pháp giá thị trường | 19.654 đồng/ cổ phiếu |
| Bình quân | 14.982 đồng/ cổ phiếu |

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, để đảm bảo kế hoạch huy động vốn và tăng thêm lợi ích cho cổ đông hiện hữu vì đây là đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định giá phát hành là **10.000 đồng/cổ phần**

6. Phương thức phân phối

- Đối với những cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký.
- Đối với những cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Camimex Group

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến sẽ được Công ty thực hiện sau khi Công ty nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN cấp nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận có hiệu lực. Công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu như sau:

| STT | Nội dung công việc | Thời gian dự kiến thực hiện |
|-----|--|-----------------------------|
| 1 | Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN. | D |
| 2 | Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (TTLKVN), Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh để triển khai phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. | D đến D+2 |
| 3 | Công bố thông tin về đợt chào bán trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp. | D đến D+7 |
| 4 | Ngày giao dịch không hưởng quyền. | D + 10 |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian dự kiến thực hiện |
|-----|--|-----------------------------|
| 5 | Ngày đăng ký cuối cùng. | D+12 |
| 6 | Phối hợp cùng TTLKVN phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán. | D+19 đến D+26 |
| 7 | Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần. | D+20 đến D+40 |
| 8 | Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có). | D+41 đến D+50 |
| 10 | Xử lý số cổ phần không chào bán hết (nếu có). | D+50 đến D+51 |
| 11 | Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán. Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung. | D+52 |
| 12 | Nhận Giấy phép Lưu ký bổ sung và giấy phép Đăng ký niêm yết bổ sung. | D+62 |
| 13 | Công bố báo chí về việc Niêm yết bổ sung. | D+63 |
| 14 | Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký. | D+53 đến D+64 |
| 15 | Giao dịch cổ phiếu phát hành bổ sung. | D+65 |

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng và tình hình thực tế thực hiện đợt phát hành;
- D là ngày nhận giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Công bố thông tin

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, Công ty sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông của đợt phát hành.

8.2. Phương thức thực hiện quyền

❖ Điều kiện thực hiện quyền

Các cổ đông hiện hữu thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua.

❖ Tỷ lệ thực hiện quyền của các cổ đông hiện hữu: 1:1

Theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua. Số cổ phiếu được quyền mua thêm sẽ được tính theo công thức: *Số cổ phiếu được mua thêm = Số quyền mua*

Ví dụ: tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, một cổ đông sở hữu 1.009 cổ phần, tương ứng 1.009 quyền mua. Số cổ phần cổ đông trên được mua thêm là 1.009 cổ phần.

❖ Thời gian thực hiện quyền

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định.

❖ Phương thức thanh toán quyền mua cổ phần

- **Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- **Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty Cổ phần Camimex Group.

❖ Chuyển giao cổ phiếu

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty Cổ phần Camimex Group sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Công ty.

❖ Quyền lợi người mua cổ phiếu

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại Mục V.7. Quyền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 1 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.

Trường hợp chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông lớn dẫn đến tỷ lệ sở hữu của bên nhận chuyển nhượng vượt quá quy định về chào mua công khai thì Đại hội đồng cổ đông thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua và mua cổ phần của đợt phát hành này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

❖ Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn lại sau khi kết thúc phát hành

Do phát hành theo tỷ lệ 1:1 nên đợt phát hành không phát sinh cổ phiếu lẻ

Đối với số lượng cổ phiếu chưa phát hành hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiếp tục chào bán với giá bằng mệnh giá (10.000 đ/cp) theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác.

Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Quá trình phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu cho các đối tượng khác đảm bảo nguyên tắc: điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu và được thực hiện theo quy định tại **Khoản 3 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ:**

“Trong các trường hợp dưới đây, phương án phải xác định rõ nhà đầu tư được chào bán để Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ được thay đổi sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- Chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó từ 10% trở lên vốn điều lệ của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán trong 12 tháng gần nhất;

Tuân thủ về thời gian hạn chế chuyển nhượng và khoảng cách giữa các đợt chào bán theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định pháp luật có liên quan trong trường hợp tổ chức phát hành là doanh nghiệp thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Tổ chức phát hành không phải là công ty mẹ của tổ chức được chào bán cổ phiếu; hoặc cả hai tổ chức này không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ.”

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Công ty tuân theo Nghị

định 60/2015/NĐ-CP, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Luật đầu tư nước ngoài.

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về tỷ lệ sở hữu người nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam quy định:

“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD Số 2000103908 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 04 năm 2018, hiện CTCP Camimex Group đăng ký 3 ngành nghề với giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài như sau:

| STT | Mã ngành | Tên ngành | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan) | Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện CPH) | Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài) |
|-----|---------------------|--|--|-----------------------------------|--|--|
| 1 | 1020 (Chính) | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên | Không quy định | Không quy định | Không quy định | Không quy định |

| | | | | | | |
|---|------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | | vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân. | | | | |
| 2 | 0321 | Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi tôm | Không quy định | Không quy định | Không quy định | Không quy định |
| 3 | 0322 | Nuôi trồng thủy sản nội địa | Không quy định | Không quy định | Không quy định | Không quy định |

Theo danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên trang <https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi/nganhcap3chitiet/42> và quy định pháp luật thì không có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. Tuy nhiên theo phụ lục 4 Luật đầu tư 2014 ngành nghề kinh doanh của Công ty nằm trong danh mục ngành nghề có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, **tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%**.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 22/02/2019 là 536.327 cổ phiếu, chiếm 4,06%.

Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ này, Công ty phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm chốt danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu, Công ty sẽ kiểm tra tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba;
- Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, ngoài trừ số cổ phiếu được bảo lãnh phát hành.
- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;
- Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

11. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức ... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

11.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- ✓ Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

11.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Số tài khoản: 1014600356

Mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Cà Mau

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Camimex Group

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số: 01/NQĐHĐCĐ.2019 ngày 14/03/2019 về việc phát hành thêm 13.221.234 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư vào các dự án Công ty đang triển khai thực hiện và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

| TT | Khoản mục | Số tiền sử dụng từ đợt phát hành |
|------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1 | Đầu tư máy móc, thiết bị dự án | 48.176.070.120 đồng |
| 2 | Bổ sung vốn lưu động | 84.036.269.880 đồng |
| Tổng cộng | | 132.212.340.000 đồng |

2. Phương án khả thi

2.1. Đầu tư máy móc, thiết bị dự án

Tên dự án: Nâng cấp xí nghiệp 2, xí nghiệp 4 và xây dựng phân xưởng 1 xí nghiệp 5

Mục tiêu dự án: Gia tăng công suất, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao

Camimex hiện đang sở hữu 3 nhà máy chế biến xí nghiệp 2,4,5 với tổng công suất là 10.000 tấn/năm. Các nhà máy của CMX mới chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu của khách hàng. Việc tăng công suất nhà máy sẽ giúp cho CMX đảm bảo năng lực chế biến, nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời giảm chi phí nhân công, thúc đẩy khả năng tăng trưởng trong những năm tới.

Các sản phẩm GTGT của CMX vốn được tiêu thụ rất tốt ở các thị trường Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, với biên lợi nhuận cao và ổn định. Công ty đánh giá việc tăng tỷ trọng mặt hàng GTGT trong cơ cấu doanh thu sẽ nâng cao chất lượng thu nhập, và cải thiện biên lợi nhuận gộp của CMX trong tương lai. Đồng thời, các sản phẩm từ tôm chính thức hưởng mức thuế nhập khẩu 0% từ Mỹ; các hiệp định thương mại tự do với Nhật Bản, Hàn Quốc, EU đã được ký kết và dần có hiệu lực. Nắm được cơ hội này, CMX đã lên kế hoạch nâng cấp trang thiết bị tại xí nghiệp 2, xí nghiệp 4 và xây dựng thêm 1 phân xưởng tôm giá trị gia tăng (tôm tẩm bột, tôm shushi,...) tại xí nghiệp 5 với công suất 6.000 tấn/năm.

2.2. Bổ sung vốn lưu động

- Với tham vọng phát triển nhanh và mạnh hơn nữa, Công ty kỳ vọng doanh thu năm 2019 đạt 2637,3 tỷ đồng tăng 148,29% so với năm 2017. Tuy nhiên vốn điều lệ hiện tại của Công ty sẽ không đủ để đáp ứng nhu cầu sản xuất thực tế, do đó công ty phải tiến hành tăng vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 nhu cầu vốn phát sinh của Công ty như sau:

Bảng 34: Dự tính nhu cầu Vốn lưu động
Đơn vị tính: Triệu đồng

| | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 F |
|--|----------------|----------------|------------------|
| Nhu cầu cho phải thu ngắn hạn | 73.118 | 163.907 | 375.515 |
| Phải thu ngắn hạn KH | 37.363 | 85.534 | 180.927 |
| Ứng trước cho người bán | 25.883 | 66.901 | 166.107 |
| Các khoản phải thu khác | 25.012 | 26.955 | 66.926 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (15.219) | (15.484) | (38.445) |
| Nhu cầu cho hàng tồn kho | 363.045 | 420.979 | 1.015.816 |
| Hàng tồn kho | 384.306 | 420.979 | 1.067.509 |
| Dự phòng giảm giá | (21.261) | | (51.693) |
| Nhu cầu cho TSNH khác | 23.127 | 12.887 | 32.213 |
| Chi phí trả trước | 551 | 1.057 | 2.840 |
| VAT được khấu trừ | 8.947 | 4.311 | 10.703 |
| Thuế phải thu | 13.629 | 7.519 | 18.670 |
| Tổng (1) | 459.291 | 591.774 | 1.423.544 |
| Chiếm dụng từ phải trả ngắn hạn (2) | 267.853 | 337.289 | 714.820 |
| Phải trả người bán | 224.497 | 286.570 | 598.172 |
| Ứng trước của khách hàng | 2.271 | 3.845 | 13.517 |
| Thuế phải nộp | 9.212 | 16.545 | 27.829 |
| Phải trả người lao động | 5.689 | 6.746 | 16.750 |
| Chi phí phải trả | 359 | 399 | 992 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 24.809 | 22.168 | 55.040 |
| Quỹ phúc lợi | 1.015 | 1.015 | 2.520 |
| Nhu cầu vốn lưu động (1) – (2) | 191.438 | 260.485 | 708.724 |
| Nhu cầu vốn bổ sung | | | 448.239 |

Trong đó:

- Nhu cầu cho phải thu ngắn hạn, nhu cầu cho tài sản ngắn hạn, chiếm dụng từ phải trả ngắn hạn năm 2019 F(Ngoại trừ Mục Phải trả người bán) = Doanh thu dự kiến năm 2019 * Tỷ trọng trên DTT
- Hàng tồn kho 2019 F= Giá vốn hàng bán dự kiến năm 2019 * Số ngày lưu kho bình quân/365
- Phải trả người bán 2019 F = Giá vốn hàng bán dự kiến năm 2019 * Số ngày phải trả/365

Tỷ trọng trên DTT, số ngày lưu kho bình quân, số ngày phải trả được trình bày chi tiết tại phụ lục 1

- Tính đến 31/12/2018, Công ty đang phải vay vốn ngân hàng 310,8 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua nguyên liệu. Do vậy, việc tài trợ cho vốn lưu động của Công ty thông qua đợt phát hành lần này sẽ giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào vay ngân hàng cũng như áp lực lãi vay mà vẫn đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh quy mô sản xuất của Công ty đang được mở rộng. Nguồn vốn dự kiến thu được để bổ sung vốn lưu động của Công ty sẽ chủ yếu được phân bổ cho hoạt động mua nguyên liệu sản xuất hàng sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu.

Bảng 35: Chi tiết các khoản vay bổ sung Vốn lưu động tại 31/12/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Hạng mục | Số dư tại 31/12/2018 | Mục đích | Hình thức đảm bảo |
|---|----------------------|---|---|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 310.848 | | |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau | 118.499 | Bổ sung Vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu | Thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng, các khoản phải thu khách hàng thông qua quyền đòi nợ |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau | 51.527 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu | Thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản hình thành trong tương lai và quyền sử dụng đất của bên thứ ba |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau | 89.685 | Bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu | Chứng từ thanh toán xuất khẩu và thế chấp tài sản |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM | 51.138 | Bổ sung vốn lưu động | Hàng hóa và bất động sản chưa hình thành. |

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2018

Phương án xử lý khi đợt phát hành không đủ số tiền dự kiến thu được

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến của đợt phát hành là 50%, tuy nhiên, giá thị trường của cổ phiếu CMX 60 phiên kể từ ngày 09/08/2019 về trước là 24.031 đồng/cổ phiếu. Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 2,4 lần so với giá trị thị trường cổ phiếu, hứa hẹn sẽ mang lại những lợi thế nhất định cho nhà đầu tư, từ đó làm gia tăng tính hấp dẫn của đợt phát hành. Ngoài ra, trong trường hợp cổ phần không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, thì Công ty sẽ sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định, cân đối nguồn vốn thu được để sử dụng vào các mục đích sử dụng vốn đã nêu trên.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công ty, số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

| TT | Khoản mục | Số tiền sử dụng |
|----|--------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Đầu tư máy móc, thiết bị dự án | 48.176.070.120 đồng |
| 2 | Bổ sung vốn lưu động | 84.036.269.880 đồng |
| | Tổng cộng | 132.212.340.000 đồng |

Chi tiết như sau:

| STT | DANH MỤC VẬT TƯ VÀ QUI CÁCH | ĐVT | SLG | ĐƠN GIÁ (đồng) | THÀNH TIỀN (đồng) | GHI CHÚ |
|----------|--|------|-----|-------------------|-----------------------|---------|
| I | ĐẦU TƯ MÁY MÓC, THIẾT BỊ DỰ ÁN | | | | 48.176.070.120 | |
| I.1 | Cụm máy nén lạnh và bơm dịch | | | | | |
| 1 | Cụm Máy Nén | | | | | |
| 1,1 | Cụm máy nén lạnh tầm thấp cho hệ IQF | | | | | |
| 1.1.1 | Hiệu & model : GEA SP1 WB - 6B, 2950 RPM | | 1 | 2.857.161.290 | 2.857.161.290 | Germany |
| 1.1.2 | Hiệu & model : GEA SP1 SB - 6B, 2950 RPM | bộ | 1 | 2.466.580.650 | 2.466.580.650 | Germany |
| 1,2 | Cụm máy nén cho kho lạnh và đá vảy | | | - | - | |
| 1.2.1 | Hiệu & model : GEA SP1 M HA - 3B, 2950 RPM | bộ | 1 | 1.788.000.000 | 1.788.000.000 | Germany |
| 1.2.2 | Hiệu & model : GEA SP1 M GA - 3B, 2950 RPM | bộ | 1 | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 | Germany |
| 1,3 | Cụm máy nén lạnh cho hệ AC, WCH, HP | | | - | - | |
| | Hiệu & model : GEA SP1 M GA - 1B, 2950 RPM | bộ | 2 | 2.434.064.520 | 4.868.129.040 | Germany |
| 2 | Bơm Cấp Dịch | | | - | - | |
| 2,1 | Hiệu & model : TEIKOKU R42-3215N4G-0405TX1-B | bộ | 2 | 184.786.940 | 369.573.880 | Japan |
| 2,2 | Hiệu & model : TEIKOKU R42-3115N4G-0204SX1-B | bộ | 2 | 149.741.140 | 299.482.280 | Japan |
| 3 | Vận chuyển từ cảng về công trường | lô | 1 | 277.566.590 | 277.566.590 | |
| I.2 | Thiết bị ngưng tụ kiểu bay hơi | bộ | 3 | 1.478.005.870 | 4.434.017.610 | |
| 4 | Line băng chuyền IQF cá (như mô tả bên trên) | line | 1 | 9.123.492.990 | 9.123.492.990 | vietnam |
| 5 | Cụm đá vảy 20 tons/day | | | - | - | |
| 5,1 | Máy sản xuất đá vảy - Trồng bằng SS 304 | | | - | - | |
| | Hiệu & model : LIER - LRD 20T/ICE SNOW GMS 20 | bộ | 1 | 633.575.900 | 633.575.900 | China |
| 5,2 | Kho trữ đá vảy : 3.5W x 4.5L x 2.8H [m] | kho | 1 | 400.020.270 | 400.020.270 | vietnam |
| 6 | Hệ làm lạnh nước 15m ³ /h | | | - | - | |
| 6,1 | Dàn lạnh | | | - | - | |
| | Hiệu & model : BUCO - BWP - 500 Kw (loại hở) | bộ | 1 | 665.102.640 | 665.102.640 | Germany |
| 6,2 | Thùng nước lạnh | cái | 1 | 119.474.310 | 119.474.310 | vietnam |
| 6,3 | Bơm tuần hoàn | cái | 1 | 28.036.640 | 28.036.640 | Italia |
| 6,4 | Bơm sử dụng | cái | 1 | 35.842.290 | 35.842.290 | Italia |

| | | | | | | |
|-----|---|----------------|-----|---------------|---------------|----------------------------------|
| 6,5 | Bơm cấp nước đá vẩy (buồng bơm & cánh bơm bằng inox) | cái | 1 | 11.628.830 | 11.628.830 | <i>Italia</i> |
| 7 | Cụm thiết bị làm lạnh chất tải lạnh hệ ĐHKK | | | - | - | |
| 7,1 | Dàn lạnh làm lạnh nước, kiểu tấm phẳng kín | | | - | - | |
| | Hiệu & model : Thermowave thermolineVario TL0400 LCFL | cái | 1 | 278.456.300 | 278.456.300 | <i>Germany</i> |
| 7,2 | Bơm nước lạnh | | | - | - | |
| | Hiệu & model : EBARA 80x 65 FSHA | cái | 2 | 44.603.740 | 89.207.480 | <i>taiwan</i> |
| 7,3 | Dàn lạnh ĐHKK (FCU) trong xưởng | lô | 1 | 1.242.214.660 | 1.242.214.660 | <i>Germany sản xuất tại Indo</i> |
| 7,4 | Tank nước 1.5m ³ kiểu nằm (Inox 304) | cái | 1 | 6.951.230 | 6.951.230 | <i>vietnam</i> |
| 8 | Cụm kho lạnh | | | - | - | |
| 8,1 | Panel kho lạnh | | | - | - | |
| - | Panel P.u cách nhiệt tường & trần kho lạnh dày 150mm | m ² | 820 | 1.115.090 | 914.373.800 | |
| - | Panel P.U cách nhiệt tường & trần phòng hút ẩm dày 125mm | m ² | 105 | 1.042.680 | 109.481.400 | |
| - | Panel P.U cách nhiệt tường & trần phòng đệm dày 100mm | m ² | 249 | 955.790 | 237.991.710 | |
| - | Cách nhiệt nền P.U 150 + bitume + giấy Krat + Nylon | m ² | 340 | 868.900 | 295.426.000 | |
| - | Cách nhiệt nền P.U 125 + bitume + giấy Krat + Nylon | m ² | 32 | 753.050 | 24.097.600 | |
| - | Cách nhiệt nền P.U 100 + bitume + giấy Krat + Nylon | m ² | 90 | 709.610 | 63.864.900 | |
| - | Cửa trượt tay (2400W x 3000H x 120t), bề mặt SUS 304 + Màn nhựa PVC | bộ | 1 | 74.580.930 | 74.580.930 | |
| - | Cửa trượt tay (2400W x 3600H x 120t), bề mặt SUS 304 + Màn nhựa PVC | bộ | 2 | 82.690.710 | 165.381.420 | |
| - | Cửa SUS 34-2B cho kho lạnh - KT : 900W x 1800H x120t mm | bộ | 3 | 20.274.430 | 60.823.290 | |
| - | Cửa PVC đóng mở nhanh 2.4 x 3.6 [m] - có dock house | bộ | 1 | 304.116.430 | 304.116.430 | |
| - | bộ cửa xuất nhập hàng, gồm : | | | - | - | |
| * | Cửa trượt tay, hướng lên, cách nhiệt bằng foam PU (38~42kg/m ³), 2 mặt bọc colorbond, kích thước 3,000w x3,000H x 40t | bộ | 1 | 60.533.650 | 60.533.650 | |
| * | Dock shelter và túi khí trùm đuôi xe, 3,400W x 3,800H x 600D | bộ | 1 | 91.959.020 | 91.959.020 | |

| | | | | | | |
|-----------|---|----|---|---------------|------------------------|----------------|
| * | Dock leverller, 2,000W x 2,000L x 850D | bộ | 1 | 99.923.970 | 99.923.970 | |
| - | Phụ kiện trang bị & lắp đặt panel : Đồng hồ nhiệt độ, van cân bằng áp suất, chuông báo động, silicone, sealant, rivê, foam trreo trần, thanh nhôm L, sắt thép, Boulong dù, thanh răng, .. | lô | 1 | 411.170.850 | 411.170.850 | |
| - | Hệ thống chiếu sáng kho lạnh : Đèn chiếu sáng, tủ điện, dây điện máng điện,... | tủ | 1 | 144.817.350 | 144.817.350 | |
| - | Nhân công lắp đặt | lô | 1 | 179.573.510 | 179.573.510 | |
| - | vận chuyển panel | lô | 1 | 138.783.290 | 138.783.290 | |
| 8,2 | Thiết bị bay hơi | lô | 1 | 820.194.720 | 820.194.720 | |
| 9 | Hệ thống cấp gió tươi | | | - | - | |
| 9,1 | PAU làm lạnh không khí | lô | 1 | 961.587.200 | 961.587.200 | |
| 10 | Bình áp lực các loại (bao gồm hồ sơ, lý lịch bình) | hệ | 1 | 1.296.549.730 | 1.296.549.730 | <i>vietnam</i> |
| 11 | Tủ điện động lực & điều khiển | tủ | 1 | 1.965.461.060 | 1.965.461.060 | <i>vietnam</i> |
| 12 | Van gas & van nước | lô | 1 | 1.968.172.040 | 1.968.172.040 | |
| - | Van các loại | lô | 1 | 337.178.230 | 337.178.230 | |
| 13 | Vật tư lắp đặt hệ thống | hệ | 1 | 3.685.201.780 | 3.685.201.780 | |
| 14 | Nhân công lắp đặt & vận chuyển | hệ | 1 | 2.150.311.360 | 2.150.311.360 | |
| II | BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG | | | | 84.036.269.880 | |
| | TỔNG | | | | 132.212.340.000 | |

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C****Chi nhánh Cần Thơ**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Địa chỉ: 15-13, đường Võ Nguyên Giáp - Phường Phú Thứ - Quận Cái Răng – Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3764 995

Fax: (0292) 3764 996

Website: <https://a-c.com.vn/>**TỔ CHỨC TƯ VẤN****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Biên cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888

Fax: (024) 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>**Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM

Điện thoại: 08.3915 1368

Fax: 08. 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 352 5777

Fax: 0511. 352 5779

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với vai trò là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán lần này sẽ được sử dụng để đầu tư bổ sung vào các dự án hiện tại của Công ty và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

Khối lượng chào bán đợt này khá lớn với 13.221.234 *cổ phiếu*, tương đương 132.212.340.000 *đồng*, tương ứng 100% vốn điều lệ hiện tại của Công ty. Tuy nhiên nguồn vốn này phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 *đồng/cổ phiếu*, thấp hơn nhiều giá trị sổ sách và giá giao dịch tại HOSE ở thời điểm hiện tại nên tổ chức tư vấn đánh giá cơ hội thành công của đợt phát hành

này là rất lớn.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị về phương án xử lý số cổ phần không bán hết, số cổ phần cổ đông hiện hữu từ chối mua sẽ được:

- Chủ tịch HĐQT tiếp tục chào bán với giá bằng mệnh giá (10.000 đ/cp) theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác.
- Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Cuối cùng, số cổ phiếu chào bán không được mua hết dẫn đến số tiền thu được không đủ tài trợ cho mục đích chào bán thì Công ty sẽ sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung.

PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Tỷ trọng trên DTT, số ngày lưu kho bình quân, số ngày phải trả giai đoạn 2015-2018 và dự tính năm 2019
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán Công ty mẹ 2017, 2018; Báo cáo tài chính đã kiểm toán hợp nhất 2017, 2018; Báo cáo tài chính soát xét quý II/2019 Công ty mẹ, hợp nhất; Báo cáo tài chính quý III/2019.
5. **Các tài liệu khác có liên quan**

PHỤ LỤC I: TỶ TRỌNG TRÊN DTT, SỐ NGÀY LƯU KHO BÌNH QUÂN, SỐ NGÀY PHẢI TRẢ GIAI ĐOẠN 2015-2018 VÀ DỰ TÍNH NĂM 2019

| | Đơn vị | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019F |
|------------------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu thuần | tỷ đồng | 812 | 845 | 898 | 1.062 | 2.637 |
| Giá vốn hàng bán | tỷ đồng | 690 | 776 | 770 | 867 | 2.205 |
| Các khoản phải thu | | | | | | |
| Phải thu ngắn hạn KH | % DTT | 9,28% | 5,95% | 4,16% | 8,05% | 6,86% |
| Ứng trước cho người bán | % DTT | 1,60% | 3,13% | 2,88% | 6,30% | 6,30% |
| Các khoản phải thu khác | % DTT | 1,76% | 1,78% | 2,78% | 2,54% | 2,54% |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | % DTT | -1,81% | -1,81% | -1,69% | -1,46% | -1,46% |
| Hàng tồn kho | | | | | | |
| Số ngày lưu kho bình quân | Ngày | 185,87 | 161,73 | 182,13 | 177,04 | 176,69 |
| Dự phòng giảm giá | % HTK | -8,3% | -5,5% | -5,5% | 0,0% | -4,84% |
| Nhu cầu cho TSNH khác | | | | | | |
| Chi phí trả trước | % DTT | 0,18% | 0,09% | 0,06% | 0,10% | 0,11% |
| VAT được khấu trừ | % DTT | 0,778% | 0,872% | 0,996% | 0,406% | 0,41% |
| Thuế phải thu | % DTT | 2,98% | 2,20% | 1,52% | 0,71% | 0,71% |
| Phải trả ngắn hạn | | | | | | |
| Số ngày phải trả | Ngày | 81,69 | 87,44 | 106,40 | 120,51 | 99,01 |
| Ứng trước của khách hàng | % DTT | 0,94% | 0,92% | 0,25% | 0,36% | 0,51% |
| Thuế phải nộp | % DTT | 1,16% | 0,58% | 1,03% | 1,56% | 1,06% |
| Phải trả người lao động | % DTT | 0,51% | 0,56% | 0,63% | 0,64% | 0,64% |
| Chi phí phải trả | % DTT | 0,30% | 0,12% | 0,04% | 0,04% | 0,04% |
| Phải trả ngắn hạn khác | % DTT | 3,94% | 3,28% | 2,76% | 2,09% | 2,09% |
| Quỹ phúc lợi | % DTT | 0,12% | 0,12% | 0,11% | 0,10% | 0,10% |

Hà Nội, ngày ...3.4... tháng ..12.... năm...2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



BÙI SĨ TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN AN NINH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN ĐĂNG DUÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TRỌNG HÀ



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH